LÊ QUÝNH

BẮC HÀNH TÙNG KÝ

HOÀNG XUÂN HÃN
dịch và giới thiệu

京都大学図書
2000001038
大学院 AA研究科

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

BẮC HÀNH TÙNG KÝ

LÊ QUÝNH

BẮC HÀNH TÙNG KÝ

HOÀNG XUÂN HÃN *Dịch và giới thiệu*

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ 1993

LỜI GIỚI THIỆU

Cuối năm Đinh mùi (1787- 1788), Bắc Bình Vương sai Vũ Văn Nhậm đem quân trở ra Thăng Long hỏi tội Nguyễn Hữu Chỉnh. Quân Lê thua, vua Chiêu Thống chạy lên vùng Kinh Bắc. Các cựu thần không mấy người theo.

Các người hộ tùng phần đông là người trẻ tuổi con cháu những danh thần, trong đó có Ngô Thì Chí con Ngô Thì Sĩ và Lê Quýnh con Lê Doãn Giãn.

Ngô Thì Chí soạn bảy hồi đầu sách *Hoàng Lê nhất thống chí* khiến ta biết nhiều việc về Lê mạt đến ngày vua Cảnh Hưng mất. Sách ấy được những người cùng họ, Ngô Thì Du, Ngô Thì Thiến tục biên cho đến hết đời Tây Sơn. Từ khi được dịch ra Việt ngữ, sách này rất được phổ biến nên không mấy người học giả không biết đến. Nhờ đó, ngày nay ta còn biết rõ nhiều biến cố xảy ra trên đất nước ta trong thời kỳ ấy. Nhưng đối với những vong thần theo vua Chiêu Thống chạy sang Thanh sau khi quân Tôn Sĩ Nghị bị tan, thì thiếu nhiều điều mà ta muốn biết.

Trong nhóm vong thần ấy, Lê Quýnh còn để lại một tập ký sự, *Bắc hành tùng ký*, ghi lại những biến cố xảy ra có quan hệ đến bản thân và đến một số nhân vật liên quan đến hồi mạt vận nhà Lê. Tuy rằng phần lớn sách chép về khoảng đời sống trong ngục thất ở Bắc Kinh, nhưng có đoạn, nhất là trong phần đầu, bổ túc và cải chính *Hoàng Lê nhất thống chí* và quốc sử. Cái qúi của sách này là trực tiếp cho

ta biết rành rọt tiết tháo của một vong thần, vốn lìa nước để hòng cầu viện, nhưng lại bị giữ vì Thanh sợ cuộc bang giao với Quang Trung bị quấy. Mặc dầu mọi cách ép về tinh thần rồi về vật chất, Lê Quýnh cùng một nhóm không chịu cải trang, không chịu cắt tóc, không chịu nhận chức tước và cam chịu cầm tù trong mười ba năm, cho đến khi triều Tây Sơn hết, mới được tha, được đem quan tài Chiêu Thống về nước với tóc dài áo rách lúc ra đi.

Kí tải về Lê Quýnh có nhiều, như *Lê sử phổ biên, Lê qúi kỉ sự, hồ sơ điều tra* của quan tỉnh Bắc Ninh đời Tự Đức thứ mười (1857) còn chép trong *Lê triều tiết nghĩa lục,* và nhất là bài *Mộ bi* khắc năm Gia Long thứ mười hai (1813) soạn bởi Nguyễn Đăng Sở đậu hoàng giáp khoa cuối đời Lê. Góp nhặt và suy đoán ít nhiều, tôi sẽ kể qua niên biểu của Lê Quýnh để độc giả tiện đọc bản dịch *Bắc hành tùng ký* mà tôi sẽ trình sau.

Lê Quýnh quê làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, xứ Kinh Bắc (Bắc Ninh).

Cha và chú đều đậu tiến sĩ, làm quan đồng triều.

Sinh năm Canh tuất đời Cảnh hưng (1750). Năm 21 tuổi (1770), được bổ Văn quán nho sinh, có lẽ nhờ phụ ấm chứ không thi đậu gì. Vả theo một tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí,* thì Quýnh lúc trẻ là một công tử chơi bời, nhưng cũng khá biết làm văn. Xét thi văn của y, ta cũng thấy y là người có học nhưng không tài hoa gì lắm.

Năm 25 tuổi (1774), cha mất, Quýnh về làng ở nuôi

mẹ.

Sau khi Nguyễn Huệ ra Thăng Long diệt Trịnh, Quýnh đem 300 gia đinh ra Kinh để giữ nhà vua (1786 - 37 tuổi) được vua Chiêu Thống giao cho coi quân Tả và Hữu vệ (1787).

Tháng chạp năm ấy, Vũ Văn Nhậm kéo quân ra chiếm Thăng Long, vua Chiêu Thống chạy lên phủ Lạng Giang. Quýnh đem hương binh đuổi theo hộ vệ. Chiêu Thống chuyển sang huyện Chí Linh, rồi năm sau Mậu thân (1788), chạy xuống xã Vị Hoàng (Nam Định), phong Quýnh tước Trường phái hầu, rồi sai Quýnh đi cùng quốc cậu Nuyễn Quốc Đống lên huyện Vũ Nhai ở Thái Nguyên để hộ vệ Thái hậu, nguyên phi là Nguyễn Thị Kim và con trai.

Tháng tư năm ấy (Mậu thân 1788), Quýnh đến Vũ Nhai. Viên đốc trấn Cao Bằng tới đón cung quyến chạy lên trấn thành Mục Mã (Cao Bằng). Tháng năm đến đó. Bị quân Tây Sơn đuổi gấp. Mọi người dìu nhau qua sông Phất Mê mà sang đất Thanh. Tháng sáu, tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị được lệnh che chở cung quyến trú ngụ tại Nam Ninh và sai hỏi tình hình trong nước ta. Vua Càng Long bằng lòng cứu viện vua Lê.

Tháng bảy, Quýnh và Quốc Đống qua đường biển về nước. Tháng chín, gặp vua Chiêu Thống ở huyện Tứ Kỳ (Hải Dương); rồi cùng Lê Duy Đản và Trần Danh Án lại qua đường Ải Điếm sang phủ Thái Bình thuộc Quảng Tây để cảm ơn. Tháng mười gặp Tôn Sĩ Nghị ở đó.

Ngày 24 tháng mười, Sĩ Nghị phát quân. Ngày mồng một tháng mười một qua cửa ải Trấn Nam. Lê Quýnh và Lê Duy Đản theo làm cố vấn. Khi quân đến huyện Bảo Lộc (Bắc Giang), Quýnh đi tìm vua Chiêu Thống. Ngày 20 tháng 11, quân Thanh qua sông Thị Cầu (sông Cầu). Ngày sau, Quýnh đưa vua Chiêu Thống ra gặp Sĩ Nghị ở phía bắc sông Nhị. Ngày 22, Tôn Sĩ Nghị sang sông vào thành phong Chiêu Thống làm An Nam quốc vương.

Những ngày tháng kể trên đây là theo sách *Bắc hành tùng ký*. So với sách *Thánh vũ ký* của người Thanh (xem sử địa số 9-10), thì chậm sau hai ngày. Xét về phép lịch dùng triều Thanh và triều Lê tuy có khác, nhưng vào khoảng này không thể xê dịch hai ngày. Tôi tạm giữ thoại của Lê Quýnh (Xem *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ* 1966, trang 215, chú thích 5).

Theo Lê Quýnh, Sĩ Nghị giao cho Quýnh việc binh lương để sửa soạn tấn công vào Nam, nhưng rồi lại định chiêu hàng. Vua Chiêu Thống giao cho chức Bình chương sự, coi các việc Binh và Hộ Nhưng vì bịnh sốt rét phát mạnh, nên xin về quê nhà nghỉ. Nhưng *Hoàng Lê nhất thống chí* (một tác giả chắc có ác cảm với Quýnh) lại chép lại rằng hằng ngày Quýnh cưỡi ngựa theo vua đến doanh Sĩ Nghị, và rằng Quýnh đã không tán thành sự giục Sĩ Nghị tiếp tục tấn công, vì sợ Sĩ Nghị không bằng lòng. Dẫu sao, cái triều đình bọt nước một tháng sau liền tiêu tán bởi cuộc tấn công chớp nhoáng của Quang Trung (đầu tháng giêng

năm Kỉ dậu 1789). Chiêu Thống theo Sĩ Nghị chạy vào Quảng Tây. Sĩ Nghị bị cách chức, Phúc Khang An được thay chân. Với chính sách ngoại giao mềm dẻo của Quang Trung và văn từ bạt thiệp của Ngô Thì Nhậm, Phúc Khang An chuyển sang thế hòa (khoảng tháng ba năm Kỉ dậu 1789).

Trong cơn binh hỏa này, Quýnh ở quê nhà. Khi bệnh đã khỏi, toan tìm kế kháng Tây Sơn. Tháng 5, Phúc Khang An vừa biên thư giục Quang Trung sửa soạn sang chầu (xem *Quang Trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng 1951, trang 233), vừa gọi Quýnh sang Quảng Tây để hỏi chuyện. Tháng 7, Quýnh đến Nam Quan, tháng 8 đến Minh Ninh. Bấy giờ vua Càn Long đã phong Quang Trung làm An Nam quốc vương rồi. Tháng 9, viên coi đạo Tả Giang bảo phải cắt tóc và cải trang, tạm ở lại. Quýnh cự lại. Viên coi Hữu Giang ba lần lại ép, trong nhóm bạn hữu và con em Quýnh cùng đi, cả thảy mười ba, mười bốn người, Quýnh và năm người khác nhất định không tuân lời. Còn dư thì Quýnh bằng lòng cho tuân lệnh, trong đó có cả con Quýnh tên Doãn Thuyên còn trẻ bé. Bọn cứng đầu đều bị đem an trí ở phủ Khánh Viễn thuộc Quảng Tây. Dọc đường hai người trong nhóm bị bệnh chết: Nguyễn Đồng mất ở Nam Ninh (24 tháng 9) và Nguyễn Mậu Nễ mất ở Liễu Châu (22 tháng 10). Trong lúc ấy, Chiêu Thống và các hộ tùng đã nghe lời Phúc Khang An cắt tóc cải trang và trú ở Quế Lâm;và sách phong sứ triều Thanh đã tới Thăng Long.

Tháng 11, bọn Quýnh, chỉ còn bốn người, được gọi đến

Ngô Châu để gặp Phúc Khang An. Bốn người ấy là Quýnh, đường đệ Quýnh tên Doãn Trị, và Trịnh Hiền thuộc họ chúa Trịnh, quê làng Biện Thượng và Lý Bỉnh Đạo (có tên Gia Du) người huyện Kim Bảng, xã Thụy Lôi. Khang An bảo cắt tóc cải trang. Bọn Quýnh không chịu. Quan Thanh lại cho biết rằng Nguyễn Huệ đã hàng, và đổ lỗi giả lấy cương thường để phá chính sách của Thiên triều. Nhưng Khang An cũng hứa chuyển lời tâu và bảo đem đi Quế Lâm để đợi mệnh.

Tháng chạp, đến Quế Lâm. Có lẽ người Thanh không muốn cho gặp Chiêu Thống, cho nên cuối tháng bọn Quýnh tới tỉnh thành Quảng Đông, và đem bọn Chiêu Thống lên Bắc Kinh.

Đầu năm sau (Canh tuất 1790), bọn quýnh lại bị giải lên Bắc Kinh. Tháng ba, đến Duyễn Châu (Sơn Đông). Vua Càn Long đi đông tuần qua đó. Được vua an ủi và hứa không bắt tội (mồng 4). Quan quân cơ lại bảo hãy đi Kinh đợi khi vua về sẽ xử trí.

Ngày 23 tháng 3 đến bộ Hình. Bị giữ ở nhà tù Bắc Sở, chia làm hai nơi.

Tháng 5, qua đề thẩm(coi việc xử án) dỗ nếu cắt tóc cải trang thì sẽ được ban chức vị trong một đạo quân như mọi người khác. Bọn Quýnh viện nhiều lẽ để chối từ. Người Thanh đem Chiêu Thống đến và bảo dỗ. Quýnh nói ý rằng vua bị ép mà dỗ, nhưng thực không muốn dỗ, rồi cũng không nghe lời.

Tháng 6, người Thanh lại bảo Đinh Nhã Hành, Phạm Như Tùng và Nguyễn Quốc Đống tới nhà ngục thăm và dỗ, nhưng cũng vô hiệu. Bấy giờ, giả vương An Nam sắp tới nơi triều yết. Chắc các người chức trách trong triều Thanh rất nóng lòng xử trí cho xong việc bọn Quýnh "trái mệnh", cho nên họ mới phải dùng đủ mọi cách để khuất phục. Tháng 7, giả vương tới. Cuối tháng 8 trở về. Coi chừng người Thanh cũng để bọn tù nhân kia ở yên một lúc. Nhưng đối với đạo nghĩa thì chúng cũng hổ thẹn một phần nào. Cho nên, chúng lại gắng dỗ một phen nữa.

Tháng 11 (Canh tuất 1780), quan thuộc Hậu quân Nhương hoàng tinh (đội quân có trách nhiệm quản thúc các người vì nhà Lê mà tị nạn ở Thanh) và quan bộ Hình đem con Quýnh, là Doãn Thuyên, tới bảo Quýnh rằng nếu chịu cắt tóc cải trang thì cha con sẽ được đoàn tụ. Quýnh chỉ khuyên con theo hầu vua Chiêu Thống, chứ không chịu nghe lời quan Thanh.

Cùng chẳng đã, tháng 12, quan đề thẩm, là thượng thư bộ Hình, Hồ Qúi Đường dọa rằng nếu không nghe lời thì sẽ chết già ở ngục; nhưng cũng không hiệu quả. Cuối cùng giao cho giám ngục đem giam chung một sở. Thế là án không tuân lệnh đã thành.

Trong lúc ấy, Chiêu Thống và các tùng vong dễ bảo hơn đều được ban chức vị và cấp bổng lộc. Chiêu Thống được ban hàm tam phẩm (xem *Thánh vũ kí*, chức tá lĩnh Hậu quân hiệu Nhương hoàng tinh và đời đời nối chức. Chiêu

Thống và tùy thần ở làm hai An Nam doanh: tây và đông. Chiêu Thống ở Tây doanh gần Quốc tử giám với mẹ và con. Tháng 3 năm sau (tân hợi 1791) vua Lê sai Nguyễn Quốc Đống đem quà tới cho bọn Quýnh, nhưng viên cai ngục không để cho vào. Ấy vì lẽ tiết tháo nhóm Quýnh đã khiến Chiêu Thống và các tòng vong khác bỏ thái độ nhẫn nhục từ trước đến bấy giờ. *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Lê sử bổ biên* đều chép (văn từ gần y như nhau) sự dây hỏa cho các vong thần. Sau đây là lời sách *Lê sử bổ biên* :

"Tháng 10 năm canh tuất 1790, vua Lê nghĩ rằng người Thanh không thể cậy, bèn định kế với mười người bầy tôi _ Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quí Thích, Nguyễn Đình Miên, Lê Tùng, Lê Thức - tháp huyết mà thề với nhau; sẽ viết biểu xin binh, nếu không bằng lòng thì xin đất hai châu Tuyên Quang và Thái Nguyên để về đó thờ cúng họ Lê, hoặc ngầm về Hà Quảng (thuộc Cao Bằng. Ngô Tất Tố đã theo dịch *Hoàng Lê nhất thống chí* lầm Gia Định) để o toan phục hưng, quyết không chịu sống trộm trên đất Bắc. Sẽ qùi sân vua cố nài xin. Nếu có sự bất trắc, thì cùng chịu sống chết".

"Trước hết tới báo cho Kim Giản biết (đô thống coi hiệu Nhưỡng hoàng tinh phụ trách các người vong thần). Kim Giản không tiếp. Cùng nhau ra cửa, phục xuống đất mà kêu to. Giản bất đắc dĩ mời vào đãi trà và bảo hãy về quán, đợi sẽ thương lượng. Tháng 11, có ba người thư ký

(nguyên văn: *Khuê lan đại*, và chú thích : cũng như thư ký ở bản quốc. Ngô Tất Tố cho là tên người) tới báo rằng :" Giản đã được chỉ cho vua đất Khâm Châu. Năm sau, mùa xuân ấm hoa nở, sẽ đi về cũng chưa muộn ".

"Tháng 3 năm Tân hợi (1791), thư ký lại đến mời vua Lê và các bầy tôi tới Ấn phòng, mời chè trái rồi bảo về. Dè đâu, viên các thần Hòa Thân (người Mãn Châu đỡ đầu Phúc An Khang và chủ hòa trong việc An Nam, rất quyền thế. Sau khi Càn Long mất, y bị trị tội và phải tự tử) làm hại; đã thôi việc viện binh lại muốn phân tán người nước ta để im tiếng kêu ca.

" Ngày 20 tháng 4, thư ký lại ruổi ngựa tới bảo rằng: "Vâng chỉ cho nhà vua châu Tuyên Quang để ở. Hãy giục những viên đương việc mặc áo mũ vào tạ ơn". Các bầy tôi theo thư ký đến Ấn phòng. Người Thanh sai lấy xiềng sắt khóa lại, bỏ lên xe trâu, đưa an trí ngoài ba trăm dặm. Ngày 21, đưa Hoàng Ích Hiểu đi Y Lê, Lê Hân đi Phụng Thiên, Phạm Như Tùng đi Hắc Long Giang, Nguyễn Quốc Đống đi Cát Lâm, bọn Nguyễn Viết Triệu và Lê Văn Trương đi Nhiệt Hà, Trương Gia Khẩu. Còn lại Phạm Trần Thiện và Đinh Nhã Hành lưu lại hầu vua Lê ở Yên Kinh".

Tháng 5 (Tân hợi 1791), bọn Quýnh phong thanh tin ấy, nhưng tuyệt nhiên không thông tin tức được. Mà quả vậy, trong hơn mười năm bị giam cầm, tuyệt nhiên không có tin tức gì bạn hữu bà con ở ngoài. Ngày 20 tháng 5 năm Nhâm tý (1792) con trai Chiêu Thống mất vì chẩn đậu;

Quýnh cũng không biết. Ngày 29 tháng 7 năm ấy, Quang Trung mất, Quýnh về sau lâu ngày mà cũng không hay. Ngày 16 tháng 10 năm sau (Quý sửu 1793) vua Chiêu Thống mất, tuy biết, nhưng bọn Quýnh không được phép ra đưa tang. Còn chuyện bên nước nhà, hai lần may có người đàn bà Việt từng bị quân Tàu ô bắt rồi cùng bị đày lên phương Bắc tạm bị giam cùng bọn Quýnh, kể cho bọn Quýnh biết qua loa vài việc.

Còn người Thanh, tuy giam Quýnh ban đầu vì chính trị, sau thành vì pháp luật, nhưng chúng vẫn trọng Quýnh. Trong mấy năm đầu, thỉnh thoảng tới hỏi Quýnh về một vài nhân vật dính dáng đến vua Lê. Sự lạ là vào tháng 5 năm Nhâm tý (1792), vị đại thần coi Quân cơ gọi Quýnh vào phủ Nội vụ hỏi về phe chống Tây Sơn và về em Chiêu Thống là Lê Duy Chi, tuy rằng Duy Chi đã bị bắt và giết vào cuối năm Canh tuất (1790). Đúng một năm sau, vào tháng 5 năm Qúi sửu (1793) viên thu thẩm bộ Hình lại hỏi về một người chú Chiêu Thống và mấy viên tù trưởng vùng Cao Bằng.

Năm Gia Khánh lên ngôi (Bính thìn 1796), Quýnh ở tù đã bảy năm. Bấy giờ đã 47 tuổi. Người Thanh ý chừng nhân lễ đăng quang, muốn tìm cách thả bọn Quýnh, nhưng Quýnh không chịu cắt tóc và vẫn xin về (tháng 2 năm ấy). Cho nên lại vẫn nằm tù.

Đời trong tù đã đè nặng trong tâm hồn các bạn Quýnh và cả Quýnh. Một chứng là vào tháng chạp năm sau (Đinh tỵ 1797) một bạn Quýnh đã mắng lại người giữ ngục, khiến

người này giận giữ om sòm. Quýnh thảo tờ trình quan đề lao, phản kháng và bảo chỉ nên phạt một mình Quýnh là người đứng trách nhiệm mà thôi.

Cũng may, cả bốn bạn đều biết làm thơ. Chắc rằng thường lấy văn tự làm khuây và an ủi. Trong tập thơ Quýnh còn lại có chép một số thơ làm vào khoảng ở tù, như họa thơ vua Chiêu Thống gửi thăm (tháng 4 năm Tân hợi 1791?), nhất là trong các năm Mậu ngọ Kỉ mùi (1798 - 1799): thơ cảm tác đêm trừ tịch năm Đinh tỵ (1797), thơ ngẫu thành, thơ vịnh lên 50 tuổi (Kỉ mùi 1799).

Năm Kỉ mùi này có lẽ là năm lòng Quýnh bị giao động nhất. Tuổi lên đúng năm chục, ngồi tù đã mười năm. Ngày thượng nguyên (rằm tháng giêng) là ngày hội treo đèn, mà phải ngồi trong phòng tối. Quýnh thuật hoài trong bài *Bắc sở tự tình* dài 384 chữ, dán lên vách. Quan lang trung bộ Hình thấy mà ngùi. Có lẽ nhờ đó mà các vị đại thần cứu vãn. Nhân năm ấy, vua Càn Long ba năm trước đã nhường ngôi cho con là vua Gia Khánh, bấy giờ mới mất, vua Gia Khánh mới rộng tay trừng phạt tụi quyền thần Hòa Thân, nguyên đã bạc đãi các vong thần người Việt.

Tháng 2, quan thu thẩm bộ Hình được lệnh trên tới xét hỏi. Quýnh xin về nuôi mẹ. Ngày 14, đáp lời yêu cầu của quan đề thẩm, Quýnh trình tờ bẩm, ý nói Tây Sơn được phong vương, ấy là ý trời đã định: vậy chỉ xin về ở gần biên giới để tiện việc qua lại buôn bán thăm viếng cha mẹ, hoặc đem cha mẹ qua ở cùng; nếu được vậy bọn Quýnh xin cắt

tóc để đền ơn. Thị lang Hùng Mai không bằng lòng câu " qua lại buôn bán" và bảo rằng : nếu chịu cắt tóc thì cho ở doanh An Nam (ở Bắc Kinh), nếu không thì đưa đi an trí ở Nhiệt Hà. Sau đó tuy chưa được thả, nhưng cách giam cầm không nghiệt như trước nữa.

Ngày rằm tháng 6, quan Thanh đem con Quýnh, Doãn Thuyên đến thăm cha. Thế là chỉ cách nhau trong gang tấc mà phải đợi mười năm cha con mới gặp nhau trở lại. Quýnh rất cảm kích. Từ đó Doãn Thuyên trở lại thăm cha nhiều lần. Ngày 13 tháng 8, thượng thư bộ Hình sai người đem Doãn Thuyên đến mà dỗ một lần nữa. Nhưng Quýnh tuy cũng tỏ ý không còn muốn phục thù gì nữa, nhưng cũng không hứa chịu cắt tóc cải trang. Ngày 23 tháng 10, quan Thanh lại đem Doãn Thuyên và người nhà đến dỗ như trước. Quýnh viết một bài trình dài nhắc lại lời quan bộ Hình đã dọa đưa an trí ở Nhiệt Hà, mà trả lời rằng Nhiệt Hà cũng là đất vua, như doanh An Nam, như ngục Bắc Sở. Nhưng Quýnh cố nài cho đưa gia quyến về quê nuôi mẹ, chắc rằng Tây Sơn không nỡ giết, mà có giết nữa cũng cam lòng.

Tháng 11, được tin mẹ vua Chiêu Thống mất ở Tây Doanh, không được phép ra đưa tang, bọn Quýnh chỉ gửi thư thăm kẻ nối chức Chiêu Thống (chú Chiêu Thống được nối chức tá lĩnh ở Hậu quân Nhưỡng hoàng tinh) và các vong thần ở hai doanh.

Phải đợi đến tháng 4 nhuận năm sau (Canh thân 1800) mới được ra ngục, nhưng vẫn chưa được thả. Ngày mồng 4,

bọn Quýnh được đưa đi an tháp ở doanh Hỏa Kí ở phía Tây thành và cách thành 12 dặm (chừng bảy cây số) và giao cho Định thân vương coi giữ, lương thưởng thì Nhưỡng hoàng tinh cấp như các vong thần khác. Được phép đi thăm mộ chúa, tiếp con và gia nhân.

Tháng chạp, nhân đi viếng mộ Chiêu Thống, mẹ và con, Quýnh gặp Tá Lĩnh công (chú Chiêu Thống), bèn bàn chuyện xin vua Thanh cho đem hài cốt ba người ấy về nước. Rồi làm lời bẩm gửi lên. Ngày tháng 2 năm sau (Tân dậu 1801) nhờ Định thân vương tâu hộ. Từ đó bà con đi lại tự do.

Trong lúc đó, quân Nguyễn Ánh đã lấy Phú Xuân (mồng 3 tháng 5 Tân dậu 1801). Cảnh Thịnh chạy ra Thăng Long. Sau khi phá cuộc phản công ở lũy Trấn Ninh (Quảng Bình), Nguyễn Ánh xưng đế với niên hiệu Gia Long (mồng 2 tháng 5 năm Nhâm tuất 1802) và sai Trịnh Hoài Đức sang Thanh triều cầu phong. Tháng giêng năm sau (Quí hợi 1803), Quýnh được tin ấy. Đợi đến tháng 2, sau khi biết tin chắc thật, bàn viết tờ bẩm xin về nước, nhờ Định thân vương chuyển tâu.

Vua Càn Long không trả lời liền, vì đang đợi sứ bộ Trịnh Hoài Đức đến Yên Kinh. Ngày 25 tháng 7 (Quí hợi 1803), bọn Quýnh nghe tin sứ bộ đi gần tới nơi, bèn xin phép đi đón. Một việc may không ngờ xảy đến: ngày hôm Quýnh được tin rằng có con mình, Doãn Trác, làm hành nhân trong sứ bộ để đi tìm tin tức cha. Mừng quá, Quýnh

đi tuột đến Trạch Châu tìm con; rồi bị viên tri châu sở tại bắt giải về Kinh vì coi như đã đào ngũ. Ngày mồng 2 tháng 8, bộ Hình xét xử. Vua Càn Long phê rằng việc Quýnh làm đó là " nhân tình chi thường" nên không bắt tội. Quýnh hiểu rằng sắp được tha trở về quê.

Ngày mồng 1 tháng 9, quan Hậu quân Nhưỡng hoàng tinh tới hỏi Quýnh có xin về nước nữa không, rồi quan coi Hỏa khí doanh là Định thân vương tới bảo rằng: vua đã ưng thuận cho đem hài cốt chúa cũ về nước, nếu bọn Quýnh muốn về thì làm tờ trình. Chẳng phải nói, tất cả đều tình nguyện đưa quan tài Chiêu Thống về nước. Nhưng ta cũng không nên nghĩ rằng người Thanh đã đặt những câu hỏi ngớ ngẩn. Đó chỉ là thủ tục và luật lệ ấy mà bọn Quýnh đã bị giam trong mười ba năm.

Tháng 8 năm sau (Giáp tí 1804), Quýnh và tất cả những tòng vong còn sống sót về đến Bắc Thành (Thăng Long cũ) đem về quan tài Chiêu Thống, mẹ và con trai, cùng với tàn cốt của những tòng vong đã mất. Bấy giờ tất cả cựu thần triều Lê còn sống sót đều đến đón. Chuyện Lê Thị Kim vợ Chiêu Thống tự tử sau khi ra nhận và tế xác chồng con, đã gây một tiếng dội phi thường xứng với khí tiết của nhóm Quýnh, tiêu biểu cho luân lý Đông phương cổ điển.

Sau khi về nước, Quýnh không nhận chức tước triều mới ban cho, tới ở chùa xã Đại Đồng thuộc huyện nhà (Siêu Loại) được một năm thì mất (ngày 16 tháng 9 năm Ất sửu

1805) thọ 56 tuổi.

Trong nhóm tòng vong sống về, một số ít chịu làm quan với triều Nguyễn, như Trịnh Hiến làm đến chức tham tri tào Binh ở Bắc Thành, Lý Bỉnh Đạo làm đến chức hiệp trấn. Phần lớn xin về làng. Đến năm Tự Đức thứ mười (1857), vua sai bộ Lễ tư các tỉnh tra tên tuổi những bầy tôi nhà Lê đã tuẫn tiết nghĩa là chết vì trung thành với triều Lê (27 tháng 4, có lệnh tra lại rõ ràng hơn). Nhân đó vua được đọc thơ trung liệt của các trung thần ấy, như thơ của Lê Quýnh. Vì vậy lại ra lệnh cho Nội các thu nhập các thi văn của các trung thần đời trước. Có lẽ nhờ vậy mà nay ta còn một thấy số thơ của các vong thần cuối Lê, và nhất là tập *Bắc hành tùng kí* này. thư viện khoa học ở Hà Nội còn có bản sao. trong mục 386 sách *lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập một (viện Sử học Hà Nội 1962) có chép tên *Bắc hành lược biên*, một tác phẩm khác (?) của Lê Quýnh.

Sau đây tôi theo bản sao lại của nhân viên *Đông phương bác cổ* do Henri Maspero, nhập vào trong tập *Thiên nam trung nghĩa thập lục* để tại thư viện Société Asiatique ở Paris. Tôi đoán rằng hai bản cũng cùng một gốc chép ra, hoặc sao chuyền nhau. Bản sao cẩn thận, nhưng tôi cũng đoán được một số chữ sai.

Tôi sẽ dịch nguyên văn. Thỉnh thoảng nguyên có một vài chú thích, chắc là người sau đề vào. Tôi cũng dịch theo, nhưng in chữ xiên và để giữa hai cái gạch dài. Riêng tôi chú giải hoặc sai, hoặc giải thích, hoặc so sánh với biên kí

khác, hoặc thêm chữ cho rõ nghĩa. Những lời của tôi, sẽ phần lớn để lẫn trong chính văn, nhưng dùng dấu ngoặc đơn để làm hiệu. Trừ ra khi nào chú thích của tôi dài, thì tôi sẽ viết tách ra và sẽ gọi là *phụ chú*.

Lê Quýnh không phải là một văn nhân độc đáo. Văn tự sự còn tự nhiên dễ dịch. Còn các lời trình bẩm, như thơ, văn tự tình thì có tính cách văn cử nghiệp, nhiều nơi khó dịch vắn tắt mà rõ ý.

Dẫu sao, thì văn của Quýnh không phải hạng văn hoa bóng bảy, chỉ chuộng lời thôi. Trái lại, lòng yêu nước, chống bất công, tự trọng nên không oai quyền và lợi lộc uy hiếp, tất cả cái khí tiết, cái hậm hực đã thổ lộ ra lời thi văn. Lối lí luận biện chứng lắt léo khéo khuôn trong các tờ trình khiến ta cảm thấy *Bắc hành tùng kí* thật là linh hoạt.

Trong văn khố Việt, những bút kí còn lại rất ít. Chỉ tính cách ấy cũng đủ khiến ta để ý đến tập này.

BẮC HÀNH TÙNG KÍ

Tựa tự mình đề

Ta họ Lê, tên Quýnh, người xứ Giang Bắc, phủ Thuận An, huyện Siêu Loại, xã Đại Mão. Đời đời nhà học đạo Nho. Năm hăm mốt tuổi, bổ *Văn quán nho sinh*. Vì phụ ấm, được hàm *Hiển cung đại phu*. Năm hăm lăm tuổi, về để tang cha. Mùa hè năm ấy (1774), trong nước có nhiều sự lôi thôi, (ta) bèn ở nhà hầu mẹ.

Năm Bính ngọ (1786), một hương cống triều Lê (Nguyễn Hữu Chỉnh) người Nghệ An, vời giặc Tây Sơn ở Quảng Nam - *nay thuộc Bình Định* - lấy danh nghĩa dẹp nội nạn, thẳng ra chiếm Kim Thành. Chúa soái Trịnh Tông - *lại có tên húy Cao, xưng là Đoan Nam vương* - vì thế bị chết. Ta lập tức đem ba trăm người gia đình vào hộ vệ. Rồi xảy chuyện tướng Tây Sơn Nguyễn Huệ -*lại có tên Quang Bình* - lấy công chúa rồi về xứ phiên - *là đất Ô châu cũ*.

Chưa bao lâu, Hoàng đế nhà Lê mất, (thật ra: mất trước khi Nguyễn Huệ về). Cháu tự tôn là Duy Khiêm (có thể đọc *khiểm, liêm, hiềm, hạm*, không rõ đây đọc âm nào; cái tên Duy Kì là để xưng với người Thanh chăng?) nối ngôi, cải nguyên Chiêu Thống. Ta vâng mệnh đi phủ dụ miền Giang Bắc (Bắc Ninh), xếp đặt công việc xong xuôi. Sau khi về, được trao tước bá. Bấy giờ ta băm mươi bảy tuổi (năm 1786; vậy Quýnh sinh vào năm 1750).

Năm Đinh mùi (1787), Nguyễn Huệ tiến hiệu Quang Trung (thật ra đến năm 1788 mới xưng hiệu), sai tì tướng Vũ Văn Nhậm ra chiếm Kinh. Ta vâng mệnh theo *Bình khấu tướng quân* Đinh Nhã Hành đem kì binh ra chặn. Bấy giờ các đạo binh đều vỡ. Chỉ một kì binh đóng vững ở Vũ Châu thuộc Sơn Nam (Nam Định), níu giữ cô lũy, suốt tháng đánh hơn ba mươi trận lớn bé. Quân Tây Sơn không dám lại gần.

Vũ Văn Nhậm bèn chia quân đi đường ngoài, tiến lấy thành nhà Lê. Vua chạy trốn lên phía bắc sông Phú Lương (muốn nói sông Nhị). Một mình Quýnh đem quân quận nhà và gia nhân lên phía bắc, theo kịp nơi vua trú ở Văn Phong (Bắc Ninh). Rồi hộ giá, vừa đánh vừa chạy, từ bắc đến nam. Các cựu thần, thế tộc, phiên mục, thổ hào lại nhóm họp dần dần khá đông.

Năm Mậu thân (1788), vua ở hành tại Vĩ hoàng (Nam Định) văn vũ chừng mười người, quân thủy bộ chừng bốn vạn, chiến thuyền lớn bé có hơn năm trăm chiếc. Quân khí

khá phấn chấn. Quýnh được phong tước *Trường phái hầu* (có bản sao bia Lê Quýnh chép Trường hà hầu, có lẽ kẻ sao đi sao lại lầm vì tự dạng).

Thời ấy, Thái hậu cùng Nguyên phi - *người tì bà* (Nguyễn Thị Kim) - Nguyên tử (con trai Nguyễn Thị Kim) đều ở Thái Nguyên. Vua lấy làm lo, bèn sai Quýnh và Nguyễn Quốc Đống (anh Nguyễn Thị Kim) đi làm *tả hữu hộ vệ sứ* cho *Khổn nghi cung* (tức là Thái hậu, dùng cung ở trong thành nội mà gọi người ở). (Ta) từ Vĩ Hoàng đi lên phía bắc mà trẩy Vũ Nhai thuộc Thái Nguyên. Khi đến nơi, thấy quân thưa tướng ít. Vả lại bị quân Tây Sơn tiến lại gần, bèn mời Thái hậu qua Cao Bằng.

Bèn có chuyện *Bắc hành*.

- Trong tập kí này, các đầu đoạn đều để niên hiệu nhà Thanh.

HỘ TỐNG THÁI HẬU

Tháng Giêng năm Mậu thân, niên hiệu Càn Long thứ 53 (1788), vua (Chiêu Thống) trú ở *Giang Bắc*. Tháng 2, đi về *Đông*, rồi đi *Vị Hoàng* thuộc Sơn Nam.

Bấy giờ, *Thái hậu* với *Nguyên Phi*, *Nguyên tử* đều ở *Thái Nguyên*. Quýnh vâng mệnh đi lên Bắc để hộ vệ Thái hậu. Tháng 4, đến Thái Nguyên, thấy binh ít, thế gấp, bèn đưa Thái hậu đi trấn *Mục Mã* (nguyên lầm ra Mục Dã) thuộc Cao Bằng.

Tháng 5, quân Tây Sơn thình lình tới. Phiên mục *Hoàng Ích Hiểu* theo lời dặn của đốc đồng *Nguyễn Huy Túc* lấy thuyền buôn đưa Quốc mẫu (Thái hậu) thuận dòng đến *Thủy Khẩu* (cửa sông Bằng vào biên giới Long Châu), tạm trú ở trên một gò nhỏ giữa sông thuộc thôn Bến xã Phất Mê.

Ngày mồng 9, quân Tây Sơn đến đông. Quýnh và Ích Hiểu chia nhau hai ngã mà ngăn chống. Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Phượng thể hầu *Nguyễn Quốc Đống*, Trường thu lịnh *Phạm Đình Quyền* cùng nhau đưa Thái hậu qua sông, tới làng *Đầu Áo* mà vào đất Thanh. Chiều tối, Quýnh và Ích Hiểu giữ gò nhỏ ở giữa sông Phất Mê. Quân Tây Sơn vây phía Tây nam. Quân giữ ải Nội địa ngăn phía Đông bắc. Lui tới đều hết đường, chỉ còn có thể đánh đến chết mà thôi. May tối đến, mưa gió to. Trong đêm tối, nhân chớp sáng mà lội qua sông. Bắt đầu vào đất Thanh tại làng Đầu Áo trong núi *Lỗ Sơn*.

Người nhà còn bảy đứa. Sáng dậy, thấy Thái hậu với Nguyên phi, Nguyên tử, các tùng thần đều ở trong động núi. Lương hết. Tìm được vài bao ngô đem tiến. Còn hơn sáu mươi người đều lấy rễ tươi bổ cốt chỉ đập nát và quả trong rừng mà ăn cho đỡ đói (nguyên chép: *dĩ sinh cốt toái bổ chỉ*, chắc lầm. Sách *Từ nguyên* có tên cây *bổ cốt chỉ hoặc phá cổ chỉ*). Người nhà tôi, Nguyễn Chẩm bị bệnh lưỡi trắng, không ngờ (sau khi) ăn, bổ cốt chỉ lập tức khỏi bệnh.

[PHỤ CHÚ: Nguyễn Huy Túc, chủ động trong các việc

đưa đón Thái hậu có để lại một số thơ làm ta biết thêm một vài điều. Quê xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, Huy Túc là con tiến sĩ Công Án. Năm Đinh mùi (1787) được cử làm đốc đồng Cao Bằng. Mấy tháng sau, đốc trấn Nguyễn Đình Tố mất. Huy Túc nối chức. Tháng chạp, được tin Lạng Sơn báo việc Tây Sơn chiếm Thăng Long và Chiêu Thống chạy lên Bắc. Huy Túc định đón vua Lê lên giữ Cao Bằng làm căn cứ để phục hưng. Tháng giêng năm sau (1788) đem quân tới Thái Nguyên tìm vua và định tựa vào Thanh mà giữ vùng Bắc. Tháng 4, mới biết rõ chỉ có cung quyến chạy lên Thái Nguyên và còn trú ở Vũ Nhai, tại *Vung mõ* Huy Túc tới đem cung quyến lên Cao Bằng. Trong tập thơ kí sự, có ba bài nói rõ những ý ấy: "Nghe tin vua bỏ Kinh mà sợ. Xin theo người xưa giữ đất Bắc. Bốn châu liền nhau đều đất hiểm. Ai bảo rằng từ xưa nay không thể dấy lên nền vua ở đó. Trung Quốc đồng lòng với ta thì ắt ta còn. Đánh từ phía Bắc đó là bổn phận tôi để báo ơn vua một phần nào... Trộm nghĩ rằng Vũ Nhai gần nơi khói lửa. Chẳng bằng trấn Cao Bằng địa bình xa sâu...".

Bài *Tháng 5 hộ Từ giá qua bến Phất Mê* kể vắn tắt rằng: "Thình lình trong chốc lát cờ giặc đầy núi. Xách gươm theo kiệu ra đến bờ sông. Một bè kết bằng năm cây tre chở quốc quyến. Một giây giăng qua sông giúp các quan lội theo.. Mưa lớn suốt đêm, rét thấu xương. Sáng dậy nhìn sông nước chảy như bay". Huy Túc thuật việc chạy loạn này một cách tường tận hơn trong bài *Tì bà phu nhân tuẫn tiết hành* (kể

chuyện bà Nguyễn Thị Kim tự tử). Trong đó có: "Năm Đinh mùi, giặc Tây Sơn xương cuồng nổi. Cuốn đất tung bụi kinh khủng khôn lường. Bà ôm con theo xe vua ra khỏi Hoàng thành. Lính ngự lâm tan tác, chạy dài lên Giang Bắc. Khiếp sợ ngựa đi về Văn Phong. Bàng riêng theo Từ Hiến (hiệu Thái hậu?) vào núi Vũ Nhai. Quần lụa dép là đau xót trèo lối hiểm. Chất liễu tư bổ khổ chịu rét. Vua ở nơi xa biệt âm tín. Trong sâu vắng vẻ nước mắt tràn. Bỗng nghe ầm ầm tiếng trống từ đâu đến: Trấn tướng Cao Bằng đến đón xe loan. Kiệu về Mục Mã tạm nghỉ ngơi. Xuống thuyền xuôi dòng tiến đi cửa ải Phất Mê. Binh giặc được tin đuổi theo kịp. Tên rơi lửa bay giáo mác tiến kề. Nhờ mấy tre trời vượt dòng nước. Chồng chềnh nghiêng ngửa nhưng qua được. Trèo bờ níu cây lên đỉnh núi. Mưa xối mù dày sắc trời tối. Thổ dân hăm hở dọc đường đưa. Lương núi gồ ghề đường núi hẹp. Cuối đường có đá, đá có động. Trong động có tiếng nước trong veo. Nghĩ lại giếng ấy tạc năm nào. Chỉ biết ngày nay có tiên nhân. Nước suối rau rừng cho qua bữa ăn. Chim kêu hoa rụng gợi uất sầu. Tin tới Nội địa, viên thống phán tới. Hỏi rõ căn do, ta mách nạn. Quan đô (coi việc binh) lập tức bắt phu đài tải. Đưa đến Long Châu tạm nghỉ chân. Cấp cho phẩm vật đã đầy đủ. Canh phòng lính tráng lại nghiêm mật. Quan tuần vũ liền phải bảo tới Nam Ninh. Trong ngoài trang nghiêm ở trọ..."

Tên Phất Mê nay trong địa đồ không thấy nữa, nhưng địa điểm thì chắc chắn, vì tên Thủy Khẩu quan vẫn còn.

Số người chạy sang đất Thanh trong vụ này. Theo Quýnh thì chừng gần 70 người (xem trên). Theo Ngụy Nguyên trong *Thánh vũ kí* thì có chừng 200 (xem Sử địa số 9-10 trang 247). Một kí giả người Thanh đang thời, tên Sư Phạm, chép rõ ràng rằng: "Quan tuần vũ Quảng Tây tư bảo khai tên các quyến thuộc cháu nối ngôi An Nam quốc vương, và tùy tùng và đầu mục. Tờ kê khai nói rằng *Nguyễn Thị Ngọc Tố* là mẹ Lê Duy Kì, Nguyễn Thị *Ngọc Thụy* là vợ, *Lê Duy Thuyên* lên ba tuổi là con: đàn ông có sáu người, đàn bà có vị sáu người, những kẻ theo hầu năm sáu người..." Những tên kê trên đây không phải tên húy, mà chỉ là tên đặt ra trong các quan thư: Nguyễn Thị Ngọc Thụy tức là Nguyễn Thị Kim (xem *Chính An Nam kí lược*).

Ở đó vài ngày. Người giữ ải, *Hoàng Thành Phượng* chuyển báo *Long Châu*. Thông phán là ông già Trần, tên Tùng đến tra họ tên và nguyên ủy trình phủ *Thái Bình*. ông già lớn họ Trần tên Hữu Nhân lại chuyển trình lên đạo (Tả Giang), trấn, tỉ niết (án sát), vũ đốc (tuần vũ). Bèn vâng lệnh đem lên trú ở Nam Ninh.

Tháng 6, tổng đốc Lưỡng Quảng là quan lớn họ Tôn, tên Sĩ Nghị xét rõ đầu đuôi sự tình. Quýnh và Huy Túc đem chuyện thật đáp lại, và xin cho Thái hậu và cung quyến ở lại Nội địa, để Quýnh cùng Quốc Đống, Huy Túc trở về theo chủ mà lo khôi phục. Quan tổng đốc đem chuyện ấy tâu lên. Được hoàng đế Đại Thanh quyết đoán sai quân đi cứu viện, để làm tỏ đại nghĩa cho thiên hạ, giữ cương thường

trong nước thuộc. Ban thưởng cho bọn Quýnh 500 lạng bạc và các hàng sô, đoạn; cho về trước tìm tin tức vua và thám thính tình hình trong nước.

Tháng 7, Quýnh và Quốc Đống đi đường Quảng Đông theo đường bể về nước.

PHỤ CHÚ: *Thánh vũ kí* chép "Lê Quýnh và Nguyễn Đình Mai về nước mật báo cho Tự tôn". *Hoàng Lê Nhất thống chí* chép rõ lời Huy Túc xin Sĩ Nghị "xử ba người chia làm hai đường: Đình Mai đi đường *Mông Tự*, Quýnh và Đống đi đường bể *Long Môn*... mà về". Mông Tự thuộc Vân Nam. Vậy có nghĩa là người đã gặp tổng đốc Vân Nam là Phú Cương và kể lại việc loạn ở nước ta như Sư Phạm kể lại trong *Chinh An Nam kí lược* rồi Ngụy Nguyên trích lại trong *Thánh vũ kí*. Sư Phạm đã chép rằng: "Tổng đốc Vân Nam là Phú Cương đem quân đóng ở Khai Hóa. Bấy giờ mệnh đến đột ngột nhưng việc loạn ở An Nam vì đâu thì không tra cứu hết. Vừa gặp kẻ bầy tôi An Nam trước chạy vào Nội địa, nay từ Quảng Tây qua Khai Hóa để về nước. Quan lớn Phú vời tới hỏi. Y bèn khai nguyên ủy sự loạn đã xảy ra...".

Tháng 9, gặp vua ở huyện Tứ Kì thuộc Hải Dương. Quýnh lại vâng mệnh cùng hàn lâm thị độc Hương phái hầu *Lê (Duy) Đản - người huyện Yên Phong, xã Hương La, đậu tiến sĩ*, - và hàn lâm hiệu lí Đinh Nhạc bá *Trần Danh Án - người huyện Gia Định, xã Bảo Triện, đậu tiến sĩ* - theo đường tắt tới Ải Điếm để vào Nội địa tạ ơn và báo tin.

[PHỤ CHÚ: Bản viết *Bắc hành tùng kí* chép ra Hải Điếm. Cửa quan Ải Điếm thuộc Lạng Sơn, địa hạt Lộc Bình, ở phía Đông Nam. Về đoạn này, *Hoàng Lê Nhất thống chí* chép dài, nhưng không phù hợp với trên. Theo HLNTC, ta hiểu rằng. Sự Chiêu Thống sai Duy Đản và Danh Án đi sứ cầu viện không phải là hậu quả của sự Quýnh ở Quảng Tây về. Trái lại ý chừng muốn nói là sứ đi trước khi Quýnh về tới nơi. HLNTC cũng nói là sứ đi trước Danh Án sang Quảng Tây vào tháng 9 (năm Mậu Thân 1788, không phù hợp với thời điểm Quýnh chép. Nhưng sách ấy không nói Quýnh trở sang đất Thanh cùng hai người kia (xem hồi 15, 16, 17). Đoạn này chắc Quýnh chép đúng sự thật hơn, vì sau đó Quýnh sẽ theo quân Thanh về Lạng Sơn vào tháng 11 cùng với Duy Đản, mà HLNTC lại nói rằng "hai người bàn với nhau để Danh Án ở lại, cho Duy Đản theo đường cũ về nước" (hồi 16), rồi "Lúc ấy vừa thấy Lê Duy Đản từ Thái Bình về báo tin tổng đốc Quảng Tây đem lời cầu viện tâu lên và đã được chỉ ưng thuận... Lại thấy Lê Quýnh từ Long Châu về..." Sự thật thì Duy Đản ở lại (theo lời Quýnh) và Danh Án trở về, chứng là các đề trong tập thơ của Trần Danh Án: khi đi có bài *Qua Cổ Phao thành* (chú thích: Án vâng mệnh đi Thanh xin quân, đường qua Cổ Phao thành, cảm tác) và bài *Bắc qui quá Cổ Phao thành.* Trong chuyến đi này, sợ quân Tây Sơn gác các ải quan bắt các sứ thần đều phải cải trang làm dân quê. Danh Án đã ghi chuyện ấy trong bài *Quá Cổ Phao thành*, phỏng dịch ra sau:

"Cổ Phao thành dưới mạc thành hoang
Lòng chạnh quay nhìn phía cố hương
Xử thế há không hành động lạ
Lo nhà hà tất nặng tư lương
Đành hay vũ trụ là ngô phận
Chẳng chịu giang sơn thuộc ngoại bang
Muôn thuở hẳn truyền đều tuyệt lạ:
Nón cời áo rách sứ thần mang!"].

GIÚP RẬP CHIÊU THỐNG

Tháng 10 (Mậu thân 1788), yết kiến tổng đốc Tôn (Sĩ Nghị) ở phủ Thái Bình. Bấy giờ đại binh đã nhóm. Ngày 24 tháng ấy, (đại binh) khởi hành. Ngày sóc tháng 11, ra cửa *Trấn Nam quan*, lấy thành Lạng Sơn. Tổng đốc giặc, *Phan Khải Đức* (học trò cũ Nguyễn Thiếp), đầu hàng. Quan lớn Tôn bảo Khải Đức đem thổ binh đi trước mở đường. Quýnh và Đán ở trong quân để chực ngài hỏi.

Đại quân thẳng tới huyện *Bảo Lộc* thuộc Giang Bắc. Ba lần đánh đều được. Bắt đô đốc *Trần Danh Hoán*, chém đi.

Quan lớn Tôn bảo người hỏi rằng: "Bộ đường ta ra khỏi cửa ải đã hơn tám trăm dặm. Vì cớ gì mà chưa thấy Quốc vương động tĩnh ra sao?" Quýnh trả lời rằng bởi vì đường sá cách trở, và xin một mình cưỡi ngựa đi tìm chủ.

Ngài bằng lòng.

Quýnh và Lê Duy Đản bàn với nhau rằng: "Từ khi (ta) ra cửa ải đến nay, quân địch thua luôn. Chắc chúng đặt nhiều quân ở núi Thị Cầu (mong) có nước chặn, để cự lại. Nhưng chúng nó dùng binh chỉ biết nhìn phía trước, thường không ngoảnh về phía sau. Nên dùng kì binh chộp phía sau, thì chắc sẽ thắng. Quân ở doanh Thị Cầu (nếu) đã bại, thì khôi phục cố đô dễ như nhổ bọt vào bàn tay".

Đến khi đại binh tiến đến núi *Tam Tầng*, cách địch con sông. Lê Duy Đản nói (mưu ấy) với quan lớn Tôn. Quan lớn bèn nghe kế (*Thánh vũ kí* chép việc đánh chộp nhưng không nói Duy Đản bày mưu).

Ngày 20, qua sông *Thị Cầu*, phá doanh giặc, tiến đến bờ bắc sông *Phú Lương* (muốn nói sông Nhị). Giặc Tây Sơn bỏ thành Thăng Long, chạy về phương nam.

Ngày 21, vua yết kiến quan lớn Tôn ở bờ bắc sông.

[PHỤ CHÚ: Đoạn này *HLNTC* chép có nhiều điều khác. Trước hết nói rằng Lê Duy Đản từ Quảng Tây trở về báo tin cho Chiêu Thống biết viện binh Thanh sắp sang. Rồi Chiêu Thống sai y đem thư lên đợi Sĩ Nghị ở cửa ải. Sau lại sai Phạm Đình Dư và Vũ Trịnh đem thiếp thỉnh an và trâu rượu lên biếu Sĩ Nghị ở Hòa Lạc, trên sông Hóa, phía bắc doanh Bảo Lộc. Cuối cùng Chiêu Thống và quần thần đến chào Sĩ Nghị khi Sĩ Nghị tới Kinh bắc. Những điều kể ra đó có phần mâu thuẫn với lời Quýnh, tuy rằng trong *HLNTC* chép nhiều chi tiết hơn, ví như câu chuyện giữa Sĩ

Nghị và Vũ Trinh. Vả chăng, về đoạn này, tác giả *HLNTC* lờ vai trò Quýnh. Tôi nghĩ rằng Quýnh chép sót nhiều việc, nhưng *HLNTC* trái lại có lẽ đã tô điểm câu chuyện cũng nên. Một điều đáng chú ý nữa, về các ngày có chép rõ, đối với *Thánh vũ kí*, thì chậm sau hai ngày].

Ngày 22 (tháng 11 năm Mậu Thân 1788), đánh lấy lại Kinh thành. Tin thắng trận tâu về. Thiên triều ban sắc ấn xuống phong vua làm *An Nam quốc vương* (thật ra Tôn Sĩ Nghị mang sẵn sắc và ấn theo mình. Xem *Thánh vũ kí*) (Vua) sai Lê Quýnh cầm việc binh lương để gấp kỳ tiến đánh.. Vì sao quan lớn Tôn lại chủ mưu sự chiêu hành gọi (giặc) tới, (bèn) giục Quốc vương tới đòi (Quýnh) trả lại ấn, và đổi trao cho chức bình chương sự, lĩnh mọi việc thuộc bộ Binh và Hộ. Bấy giờ Quýnh bị sốt rét nổi to, không thể liệu việc được, bèn mang bệnh về quê nhà (làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, thuộc Bắc Ninh) để uống thuốc.

PHỤ CHÚ: Đoạn này chắc Quýnh cố ý bỏ qua địa vị và công tác của mình trong khoảng hơn một tháng của triều đình lập lại. Phải chăng vì Quýnh ốm? Đúng hơn thì Quýnh thất chí chăng? Hoặc giả Quýnh đã có những hành động cử chỉ mà sau Quýnh hối chăng? HLNTC chép nhiều về Quýnh trong đoạn này (hồi thứ 17), mà rặt những chuyện không hay cho danh dự Quýnh. Về chức tước thì HLNTC nói Lê Quýnh làm *quân trung úy đốc tước quận công*. Sự này chắc có phần sai. Lại thêm: "Lĩnh đạo quân cần vương theo Tôn Sĩ Nghị giúp đỡ việc quân... Hằng ngày, sau buổi chầu, Vua

lại tự đến doanh Nghị chờ nghe công việc nước việc quân. Lần nào cũng vậy, Vua cưỡi ngựa đi trước, Lê Quýnh cưỡi ngựa đi sau...".

HLNTC lại kể chuyện *Ngô Tưởng Đảo* khuyên Chiêu Thống đừng dựa vào thế quân Thanh nữa, mà đem quân cần vương tiễu từ quân Tây Sơn đóng ở vùng Thanh Nghệ. Nhưng Quýnh can vua và tự nguyện vào hỏi Sĩ Nghị rồi bị Nghị mắng "Từ đó vua chỉ tựa vào Nghị, các quan không ai dám nói đến chuyện đem quân phục thù. Quýnh thì suốt ngày say mê tửu sắc."

HLNTC lại chép rằng chính Quýnh đã xui vua giả ân và giả oán và đã đoạt một số vàng của Nguyễn Bá Khoan lấy từ Cao Bằng về, thế mà vua vẫn dung túng.

Phê bình chung về Quýnh, tác giả họ Ngô các hồi cuối HLNTC chê Quýnh một cách thậm tệ. Nhân kể chuyện Chiêu Thống cố nài Sĩ Nghị đem quân vào Nam, và câu trả lời của Sĩ Nghị bảo vua tôi Chiêu Thống muốn gấp thì đem quân đi trước tết đi, *HLNTC*, hồi 18, chép (lời dịch của Ngô Tất Tố):

"Quýnh... vốn là một tay phong lưu công tử, khi trẻ tuổi chỉ biết uống rượu đánh bạc, văn sự, võ bị đều ít luyện tập. Trước đây vì nhà quí phái, được vào làm kẻ gia thần nhà vua. Đến hồi Tây Sơn kéo ra, kinh thành thất thủ, Hoàng thượng sai Quýnh đi hầu Thái hậu chạy lên Cao Bằng. Nhân dịp quân giặc đuổi bắt, không thể không chạy sang Tàu, Quýnh cũng hơi biết chữ nghĩa, cho nên những lúc nói

chuyện với người Tàu, thốt ra nhiều câu khoác lác, Sĩ Nghị không xét chỗ đó, liền đem lời Quýnh đệ tâu. May được nhà vua Thanh ưng chuẩn. Cả bọn lại được về nước nhà, Quýnh tự cho đó là công của mình. Sau khi đến thành Thăng Long, Quýnh liền ra sức báo ân báo oán, ăn đút ăn lót, làm nhiều việc chẳng ra thể nào..."

Những nghị luận trên đây cũng có thể đúng một phần nào, nhưng ta chớ quên rằng tác giả là con cháu Ngô Thì Chí (tác giả bảy hồi đầu *HLNTC*) là người cũng được Chiêu Thống phái lên Cao Bằng tìm Thái hậu, nhưng bị bệnh mất dọc đường, cũng là con cháu Ngô Thì Nhậm là đối địch với Quýnh. Vả chăng, sau đoạn trích trên, *HLNTC* lại chép rằng sau khi Sĩ Nghị chạy, "vua Chiêu Thống đương ở trong điện, tiếp được tin báo, ngài kíp cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến rước Thái hậu chạy... Trưa ngày mồng 6, vua Chiêu Thống đến núi Tam tầng... Vua và Thái hậu cùng đi, đến đồn Hòa Lạc vừa gặp một người thổ hào... Người ấy bèn đi giết gà làm cơm thết đãi. Vua mời Thái hậu và bảo bọn Quýnh cùng ăn... Vừa tối thì đến cửa ải. Sĩ Nghị cũng đã đóng quân ở đó... Vua cũng để bọn Quýnh ở lại, bảo họ lên về trong nước chiêu dụ những người trung nghĩa... "Theo lời chép ấy, thì Quýnh cùng chạy với vua và Thái hậu, từ cung ở Thăng Long cho đến Nam Quan khi nào cũng không rời. Nếu thật thì không lẽ gì Quýnh lại không chép sự ấy, nhất là chuyện vua bảo trở lại mang trọng trách chiêu dụ hào kiệt. Trái lại, sau đây ta sẽ thấy Quýnh chép rằng khi Thăng Long

mất, Quýnh nằm bệnh ở quê nhà cho nên không biết chuyện ấy liền. Ai chép đúng sự thật? Điểm này, theo lí thì chắc rằng Quýnh, vì đang thời nhiều người còn biết chuyện mình rõ ràng, không lẽ Quýnh nhớ sai hoặc cố ý chép sai một việc quan trọng như vậy, nhất là cái việc ấy không làm tổn danh giá mình].

Ngày 27, Nguyễn Quốc Đống, Lê (Doãn) Trị vâng đón từ giá từ Nam Ninh về đến nơi, (chắc rằng Tôn Sĩ Nghị đã sai làm điều ấy từ trước, tuy rằng trong *Thánh vũ kí* có chép rằng Tôn Sĩ Nghị khi đến sông Nhị định ngày 22 phong vương cho Chiêu Thống và gấp báo cho Tôn Vĩnh Thanh sai đem gia quyến Chiêu Thống về).

ĐÁP LỆNH PHÚC KHANG AN

Năm Kỉ dậu (1789), Chiêu Thống thứ ba - *Càn Long thứ 54* - bệnh Quýnh khá đỡ. Được tin Thăng Long thất thủ, quan lớn Tôn từ tháng giêng đã rút quân về Bắc (và) vua cũng đi Bắc (điều này trái với *HLNTC* chép, như đã nói trong phụ chú trước). Những mặt trông non sông tan vỡ, giận luống ôm trời rộng đất già. Muốn xắn tay họp binh tướng tán vong, thế khó đỡ ngói bay đất lở. Quay vào mình tự ngẫm rằng "Việc nước như thế, làm sao đương nổi việc xoay trở lại; nhưng bản chất bầy tôi là thờ vua, thì mình ắt phải hết sức trong sự đáng làm mà thôi".

Rồi (tôi) tập họp các đồng chí để đợi quân nhà vua

khôi phục.

Tháng 5, thấy biểu huynh (anh con cô hoặc con dì) là *Nguyễn Trình* vâng mệnh tổng đốc Quảng Tây, ông già (tiếng xưng hô các quan lớn đời xưa, cũng như tiếng cụ hoặc cố đời sau) *Phúc - tên Khang An* - sai về đòi Lê Quýnh đến trước cửa quan để hỏi chuyện. Bấy giờ bệnh Quýnh đã khỏi.

Tháng 7, Quýnh đi Nam Quan đợi mệnh.

Tháng 8, Quýnh theo đường *Ải Điếm* đến châu *Ninh Minh*

PHỤ CHÚ: Trong tập thơ còn thấy, Quýnh có để lại ba bài thuộc khoản này. Bài đầu có đề *Ra lần thứ hai dừng ở Ải Điếm để đợi mệnh, đã mười ngày mà chưa lên đường, vì vậy cảm tác*; trong bài có câu "Quyền hành nghĩa lớn nghìn vàng nặng. Bèo bọt thân hèn một lá nhẹ". Bài thứ hai đề *từ Ải Điếm đi đến Ninh Minh,* có chú thích. Bấy giờ Quýnh nghe đồn rằng ngày ra quân đã định; lại nghe nói rằng Nguyễn Huệ đã chịu hàng. Chưa biết đích xác ra sao, nhân trong bài thứ hai, Quýnh khen người Thanh không cần nhọc binh mà giặc phải hàng; lại tự nguyện tòng quân nếu vương sư lại trở sang. Nhưng khi tới Ninh Minh mới bắt đầu hiểu tình hình bi đát: vua với tùy thần đã cắt tóc cải trang và một bọn tòng vong đã nhận chức của triều Thanh ban cho, trong đó có Phan Khải Đức. Cho nên trong bài trường thiên *Trung thu ở châu Ninh Minh cảm tác*, lời thơ đã tỏ nỗi buồn bực và thất vọng. Thơ có chú thích nói "Quýnh nghe rằng vua Lê ở thành Quế Châu". Đại ý bài này

như sau: "Cùng ngày này, năm ngoái thì ở bể Đông, mây mù chặn đường về. Ngày này năm nay ở phố Ninh Minh, trăng trong gió mát; nhưng vì việc bối rối không vui. Tới đất người khóc xin giúp, nước mắt đã cạn. Nhớ vua ngày dài đằng đẵng. Tưởng lại khi vua tôi cùng ở trong cung, vua xót dân tình, tôi lo việc giặc. Nay vua lưu lạc ở Quế Lâm, muốn trở về cũng khó. Ghét những bọn không nghĩ đến cương thường mà chỉ nghĩ đến thân danh. Sao không xem gương những kẻ trung liệt đời xưa. Vua ta ngày nay ra sao. Khiến ta ngày thu buồn bực. Không biết ngày nào lại đem quân về khôi phục giang sơn? Người Nùng còn biết tòng quân. Có thể dùng xứ Tuyên Quang lâu dài làm căn cứ."

Trong nhóm đồng hành với Quýnh, *Trịnh Hiến* cũng có để lại một bài thơ: *Tặng biên bạn Tống họ Phan là người coi Ải Điểm, vịnh Thủy nguyệt cung ở thành Ninh Minh.* Lời thơ tao nhã hơn thơ Quýnh, nhưng trái lại ý không liên quan gì đến thời thế].

Tháng 9, thấy quan đạo Tả giang là ông già *Tống* tên - *Văn Hình* - bảo phải cắt tóc cải trang và tạm ở an trí. Bọn Quýnh đem đủ lẽ bày tỏ rằng:

"Chúng tôi đi chuyến này, chỉ để đáp mệnh đòi của quan lớn PHÚC. Vốn không nghĩ đến trốn tránh xin đầu để thoát thân một mình. Nay được ơn Thượng đế ti thần dung nạp. Ấy không phải vốn lòng Quýnh muốn, vậy chưa dám nghe lệnh. Như nay, chúng tôi nguyện trở về. Nếu có làm "đầu tướng quân Nghiêm", làm "lưỡi Nhan Thường quân"

(Nghiêm và Nhan là hai trung thần liệt sĩ; đây lấy lời trong bài *Chính khí ca* của Văn Thiên Tường tể tướng đời Tống bị Nguyên bắt giam đến chết) thì đúng sự can tâm. Theo lời Ngài (cho về) phục thù, thì cạo đầu như quốc nhân người Thanh có sao đâu. Nếu chỉ để đem an trí thì quyết không dám theo."

Rồi quan đạo Hữu Giang lại hai ba lần ép bắt các bạn và kẻ đi theo Quýnh, mười ba, mười bốn người, đem ra chỗ ngoài thành mà cạo tóc (trong đó có con nhỏ của Quýnh). Chỉ Quýnh, cùng hiệp trấn *Nguyễn Mậu Nễ - người huyện Kim Sơn* - tri phủ *Nguyễn Đồng - người làng Phật Tích - Trịnh Hiến - người làng Biện Thượng* - chỉ huy *Lê (Doãn) Trị*- hàn lâm viện cung phụng *Lý Bỉnh Đạo* - có tên khác là Gia Du, người làng Thụy Lôi tỉnh Hà Nội - cả bọn lấy sự thà mà chết phản kháng.

PHỤ CHÚ: Có lẽ trong lúc này, Quýnh đã trả lời người Thanh cái câu mà mọi sách đều chép trừ tập *Bắc hành tùng kí* này. Câu ấy là: *Ngô bối đầu khả đoạn, phát bất khả đoạn*; nghĩa là: chúng ta đầu thì có thể cắt chứ tóc thì không thể cắt. Tôi nghĩ rằng câu danh thép ấy có lẽ Quýnh đã nói trong cơn tức giận, chứ không phải một câu văn viết trong một tờ trình, và bởi lẽ ấy Quýnh không chép lại trong *Bắc hành tùng kí*.

HLNTC, hồi thứ 19 chép rằng:" Trước đó,Trường phát hầu (chắc muốn chép Trường phái hầu, tuy rằng trường phát có nghĩa là tóc dài, hợp ý với sự Quýnh không chịu cạo đầu.

Hoặc chăng đó là hiệu đời Nguyễn tặng?) Lê Quýnh vâng mệnh lưu lại trong nước chiêu dụ thổ hào để tính công việc khôi phục. Khi ấy, Quýnh và bọn Trịnh Hiến, Lý Tạo (có lẽ Lý Bỉnh Đạo), Lê Hợp (có thể là Nguyễn Đồng?) tất cả chừng vài chục người đều sang đất Tàu. (Phúc Khang) An nghe tin, liền cho trát đòi bọn Quýnh cắt tóc đổi đồ mặc mà thôi. Quýnh biết An đánh lừa, tức giận mà nói: Đôi ta đến bàn công việc, nay không nói một chuyện gì, chỉ bắt ta gọt tóc, đổi đồ mặc, thế là làm sao? Chúng ta *đầu có thể chặt, tóc không thể cắt, da có thể thay, đồ mặc không thể đổi.* An biết là không thể ép, bèn đem an trí ở tỉnh Quảng Tây. Bấy giờ vào cuối mùa đông năm Đinh dậu "(muốn chép Kỉ dậu 1789) - theo Ngô Tất Tố.

Thật ra, bọn Quýnh bị an trí ở Khánh Viện (phủ ở phía tây Liễu Châu) như sau sẽ thấy. Vả lại sự gặp Khang An xảy ra sau khi bị an trí, vào tháng 11 như sau sẽ rõ. Xem vậy thì câu trả lời trên quả phải độ vào thời gian này].

(Bọn Quýnh) bèn bị đem đi phủ Khánh Viễn ở trú. Ngày 24 tháng 9, đến *Nam Ninh* (bản sao chép Ninh Minh, ý chừng muốn chép Minh Ninh, nhưng đã khởi hành từ thành ấy). *Nguyễn Đồng* bị bệnh chết ở châu Nam Ninh.

Tháng 10, đi *Liễu Châu*. Ngày 22, *Nguyễn Mậu Nễ* bị bệnh chết ở Liễu Châu.

PHỤ CHÚ: Nam Ninh và Liễu Châu là hai địa điểm quan trọng trên đường từ Nam Ninh đi Khánh Viễn, Trịnh Hiến có ghi cảm tưởng trong hành trình này trong hai bài

thơ bát cú: *Từ Ninh Minh đến Nam Ninh cảm tác* và *Qua đầu đất Thượng Lâm.* Bài trên có "Trải qua đất Ninh Minh đến Nam Ninh, non sông lạ mắt đều chí tình. Núi rừng từng dựng theo sông, sông khúc khúc quanh theo núi. Chưa tan giận cũ núi như gầy, sắp sửa thù sâu sông vẫn đục...) Trong lời thơ bấy giờ mới thấy nỗi xót xa của thi sĩ. Bài sau có "Rẽ sao gội mưa bấy lâu rồi, vừa khỏi Tư Ân (bản sao chép Tư Lăng chắc lầm, vì lý do địa lý) đến Thượng Lâm... Chớ lấy làm lạ sự chúng ta bị lao khổ. Bao tư ngày nọ cũng như nay". Bài này tỏ rằng từ Nam Ninh đi Liễu Châu, bọn Quýnh phải đi tắt bằng đường bộ].

GIẢI ĐI YÊN KINH

Tháng 11, (từ Khánh Viễn) đi *Ngô Châu*. Vào yết kiến ông già Phúc (Khang An). (Bọn Quýnh) lại đem chuyện đầu đuôi tỏ bày đầy đủ. Thì lại được người ủy viên cho biết rằng họ Nguyễn (Quang Bình) thành thật tới qui phục, và quan tổng đốc Phúc sửa soạn việc nhận hàng - *ấy là ý của Hoàng đế Đại Thanh.*

Nó bảo: "Chúng bay chỉ lấy hai chữ cương thường xưa nay sáng rạng để mong làm sự giáo trá, dao hoặc nhân tâm, ý muốn thay đổi sự thiên triều định cuộc hay sao?

Bọn Quýnh thưa rằng: "Trộm nghĩ rằng theo kinh Lễ, không gì lớn hơn phận, phận không lớn hơn danh, Mà Tây Sơn mạnh, thì đáng được phận. Vả nó được phong thật sự

để định cái phận ấy, để chính cái danh ấy. Bọn Quýnh chúng tôi há dám đụng đến danh và phạm đến phận nó sao! Nhưng sự hưng phế của nước, xưa nay từng có; mà cái gọi là cương thường thì suốt từ xưa đến nay cũng không thể đổi.

Bọn Quýnh làm tôi thờ triều Lê. Không may, nước vỡ, thân chạy. Gắng hết sức chân tay, giữ bền tiết trung trinh, đó là việc phải làm trong chức phận. Xem như Trương Lương mưu trong trướng Hán, Bao Tư khóc trước sân Tần, người xưa cũng từng tận tâm cho sự mình thờ như vậy. Bọn Quýnh vì cương thường mà mưu việc ấy, ấy là theo thánh giáo, mà cũng là theo nhân tình".

"Trước đây, chiếu thư đã nói rằng (sai quân) đến thuộc quốc để nâng dìu cương thường. Vậy (việc bọn tôi làm) là trái ý Hoàng đế chăng? Nhưng cái định cuộc khi trước chốc lát đã biến đổi thành định cuộc thụ hàng, đến đỗi làm lòng người dao động. Ấy chẳng phải bọn Quýnh thúc đẩy người ta bị lầm đâu.

"Bọn Quýnh tới đây làn này, vốn không có mảy may lòng giảo trá, (sự ấy) không cần biện cũng tự rõ. Há lại có (mưu) biến đổi thời cuộc chăng. Chẳng qua dựa vào thật lý mà tòng quyền mà thôi (mong lượng trên) soi xuống, may gì không có chỗ kín nào mà không xét đến".

Lại được lời (Khang An) dỗ rằng: "Chúng anh chắc không thể nào lại ra cửa quan (về nước) được. Hãy tạm đợi lại đây, chờ ta đem việc tâu về, xin bổ dụng chúng anh ngang hàng với Phan Khải Đức (chức đô ti Liễu Châu, theo

HLNTC hồi 19). Chúng anh có muốn không?

Bọn Quýnh thưa rằng: Trộm nghĩ rằng Khải Đức (vốn) là người của Tây Sơn, nguyên không sự quốc thù gì có thể báo. Một khi đã biết hướng thuận lập công, y được bao dung trọng hậu. Vì đó y có thể bằng lòng nhận việc. Còn như bọn Quýnh là cô thần nhà Lê, không thể so sánh với Phan Khải Đức được.

"Lưu lại Nội địa, không phải nguyện chúng tôi. Vì lưu lại đây, thì bỏ việc nước không hỏi đến, ấy là bất trung. Bỏ cha mẹ không đoái đến, ấy là bất hiếu. Phụ những kẻ đồng tâm chết với nước, ấy là bất nghĩa. Lỡ lòng mong cứu khỏi đắm chữa khỏi cháy, ấy là bất nhân. Vì nước mà đổi thành bán nước ấy là bất trí. Liều mình mà trái lại giấu mình, ấy là bất dũng, mang đủ sáu điều đó, sao xứng được làm người? Trung Quốc tuy rộn, cũng không đất dung những đồ chó lợn ấy.

"Vả chăng, bọn Quýnh vì có mệnh (đòi mà tới) đợi, chứ không phải đã vượt ải trèo đèo mong nộp mình nhờ gởi. Nếu bảo rằng đã tới thì không về được, và vì thế phải giam giữ lại, thì bọn Quýnh, về điều sống chết, hoàn toàn nhờ mệnh trời. Nói tóm lại, sau khi tổ vỡ, sao trứng có toàn. Nếu họ Lê không trở lại, thì bọn Quýnh không dám mưu sống. Thà chết ở đất cũ của họ Lê để tỏ lòng trung còn giữ, ấy là nguyện của bọn Quýnh. Nếu chết uổng ở Nội địa, thì không phải chỗ muốn.

"Vậy đội ơn Thượng ti, (quan tổng đốc) cứu vớt hoàn

toàn lòng nhân của kẻ cô thần. Mong quan lớn lượng cho".

Ở lại đó vài ngày, (bọn Quýnh) nhận được lời (Khang An) bảo rằng; "nay đã đem chí hướng các anh chuyển tâu lên rồi. Nên hãy đi Quế Lâm mà đợi mệnh".

Tháng 12, đến Quế Lâm.

Cuối tháng, giải đến tỉnh thành Quảng Đông.

[PHỤ CHÚ: Trong hành trình từ Khánh Viễn đến Ngô Châu, Quýnh còn để lại một bài thơ bát cú đề là *Nhân tạm trú ở Liễu Châu mà làm*; lại có tựa nhỏ rằng: "Bấy giờ Quýnh đi đến Liễu Châu, hẹn ngày qua Ngô Châu ra mắt tổng đốc Phúc Khang An. Vì vậy, vui mừng mà làm". Quả vậy, bấy giờ bọn Quýnh đầy ảo vọng. Lời thơ có: "Quan sơn vạn dặm từ khi giong ruổi. Chớ lấy làm lạ rằng thời đổi thì việc cũng khác. Kì, kí khó mà buộc mãi ở cây liễu; Phượng hoàng sớm đến lúc đậu cành ngô (ngụ ý đến Ngô Châu). Nếu tâm thành quả được soi thấu, thì nghìn việc lo cuối cùng cũng có thể bày tỏ hết. Thời may đã tới, cơ hội đã được nửa. Thế cũng hay trời có đợi ở ta".

Bạn đồng hành của Quýnh là *Trịnh Hiến* còn để lại bài thơ bát cú đề *từ Khánh Viễn đi Quế Lâm tạm trú dọc đường*, lời thơ có: "khi chưa đến Liễu Châu, dạ bồn chồn, thoát đến Liễu Châu ta rất đỗi vui mừng. Đốt cây tùng trải sương rét vẫn cứng như chí ta; Quế Lâm sẽ hẹn ngày gặp vua ta (Chiêu Thống bị đem ở Quế Lâm, tỉnh thành Quảng Tây). Chống giữ rường lớn có thân liễu rườm rà, cúi ban ơn lạ có hoa liễu tơ dai đủ. Gió thổi bên cành liễu biết ta đắc

ý, Trăng lên trên cây ngô lại thấy sáng trở lại". Liễi trỏ Liễu Châu, ngô trỏ Ngô Châu. Xem vậy thơ này làm ở Liễu Châu trong lúc đi Ngô Châu chứ không phải khi rời Ngô Châu đi Quế Lâm như đầu đề có thể làm hiểu lầm.

Trịnh Hiến lại còn có một bài đường luật nữa đề *Từ Quế Lâm lại đi Quảng Đông*, tả cảnh một cách thích thú, tuy rằng đã bị thất vọng cay đắng nhiều phen. Đối với thời cuộc thì thản nhiên nhận nhục, khác hẳn Quýnh. Lời thơ có: "trải qua thành tỉnh Quảng Tây lại đến tỉnh thành Quảng Đông; thuyền và xe nối đuôi nhau từng từng lớp lớp. Núi lạ sông đẹp khó tả hết; trăng trong gió mát hứng vô cùng. Thế sự cuộc cờ khó chuyển dịch; nhân tình thì phó cho chén rượu lạt rồi nồng. Đáo đầu mới biết máy trời là xảo: trở đi trở lại, khi bằng khi nổi xảy ra trước mắt ta"].

Năm Canh tuất, Càn Long thứ 55 (1790), tháng giêng, nghe tin vua ta, nguyên ở Quế Lâm, được mệnh lên Yên Kinh (HLNTC cũng chép như vậy). Bọn Quýnh thì theo đường Quảng Đông (cũng) bị giải về Kinh (đường bể chẳng?) không có dấu vết hành trình này, nhưng có lẽ cũng đường bộ, như đường sứ Phùng Khắc Khoan đi, xem *Sử Địa* số 6.

Tháng 3, đến *Duyễn Châu*. Nghe tin xa giá (vua Thanh) đi đông tuần, (bọn Quýnh) đến hành cung *An Thái* để Trung đường (coi bộ Hình) tra hỏi. Ngày mồng 4, thấy vua (Càn Long) dụ rằng: "Chúng bay không vì sự thịnh suy mà tiến thoái, khá khen lòng thành giữ trung nghĩa. Trẫm không nỡ khép tội lỗi".

Lại được lớn *quân cơ* (coi việc Binh) dạy rằng: "chúng anh tiến thì không được làm như Bao Tư, lùi thì bị Tây Sơn làm hại. Rất đáng thương. Hãy nên lên Kinh, đợi hồi loan sẽ biện lí".

[PHỤ CHÚ: Về việc này, HLNTC, hồi thứ 19, chép rằng: "Tình cờ vua Thanh nhân cuộc tuần du, gặp bọn Lê Quýnh ở tỉnh Quảng Đông (theo bản dịch của Ngô Tất Tố, đây muốn nói Sơn Đông) liền cho đòi vào ra mắt và dụ rằng: "Chủ bay đã xin ở lại Trung Quốc, lũ bay dốc lòng cùng theo, thì nên gọt tóc đổi đồ mặc, để đợi có khi cất nhắc".

"Bọn Quýnh cùng tâu: "Tiểu thần ở nơi xa cách muôn dặm, theo chúa chạy trốn sang đây, xin cho được dùng quốc tục ra mắt quốc vương, rồi sau sẽ xin phụng chỉ."

Quả nhiên HLNTC chép chuyện một cách gián tiếp cho nên nhiều chi tiết chắc không tường. Như nói vua Thanh "cho cả *bọn* theo lên Yên Kinh", thì lầm, vì tác giả đoạn này tưởng bọn Quýnh gặp Càn Long khi vua đi đông tuần trở về. Còn những lời đối đáp giữa Càn Long với bọn Quýnh thì tuy khác lời Quýnh chép lại, nhưng chưa chắc đã là lời bịa, vì không mang sự gì trái lý lắm. Ngược lại, ta phải lấy làm lạ rằng trong cuộc yết kiến (chắc không được gặp vua như HLNTC kể) các đại thần, Quýnh không lẽ không làm tờ trình bẩm gì, và người Thanh không lẽ không ai nhắc đến việc cắt tóc, cải trang. Nhưng vì cớ gì Quýnh không ghi lại lời đáp nào cả? Hoặc là cuộc gặp này rất chóng váng đột

ngột và qua loa mà thôi? Trong đoạn này HLNTC trái với các đoạn trên đều chép điều hay cho Quýnh không lẽ đã bịa. Phàm xét sử sách, thật khó đoán sự thật hư trong tiểu tiết].

Ở NGỤC BẮC SỞ

Ngày 23, (tháng 3 năm Canh tuất 1790) đến bộ Hình.

[PHỤ CHÚ: Tuy Quýnh không nói rõ, nhưng đoạn sau khiến ta biết rằng bọn Quýnh bị giải vào nhà ngục Bắc Sở ở bộ Hình, tạm nhốt ở đó làm hai nhóm, trong khi những người tòng vong khác được chia nhau ở hai An Nam doanh. Trịnh Hiến còn để lại bài thơ bát cú đề *Đến ngục Bắc Sở tại bộ Hình, cảm tác*. Ý thơ có "Xưa nay há cưỡng đổi mệnh trời. Mình làm sao cho người sau không thẹn bởi mình... Từ khi có sống thì ai mà không chết; chết mà được như nguyện thì sao có oán". Tiếc rằng tập thơ của Trịnh Hiến đến bài này là hết].

Tháng 5, quan đề thẩm (xử án) tới nơi hiệu quân *Lôi thần miếu*, các vị trung đường (quan coi chính sự) bảo rằng: "Nếu cắt tóc cải trang, thì sẽ cho nhập hiệu cờ (có tám hiệu cờ là thân binh của triều Thanh) Chúa các anh đã được ban hàm quan tam phẩm. Rồi cũng sẽ cho các anh hàm ngũ phẩm hoặc lục phẩm. Các anh có bằng lòng không?

Bọn Quýnh trả lời rằng: "vua và cha mẹ tuy khác, nhưng trung và hiếu không thể trọn vẹn cả hai. Lúc còn

làm con, thì đổi hiếu làm trung, khảng khái phò cái chí lớn như núi Côn Lôn. Khi thế đã không làm gì được, thì mất trung nhưng còn hiếu. Ân cần trèo lên núi Hộ, núi Dĩ, mà ngóng trông cha mẹ). Tiến không thể làm vẹn trung, thì xin thoái mà lo sự hiếu. Bọn Quýnh thì cả bốn người mẹ già còn sống. Trịnh Hiến, Lê Trị chưa có con trai gái. Lí Bỉnh Đạo và Quýnh đều không anh em.

"Nay được thiên triều đã dạy lấy trung nghĩa để trị thiên hạ. Nếu may mà thương đến (chúng tôi), thả cho về cày ruộng, thì ví bằng Nguyễn Huệ không dung (chúng tôi) cũng không được oán hối. Nếu bọn Quýnh chỉ mưu tiện lợi cho mình mà lưu lại đây, thì trung hiếu đều hỏng, lòng tựa chim muông. Thiên triều sao lại dùng (giống ấy), mà còn theo dõi ban quan cấp lộc cho sao? Vả hàm quan chỉ có kẻ hiền, chức vị chỉ cho kẻ giỏi, tước để đền công, lộc để khuyến trung. Bọn Quýnh đã không che chở cho chủ trong cơn nạn, thì không những không hiền, không giỏi, mà còn không công, không trung. Vậy tước lộc không dám mong, cũng không phải là sở nguyện.

(Các quan) lại bảo rằng: "Chúa các anh ở đây, mà các anh không theo, thế thì trung thực được sao?".

(Bọn Quýnh) dựa theo ý cũ trả lời rằng: "Hãy xem chim sẻ con, nó còn biết cẩn thận trong sự theo. Theo *Tống Cao* là trung chăng? Theo *Huy Khâm* là trung chăng? Bởi thế, (chúng tôi) không thể cố vin vào (gương) chúa cũ mà phải theo để làm mờ cái nghĩa thờ vua. Xét chim kia là

giống ở gò mà biết nên dừng đậu tại chỗ nào, thì kẻ làm tôi con phải dừng lại ở đạo trung hiếu. Vậy không thể mượn cớ rằng chỗ vua là chốn phải đậu, để mưu riêng lợi cho mình. Như thế thì sự trung với sự bất trung, (chúng tôi) không dám bàn nhiều. Chỉ mong nhờ quan lớn xét cho công bằng".

[PHỤ CHÚ: Trong văn của Quýnh, thường dùng điển tích. Như trong một bài trên, đã dùng điển Tử Phòng, điển Bao Tư, Tử Phòng tức là Trương Lương tôi vua nước Hàn bị Tần diệt, bèn sang làm tham mưu cho Lưu Bang (Hán) đánh Tần để báo thù cho nước. Bao Tư họ Thân, làm quan nước Sở đời Xuân thu. Ngô đánh đuổi vua Sở. Bao Tư sang Tần xin quân cứu viện. Tần không cho. Bao Tư đứng ở sân mà khóc trong bảy ngày không dừng. Tần bèn giúp.

Trong bài này lại dùng mấy điển cần phải hiểu mới rõ ý câu văn. *Chim sẻ con* là điển *hoàng khẩu tước*. Sách *Thuyết uyển* chép: "Khổng tử thấy người đánh lưới chim chỉ bắt được chim sẻ con, hỏi duyên cớ. Người kia trả lời rằng: những con sẻ con theo sẻ lớn thì đánh không được. Những sẻ lớn theo sẻ con thì đánh được".

Điển *Tống Cao* và *Huy Khâm* là chuyện các vua Tống vào lúc quân Kim đánh Biện kinh của Tống. Bấy giờ vua Huy Tông suy nhược đã nhường ngôi cho con là Khâm Tông. Quân Tống tan. Huy Tông và Khâm Tông hàng, rồi bị đem về ở đất Kim và nhận tước nhỏ. Còn hoàng thân Túc vương thì đem quân lánh xuống miền nam rồi nối ngôi Tống, tức

là Cao Tông.

Ta phải nhận rằng văn của Quýnh thường khá lắt kéo nặng nề, và điển cố nhiều nơi cũng không thích đáng lắm.

Điển *chim kia biết chỗ dừng đậu* là chuyện chim nước Việt (chim trĩ của Việt Thường?) ở phương bắc vẫn làm tổ ở cành hướng nam. Trong những đoạn sau, lại hay dùng điển *cáo chết quay đầu về hang*. Đó là hai điển ngụ ý giống vật còn nhớ đất tổ].

Tối đến, thấy chúa cũ, vua Lê tới. Các quan lớn (Thanh) lấy lời khéo dỗ vua Lê bảo (bọn Quýnh) cắt tóc. Bọn Quýnh khóc, lạy mà nói rằng: "Bọn Quýnh sống làm tôi nhà Lê, chết làm ma nhà Lê. Ngoài ra thì không phải sở nguyện".

Lại được các quan lớn dạy rằng: "Mệnh chúa anh, anh cũng không theo. Ấy há là đạo của kẻ làm tôi sao?"

Quýnh trả lời rằng: "bổn phận kẻ làm tôi thờ vua vốn phải theo mệnh, nhưng cũng phải *theo* lẽ buộc *đừng theo*. Nếu có thể nhờ vậy mà không nhục mệnh vua, thì ấy cũng là theo mệnh vua đó. Nay, cái mệnh bảo cắt tóc, ở miệng thì là mệnh, nhưng trong tâm thì không phải là mệnh. Bọn Quýnh nguyện theo cái mệnh trong tâm chúa mình, kẻo chúa cũng bất đắc dĩ mới làm sự (các ngài) yêu cầu đó mà thôi".

Rồi (bọn Quýnh) lại bị giao cho Bắc Sở thuộc bộ Hình nghiêm giam, chia ra mỗi nơi hai người, cấm không được qua lại với nhau.

Tháng 6, lại thấy các bày tôi hộ tùng chúa cũ, *Đinh*

Nhã Hành, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống đến trong ngục hỏi thăm. Đinh Nhã Hành nói với Quýnh rằng: "Nay vâng mệnh quan lớn (có lẽ muốn nói Hòa Thân?) bảo các ông cạo đầu. Nhưng mà chúng tôi xưa từng đọc sách thánh hiền. Đã học được sự gì mà (nay) khứng đưa lời Vệ Luật (ra cám dỗ), để chịu lời mắng của Tử Khanh sao? Đây bất quá đáp lời đòi kín của Bá Nhan mà viết câu "*chỉ lấy lòng son*" để bảo nhau thôi. Vả thừa dịp thuận tiện mà tới thăm nhau mà thôi".

Quýnh bèn đáp lại rằng: "Các ông và bọn tôi, đường lối khác, nhưng lòng thì đồng. Ông lớn Đinh là quan to giữ nước, từng ra sức trong trăm trận, rồi đã đem gia thuộc cưỡi biển ra ngoài. Hầu Nguyễn, hầu Phạm là quan lớn thị vệ, một khi thành mất, đã cầm tay xe (vua) mà theo lánh. Các ông đều không lỗi đạo làm tôi. Còn như tôi đây, chịu mệnh (phò vua) trong cơn nghiêng ngửa lưu li, chưa hề bày tỏ một mưu kế gì; lại bị bệnh kịch liệt nên phải về nhà (nghỉ). Đã chẳng không thể tòng vong, lại không hay chết vì phận sự. Rồi đến lúc tỉnh bệnh, (uy) có xoang tay mà kêu gọi lớn, (nhưng) cũng khó kéo lại ý trời không hay tốt. Bất đắc dĩ giữ tóc để tỏ tấm lòng trung. Tuy khổ cho tiết đã không giữ được trinh, nhưng cam vì lòng không mang điều hối. Nếu ai cũng như tôi, thì ai kẻ hầu vua? Nếu ai cũng như các ông, thì ai giữ tiết?

"Cảnh ngộ tuy khác, lập trường đều phải. Nếu muốn (cùng nhau) tìm chết, thì (đôi bên) tội bằng nhau mà thôi.

Tuy nhiên, (các ông) nên cố giữ thân mình là hay. Ngày nay, đưa xe vua Tấn Văn trở về nước, vị tất không phải là công của bầy tôi là *Hồ Yển* và *Triệu Suy*! Còn như bọn ngu chúng tôi, trên không làm được như *Bao Tư*, dưới không làm được như *Tử Phòng*. Gặp mặt các ông, đã lấy làm thẹn. Cho nên phải vững cầm một tiết, đỉnh (đầu) vạc (mỡ) không thể làm sợ, nghiên thây xé xác không thể dời lòng, để may gì tỏ được chí mình. Cái câu cuối cùng tặng Đinh linh (trỏ câu *chỉ lấy lòng son* trên kia), dám đâu ứng lại. Còn như cái dụng tâm của chúng tôi, ngài sao phải phiền. Trọng trách của các ông, tôi không thể chia. Mong *Di*, mong *Lại*, tự có kinh quyền. *Ai Vệ*, *ai Tô*, thôi đừng chia rẽ. Chỉ nên nhàn với cảnh quen, gìn giữ lòng xưa. Chớ đổi lòng cung kính của kẻ đứng hầu bên đống phân; càng dè cái kế dùng bã rượu nhử chó dữ".

"Bọn ngu này rất trông mong vào đó. Nếu không thế, thì bọn ngu này sẽ thân vùi trong rạch nước, mà các ông cũng không khỏi làm người lưu lạc ở tha hương. Xin gắng trở về đem lời kẻ ngu này tâu lại, để chúa ta yên lòng, thôi không lo nghĩ đến đứa bầy tôi bất trí này, đến nỗi phiền cho lòng thánh chúa".

Bọn Đinh Nhã Hành bèn đi về.

[PHỤ CHÚ: Ba tùy thần vua Lê tới thăm bọn Quýnh là những người cao cấp nhất. Đinh Nhã Hành, người xã Hàm Giang huyện Cẩm Giàng, con thái bảo Đinh Văn Phục, thuộc họ Đinh Văn Tả (phương ngôn có *Đánh giặc họ Đinh, làm*

quan họ Đặng), thi võ đậu tam trường, đời Chiêu Thống làm trấn thủ (Sơn Nam?) Sau khi bị Vũ Văn Nhậm đánh bại, có lẽ Nhã Hành rút về vùng Hải Dương. Đến khi Chiêu Thống chạy theo quân Thanh, Nhã Hành trốn theo đường Vạn Ninh vào Khâm Châu và đến ở cùng Chiêu Thống. Chịu nghe quan Thanh bảo cắt tóc cải trang, Nhã Hành lúc đầu được ban chức thủ bị ở Toàn Châu (HLNTC hồi thứ 19). Sau khi lên Yên Kinh, được lĩnh chức kiêu kị huyện úy, và ở cùng vua Chiêu Thống. Mất ở Yên Kinh trước khi sắp được về nước. Trước lúc chết có làm một bài thơ cảm tác, trong ấy có: "Không nhà, thẹn đã sinh ở cửa tướng. Mang gươm giong ruổi đến Bắc Kinh. Nước thù đã mất, hồn ta sớm lìa, về nhà từng mộng mà quỉ đến lôi đi trước. Tiếng hay dở để lại trong sử tàn; xương sẽ chôn vùi hóa tro. Nói ra không hết cái giận nghìn đời. Tóm lại là không sánh kịp với tài của người đời Tấn".

Nguyễn Quốc Đống, người xã Tì Bà, huyện Lang Tài (Kinh Bắc), là anh vợ của Chiêu Thống, bà nguyên phi Nguyễn Thị Kim, làm đô đốc đồng tri, cai thị vệ. *Phạm Như Tùng* người xã An Lão, huyện Thư Trì (Sơn Nam), có đậu tường sinh (hạch ở phủ), làm kẻ hầu Đông cung, tức là Chiêu Thống khi Cảnh Hưng còn tại vị. Sau khi Chiêu Thống lên ngôi, được cất lên chức cao coi bộ Binh, bộ Hộ, tước Cận quang hầu. Hai tên này là kẻ tay chân của Chiêu Thống.

Trong lời nói với Quýnh. Đinh Nhã Hành đã dùng hai điển: một là: Vệ Luật tôi Hán hàng Hung Nô dỗ sứ Hán là

Tô Vũ theo mình nên Vũ mắng (Vũ có tự là Tử Khanh bị giữ lại trong 19 năm); hai là: *Bá Nhan* tướng Mông Cổ bắt giữ tể tướng Tống là *Văn Thiên Tường* và ngỏ ép hàng, Thiên Tường làm bài thơ *Quá Linh đinh giương* (qua bể Linh đinh) mà tặng. Hai vế cuối là: Nhân sinh tự cổ thùy vô tử. Lưu thủy đan tâm chiếu hãn thanh" trong bản viết BHTK này, chữ *lưu* đổi ra chữ *đãn*. Trong lời đáp của Quýnh, theo bản viết ấy thì có nói, "Sở tặng Đinh linh chi mạt cú" mà tôi đã dịch trên. *Đinh linh* có nghĩa là tên một bộ lạc hung nô. Đây Quýnh muốn dùng trỏ tướng Mông Cổ và ám chỉ ông tướng họ *Đinh* (Nhã Hành). Nhưng có sự lạ nếu đảo hai chữ lại thì thành *Linh đinh* có trong đầu đề bài thơ kia. Có lẽ không phải ngẫu nhiên có sự tương tự ấy. Quýnh lại có dùng điển *Di* và *Lại*. Di đây là Bá Di người Ân; nước Chu diệt nước Ân, muốn dùng Di, nhưng Di không thuận, bèn nhịn đói chết. Lại là Phạm Lãi người Sở; Sở bị Ngô diệt, lại chạy sang Việt, giúp Việt đánh Ngô để rửa thù.

Cuối cùng, điển "*đứng hầu bên đống phân*" và điển "*dùng bã rượu nhử chó*" thì tôi chưa rõ. Như tôi đã nói, điển có trong văn Quýnh thường tỉ mỉ và sử dụng một cách nặng nề].

Tháng 11, quan của hiệu cờ Nhương hoàng tinh thuộc Hậu quân đem con Lê Quýnh, là *Lê Doãn Thuyên* tới trong ngục cùng ti quan thuộc bộ Hình đều bảo Quýnh rằng: "Cạo đầu thì vua tôi cha con sẽ đoàn tụ vui vẻ cùng nhau. Sao mà cứ một mực ngây ngốc, không chịu theo gần nhân tình

đến thế ?".

Quýnh đáp rằng: "Thơ của Văn Sơn (Văn Thiên Tường) có câu :"Ta lo cho cương thường, có nhà mà không đoái, vân vân .... Tôi vốn không dám lấy việc riêng mình và nhà mà bỏ quên nghĩa công. Xin các ngài lượng cho".

Quýnh lại quay về Doãn Thuyên nhủ bảo rằng:" Ta đã bằng lòng cho mày cạo tóc để theo vua ta. Mày nên hết lòng hầu hạ, như vậy còn ở lâu dưới gối ngài. Ta không hối hận đâu. Mày hãy nghe ta bảo: Hãy đi về đi, đừng khóc nữa".

Tháng 12, quan bộ đường đề thẩm, chức thượng thư là quan lớn Hồ -Qúi Đường -bảo rằng: "Chúng anh nếu không cạo tóc thì sẽ chết già trong ngục, chôn thây theo sổ nhà tù. Cắn giốn (hối hận) sao kịp?"

Bọn Quýnh lại kêu ca xót xa rằng: "Điều ấy là bởi mệnh quan lớn. Nếu bảo rằng bọn Quýnh muốn như vậy thì muôn vàn không dám muốn. Đến như việc chết già và chôn thây ở ngục thì bọn Quýnh cũng không dám (nguyện).(Tội chỉ có) ba chữ " vì không thuận!". Rất trông mong ở Quan lớn".

Rồi thấy giao cả bốn người cho viên coi ngục đem giam cùng một chỗ.

Tháng giêng năm Tân Hợi (1791), nghe nói rằng vua cũ cư trú cạnh Quốc tử giám, tại phía đông thành (Bắc Kinh), đã được trao chức *tả lĩnh hậu quân* thuộc hiệu cờ Nhương hoàng.

Tháng ba, vua sai Nguyễn Quốc Đống mang bạc và

trà tới cho. Nhưng trong tù nghiêm cấm không cho vào.

[PHỤ CHÚ: Qua các văn kiện ngoại giao Việt - Thanh trong khoản này, ta có thể hiểu những duyên do tác động của triều Thanh. Vua Càn Long đã nhẹ dạ nghe lời Tôn Sĩ Nghị tái lập Lê Chiêu Thống. Sau khi thất bại, về mặt thể diện thì phải cử quân trả thù, nhưng thấy Chiêu Thống bạc nhược không giúp gì về chính trị được, nên còn lo ngại. Khi thấy Quang Trung, dùng ngọn bút Ngô Thì Nhậm, tỏ ý xin đầu phục một cách khiêm tốn, lại tự nguyện tới Yên Kinh chúc thọ tám mươi, thì vị vua Thanh già rất cảm kích, thành thật nhận Quang Trung đáng là một phiên thần đắc lực, bèn coi Quang Trung như là một thân vương giữ một phần đất Trung Hoa, đứng trên hàng các phiên thần khác. Một mặt thì muốn phiên quốc thôi giặc giã nên ngăn cản Chiêu Thống và phái đảng trở về nước. Vì vậy Phúc Khang An đã an trí Chiêu Thống ở Quế Lâm, dỗ vua tôi họ Lê cắt tóc cải trang và mời cháu diệt Quang Trung, là Nguyễn Quang Hiển, trong khi qua Quế Lâm để lên Bắc Kinh, tới trú sở của Chiêu Thống để chứng kiến sự ấy (hè năm 1789). Một mặt khác thì đối với Chiêu Thống và các bộ thần, vua Càn Long cũng không thể bạc đãi cá nhân, nên cho lệnh cấp dưỡng. Muốn đạt hai mục đích ấy, chính vua Càn Long vào cuối năm Kỷ Dậu (1789) đã bảo đem Chiêu Thống và đồ đảng lên Bắc Kinh để cho xa biên thùy và để cấp dưỡng đàng hoàng hơn.

Riêng đối với bọn Quýnh, xét qua các văn kiện đã nói

trên - tôi sẽ có dịp giới thiệu nhiều về các văn kiện ấy - thì có phần chắc rằng Phúc Khang An đã cố ý vời ra ngoài nước, có lẽ theo lời mật cầu của Ngô Văn Sở lưu thủ Thăng Long. Vì bọn Quýnh không nhận lệnh quan Thanh nên mới có cái "án bất tuân" này, sau khi quan Thanh đã kiếm mọi cách xử ôn hòa bằng cách khuyên dỗ.

Còn như vua Chiêu Thống, vì bất tài và bạc nhược đã chịu an phận nhận chức tá lĩnh đời đời với hàm tam phẩm. Đối với bọn Quýnh, chắc có lòng kính phục và thương xót; mới sai thân nhân Nguyễn Quốc Đống tới thăm và đem quà biếu. Theo tập thơ của bọn Quýnh, ta biết thêm rằng Chiêu Thống có làm ba bài thơ bát cú đưa cho bọn Quýnh họa. Trong mục *Phụng họa Ngự thị nguyên vận* của Quýnh có chú thích "Bấy giờ Quýnh bị giải đến Yên Kinh, vua Lê sai Quốc Đống đem cho mười lạng bạc ròng, một cân trà và ba bài thơ. Quýnh kính họa rồi gửi tiến trình" Nay còn thấy các thơ họa của Quýnh và ba bạn đồng ngục. Nhưng tiếc rằng tôi chưa được thấy nguyên thi của Chiêu Thống để biết chút ít tâm trạng của vị vua chót của triều đại đã khởi thủy oai hùng. Ba bài họa của Quýnh thì, theo chú thích, bài đầu tả tình huống, bài thứ hai tỏ chí tưởng niệm và bài cuối ngỏ kì vọng sâu sắc. Đại ý bài đầu là: "Trải sương giá vẩy long tiêu tụy; hằng ngày nghìn sầu vạn khổ kéo tới. Lửa đốt ruột gan cháy từng khúc; thoi đưa sáng tối dệt mối sầu. Hồn mơ màng mộng ruổi về phía Nam; thân ở ngục tịch mịch như ở chốn không hư. Cũi nghĩa chuồng trung nếu thoát ra khỏi,

thì đành ẩn dật làm kẻ ngư tiều".

Cũng trong tập thơ của Quýnh, lại có một mục đề *Tháng tư, nhận thơ của vua thăm hỏi, kính họa lại*. Tuy không nói rõ năm nào, nhưng chắc cũng cùng năm Tân hợi (1791), vì từ tháng 5 năm ấy về sau, như đoạn sau sẽ nói rõ, bọn Quýnh bị tuyệt đường thông tin với nhà vua. Bài thơ của Chiêu Thống chuyến này cũng không thấy. Chỉ còn có hai bài họa của Quýnh. Nhờ câu kết "Quay về mặt trời, rồi ngoảnh lại nhìn mình thì thẹn với bóng; nhiều lần ban khen quá, tôi không dám vui sướng nhận", ta hiểu rằng vua Chiêu Thống đã khen tiết tháo và từ chương của Quýnh].

Tháng 5, nghe lóng rằng những bầy tôi từng đã chạy theo vua đều bị khiển trách, và đem đi các xứ để an trí: *Hoàng Ích Hiểu* ở Y Lê, *Phạm Như Tùng* ở Hắc Long Giang, *Nguyễn Quốc Đống* ở Cát Lâm, *Lê Hân* ở Phụng Thiên. Còn dư là bọn *Nguyễn Huy Hiển, Nguyễn Viết Triệu đều ở Nhiệt Hà*. Chỉ vì âm tín không qua lại được, nên chưa biết rõ thật không. Mà từ đó về sau, cũng tuyệt không tin tức.

[PHỤ CHÚ: Như trong lời giới thiệu đã kể, sự phân tán và an tháp các bộ thần nhà Lê xảy ra vào ngày 20 tháng tư năm ấy. Duyên cớ bởi sự bất khuất của bọn Quýnh đã kích thích Chiêu Thống. Vả lại vừa thấy vua Thanh tiếp Quang Trung giả (chắc Chiêu Thống không biết rằng giả) như một thân vương (ngày 11 tháng 7 năm Canh tuất 1790). Ngày tháng 10, đã nghe lời Hoàng Ích Hiểu mà cam kết với các bộ thần quyết sống chết cùng nhau cố xin trở về đất

Tuyên Quang. Bọn các thần Hòa Thân, không những không cho phép, mà còn lập nên cái án chung này. Trong một bức thư Quang Trung cảm ơn Hòa Thân có lời rằng: *Đến như Lê Duy Kì xằng nghe Hoàng Ích Hiểu xui xiểm xin được an tháp ở đất An Nam; Hoàng thượng lấy sự bọn Thừa Ích không biết an phận, đã kết nên một án đem chúng phát khiển*. Cái tên Thừa Ích chắc trỏ Ích Hiểu. Ích Hiểu bị đày với con tại đất Y Lê, thuộc biên giới Tân Cương và Siberia, nghĩa là bị đày xa nhất; chắc vì bị kết tội chánh phạm].

Năm Nhâm tí, Càn Long thứ 57(1792) tháng 5, quan lớn coi quân cơ gọi bọn Quýnh vào phủ Nội vụ, hỏi rằng: "Trước đây, anh tới với chí lo khôi phục. Bây giờ cùng đi còn có mấy người? Em chúa anh là Lê Duy Chi, người ấy có thể giúp rập được chăng ?"

Bèn đáp rằng:" Nhà Lê lập nên nước đã hơn bốn trăm năm, lòng nhân sâu ân trạch dày, thấm nhuần đến người ta đã lâu. Nhà Lê mất; lòng người thương xót. Vả lại bấy giờ nghe nói Thiên triều vì nghĩa giúp Lê, dân cả nước đều đã xưng là dân nhà Lê thì ai là không suy tính và nói cùng một lời. Xem đó có thể rằng quốc nhân đều đồng chí cả. Từ sau khi chúa cũ sang đất Bắc, Quýnh đã vâng mệnh vương phi (trỏ Nguyễn Thị Kim), nhóm họp cựu thần, thế tộc, phiên mục, thổ hào được chừng hai trăm viên. Thủ hạ thì kẻ nhiều có hơn nghìn, kẻ ít có vài trăm. Vậy người theo không phải là ít. Đến nay đã qua ba bốn năm. Nguyễn Huệ đã được phong vương. Mệnh trời đã định. Lòng người dễ

đoán. Nay đời thay, sự đổi; mỗi người có một lòng. Vậy nay, không dám chắc có mấy người theo tôi.

Còn như em chúa cũ, là Lê Duy Chi, thì khi chúa cũ chạy ra ngoài, với ba bốn chục người(giúp) còn có thể giữ một phương để kháng. Về mặt vũ thì tựa hồ có thể làm được, nhưng chưa bị Nguyễn Huệ làm hại. Hoặc giả y nay còn sống, thì cũng chưa chắc tranh đấu với nó được".

[PHỤ CHÚ: Tôi chưa hiểu bởi lý do gì quan Thanh trách nhiệm quân cơ đã dò hỏi ý kiến Lê Quýnh về việc chống Quang Trung. Có lẽ từ sau khi củng cố địa vị mình đối trong và ngoài, Quang Trung đã tỏ ý bất thần phục đối với triều Thanh chăng? Chuyện đòi đất Ngư Dương, Hồ Điệp thuộc Hưng Hóa, vào năm 1791, và chuyện cầu hôn(1792) có thật vì các tờ bẩm nay còn. Chuyện thu dùng quan Tàu ô cũng chắc có thật, theo lời Ngụy Nguyên (Xem Sử Địa số 9-10). Còn những chuyện khác chép trong *Đại Nam Liệt truyện,* như đòi đất Lưỡng Quảng thì chưa chắc đã có thật, nhưng cũng có thể nẩy mầm trong trí Quang Trung và đã được tung ra.

Riêng đối với gia quyến vua Chiêu Thống còn ở lại trong nước thì hình như Chiêu Thống đã xin vua Thanh bảo Quang Trung tìm đem sang ở cùng. Trong các thư hàm giữa Quang Trung và quan Thanh có nhắc lại điều ấy. Cuối cùng, Quang Trung thoái thác rồi bỏ lãng việc ấy. Duy Chi thì đã bị bắt và giết vào khoảng đầu năm Tân hợi(1791) như Quýnh đã đoán].

Năm Qúi sửu (1793), tháng 5, quan thu thẩm thuộc bộ Hình, đưa câu hỏi này:" Người An Nam có *Lê Duy Trị* lại mang một tên nữa là Duy Phổ, nó là bà con với chúa ngươi ra sao? *Hoàng Văn Tương, Nùng Phúc Tấn* là người thế nào trong nước ngươi?"

Bọn Quýnh trả lời: Lê Duy Phổ thì tưởng chừng là chú họ chúa cũ. Nhưng con cháu họ Lê rất đông đúc; chúng tôi không nhớ rõ các tên và các tự. Xin xem diện mạo thì mới biết đích thật chăng. Hoằng Văn Tương thuộc thổ ti đời đời giữ ải ở cửa *Bình di*. Nùng Phúc Tấn cũng nối đời làm tri châu *Bình lạc*. Những tên người ấy, bây giờ sao lại có hỏi đến?":

Quan thu thẩm nói:" Ấy vì chúng tự cạo đầu tới xin đầu".

[PHÚ CHÚ: Thu thẩm là chế độ tư pháp, mùa thu tháng tám họp các quan tại Kinh để xét lại các tử tội xem án nào thi hành, án nào hoãn hoặc giảm.

Bởi cớ gì đã có sự phỏng vấn mới này? Bấy giờ Quang Trung đã mất (Ngày 29 tháng 7 năm trước, nhưng đến tháng mười một mới báo tin cho vua Thanh biết). Đầu năm Qúy sửu này. *Thành Lâm, án sát* Quảng Tây sang Thăng Long dụ tế và do thám tình hình nước ta, đã về báo tin rằng trong nước phe đảng xâu xé lẫn nhau (theo lời chép của Ngụy Nguyên). Phải chăng, quan Thanh muốn dòm ngó đất nước ta một lần nữa?.

Theo lời quan thu thẩm thì các người kể trên đã vào

đầu ngụ. Nhưng Nùng Văn Tấn và Hoàng Văn Đồng(bản chép tay viết Văn Tương; chữ Tương tự dạng rất gần chữ Đồng, tôi nghĩ rằng đó chính là chữ Đồng) là hai thủ lĩnh miền Bảo Lạc, Cao Bằng đã từng có lúc ủng hộ em thứ ba vua Chiêu Thống Lê Duy Chi. *Đại Nam Liệt truyện* chép rằng: Sau khi vua Chiêu Thống chạy sang Thanh, em là Lê Duy Chi chiếm cứ Tuyên Quang, Cao Bằng, dựa vào những viên thổ tù Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng. Lê Duy Chi và Phúc Tấn, Văn Đồng thế không địch nổi đều bị giết, *Hoàng Lê Nhất thống chí* ghi rõ rằng: Được một tháng, binh lương không đủ, quân bị thua. Duy Chi và các tướng tá đều bị bắt và đóng cũi đưa vào Nam, và cùng bị hại. Một vong thần khác, *Lê Huy Dao* (tôi đã viết lầm ra Trần Đình Dao trong *Sử Địa* số 9-10 trang 260) chạy theo chúa Yến đô vương. Vào cuối năm Canh tuất trốn ở vùng Sơn Nam hạ (1790), đã thông với Duy Chi đóng quân ở Bảo Lạc (Hà Giang Cao Bằng) để mưu đánh Tây Sơn. Nhưng Hoàng Văn Đồng phản, chỉ điểm cho tướng Tây Sơn đem quân bắt Duy Chi. Trong bài *Lử trung ngâm*, Huy Dao chép (văn nôm):

Ngăn dải Tuyên, dựng nền dụng vũ
Dù lam yên chướng vụ quản bao
Bỗng Văn Đồng cớ làm sao
Một tay tráo trở tao (: lần) này làm đôi

Và có chú thích rằng" Hoàng Văn Đồng tức là *Diễn quận công*" và" năm Mậu thân (1788) hoàng đệ thứ hai (Duy Lưu, tên thường phiên âm ra Duy Tụ) cũng bị y tố". Xem

vậy thì Hoàng Văn Đồng không bị bắt cùng Duy Chi và Nùng Văn Tấn. Nhưng tập *Tây Sơn thuật lược*(xem bản ông Tạ Quang Phát đã dịch trong Sử Địa số 9-10 trang 163) kể chuyện rằng sau khi bắt được Duy Chi(đã lầm ra Duy Tụ), tướng Tây Sơn, nội hầu Lân, giả cách thưởng yến cho" Cha con Diễn quận công cả thảy năm người đều được ban cho áo cẩm hoa bào và áo là lụa hồng, đều ngồi mà yến ẩm. Khi rượu đã say, nội hầu Lân làm rớt cái mâm đồng làm hiệu, quân Tây Sơn bèn bắt cha con Diễn quận công mà chém...". Chuyện bắt và giết nhóm kháng chiến cuối cùng phò Lê xảy ra vào năm Tân hợi (1791), theo sách này. Năm trước, Quang Trung đã sai Nguyễn Quang Huy và Nguyễn Văn Uyển đem quân lên đánh Trấn Ninh và Vạn Tượng(tháng 6 và tháng 10, theo *Liệt truyện)* vì Duy Chi kéo cánh các tù trưởng vùng này. Dẹp Bao lạc xong thì Quang Trung sai Vũ Vĩnh Thanh, Trần Ngọc Thị sang báo thắng trận cho triều Thanh biết. Xem vậy, ta có thể nghĩ rằng khi quan quân cơ (1792) và khi quan thu thẩm (1793) hỏi bọn Quýnh về Lê Duy Chi và Nùng Văn Tấn, Hoàng Văn Đồng, chúng y đã biết chuyện các người này đã bị bắt và có lẽ muốn tìm cách cứu. Nhưng cũng không chắc sự thật như vậy, vì chưa hẳn Quang Trung đã báo tin cho vua Thanh hay chuyện bắt Duy Chi và đồ đảng trong khi chưa tuân lời vua Thanh bảo đem thê thiếp anh em Chiêu Thống sang Bắc Kinh].

Tháng 10 (năm Qúi sửu 1793) nghe tin chúa cũ mất. Ở ngục, không được đi tới khóc.

[PHỤ CHÚ: Hoàng Lê nhất thống chí cho biết rằng mùa hè năm Nhâm tí (1792), Nguyên tử (: con đầu vua, chưa lập làm thái tử) chẩn đậu rồi mất. Vua Lê lại càng lo buồn, dần dần thành bệnh, ốm nằm không dậy được. Năm sau, bệnh lại càng nặng. Ngày 16 tháng 10, Chiêu Thống mất, thọ 28 tuổi].

Năm Giáp dần (1794), tháng 5, có người đàn bà nước ta, quê ở Tân Môn, ả muội (vợ khách) họ Nguyễn, vì đi theo giặc bể Quảng Đông bị đem đày ở Hắc Long Giang, nên phải qua bộ Hình và bị thu giam ở sở này. Nhân dịp, có thể hỏi tình hình trong nước. Nó bảo rằng: "Chúa Nguyễn bị quận công Kiều giết. Tin mới nghe qua loa, chưa biết có thật không".

Năm Bính thìn, niên hiệu gia khánh năm đầu (1796) tháng 2, quan thu thẩm thuộc bộ Hình lại hỏi ý. Quýnh viết tờ bẩm, tóm tắt lời rằng:

Trước đây, ngu muội, tôi không biết tự lượng, đã muốn đem một *sợi tóc* để kéo nghìn tạ! Vả vì thờ vua không theo thói ở hai lòng nên bị nhốt, thế mà không hiểu rằng cái khổ tiết không thể giữ được trinh. Bèn đến đổi bởi lòng nghĩ có sai *tơ tóc*, nên tự hãm vào chuồng tối tăm. Bảy năm rào kín; hai *mái* điểm sương.

" Nay được thấy ơn trời tràn khắp, *ngọn tóc* được nhuần. Nếu may ra (bề trên) xét lỗi biết lòng, tha giam, cho đem nắm xương về, khiến cho khiến được sống, cáo đã chết cũng thỏa lòng mong; thì chúng tôi *kéo tóc* đếm ơn, tuy

xương nghiền thân xé cũng không thể báo đáp một phần muôn.

"Còn như sự cạo tóc, thì sao khứng !".

[PHỤ CHÚ: Từ cuối năm Tân hợi (đầu năm 1792), cái án" bất tuân" xem chừng đã định phận cho nhóm Quýnh. Gióng giả trong hơn năm năm, hình như sống lẻ loi buồn tẻ, cho nên trong khoảng ấy không còn thấy chép một sự kiện gì ngoài sự được gặp bóng một đàn bà Việt, tuy là cũng chỉ là vợ một tên giặc biển Quảng Đông. Còn tin chúa Nguyễn bị giết, thì chỉ là tin hão.

Phải đợi đến khi vua Gia Khánh lên ngôi, mới được nhà chức trách quan tâm đến các tù nhân. Nhưng trong tờ trình của Quýnh, giọng vẫn chua chát mỉa mai, và kết cấu bằng ý cả quyết xin tha cho về nước, chứ không chịu cạo tóc. Ý chừng các quan bộ Hình không hài lòng, nên không thấy trả lời và bỏ bẵng đi trong ba năm nữa.

Nên để ý đến sự trọng văn thơ của Quýnh, thường cố dùng nhiều điển, nhiều thành ngữ, phương ngôn liên quan đến tóc. Trên đây, có điển trỏ cái gì nhiều không thể lường được, vì như kéo từng sợi tóc mà đếm].

Năm Đinh tị, Gia Khánh năm thứ 2 (1797), tháng 11, thấy đàn bà người nước ta họ Phan, quê huyện Thiên Lộc, (Can Lộc), xứ Nghệ An (Hà Tĩnh). Vì là gia quyến tên giặc bể, y bị phạm tội lây và bắt giam ở đây. Hỏi y, mới biết rằng:

"Từ núi Hải Vân về đông (đông bắc), thuộc con Nguyễn

Quang Trung hiệu Cảnh Thịnh. Từ Quảng Nam vào nam, thuộc Nguyễn Nhạc hiệu Thái Đức. Đất Đồng Nai *-tức là đất Gia Định, Biên Hòa ngày nay* -thuộc cháu chúa Nguyễn cũ, tức là Nguyễn Phúc Chủng. (Thế) chia như ba chân vạc.

"Năm trước Cảnh Thịnh với quân Đồng Nai hội chiến trên mặt bể, chưa chia rõ được thua. Còn đang đóng tàu đúc súng, bắt dân ra lính để lo toan đánh nhau trở lại *-chí là cùng Đồng Nai đánh trở lại để định cuộc-* Vả lại gặp năm mất mùa, dân không biết nhờ đâu sống".

Ấy thật là:

Non sông tan tác bông rơi nước
Thân thế lênh đênh gió giạt bèo!

Quả như vậy.

[PHỤ CHÚ: Chuyện gặp người đàn bà nước ta họ Phan này đã để một ấn tượng sâu trong tâm hồn Lê Quýnh. Trước hết, hình như bà này bị giam lại lâu ở cùng sở cho nên gặp gỡ nhiều hơn cô ả muội ba năm trước. Vả lại xem chừng bà này có trình độ kiến thức cao hơn và có lẽ có địa vị xã hội cũng cao. Những điều kể lại trên này đều đúng sự thật. Một điều khác nữa là kẻ giặc bể chồng bà chưa hẳn đã là giặc thật. Theo Ngụy Nguyên trong sách *Thánh vũ kí* chép rằng " Đầu đời Gia Khánh (1796)...con Nguyễn Quang Bình vời tụi vong mạng dọc bể, cấp cho binh thuyền, nhử bằng quan tước, sai cướp các thuyền buôn ở bể gần để biện lương thực... Tướng quân Phúc Châu là Khôi Luân, tổng đốc Lưỡng Quảng là Cát Khánh trước sau tâu rằng đã bắt được giặc

bể tàu ô, bọn Trần Thiên Bảo, có ấn sắc An Nam tổng binh, và Báu ngọc hầu..." (Xem Sử địa số 9-10 trang 260-261) Bà họ Phan bị giải đến Bắc Kinh và cuối năm sau, rất có thể là gia quyến của một tổng binh thuyền trưởng của Quang Toản. Duyên cớ cuối cùng, mà có lẽ then chốt chính trị xa đất nước, bị giam cầm đã ngót bảy năm, bấy giờ được chạm mặt một kiều nữ quê hương, được nghe chuyện đất nước chia tan, thì sao khỏi cực kỳ cảm xúc.

Trong tập thơ, Quýnh còn để lại hai bài Đường luật với đề *Tặng bà họ Phan người Nghệ An*, với lời dẫn đại khái như đoạn văn trên đây. Bài đầu có thích đề *Cảm nước cũ chia xẽ*:" Sau rào gai vắng vẻ, nhớ quê nhà. Nghe kể chuyện, thân mình run sợ. Non sông yên tĩnh không còn một chỗ nhỏ nào. Đất đai nam bắc bị chia xé làm ba. Yến làm tổ trong rừng, lạc lối không đường về. Rồng quần nhau ngoài bể, sóng cuộn tận mây. Thấm thoắt thoi đưa đã bảy năm. Ruộng dâu bể xanh tráo đổi thật là chóng !".

Bài thứ hai có thích đề *Thân hồng nhan trôi giạt*: "Không đáng kể kẻ cô thần cố phải chấp kinh. Mà quần thoa sao đến đỗi phải lênh đênh. Một chồi liễu yêu kiều đang với gió. Xa vạn dặm bèo chìm nổi theo sóng trôi. Sửa nét xuân sơn (đường mày) liền nhớ đến non Tản (núi Tản viên). Trông làn thu thủy (con mắt) nhắc nghĩ đến dòng Lô (sông Nhị). Gió bấc thổi làm tỉnh giấc mộng Chiêu quân. Biếng gãy tì bà, mỏi tựa bức bình phong".

Bóng giai nhân hình như chỉ thoáng qua. Bà Phan thị

có lẽ phải dời đi biệt tích. Tháng sau, các tù nhân lại trở với những chuyện bực mình].

Tháng chạp (năm Đinh tị 1797), (Quýnh) viết tờ trình quan coi ngục thuộc ti Đề lao. Lời tóm tắt rằng:

"Chúng tôi bọn Quýnh, cô thần muôn dặm, giam giữ tám năm. Được cái ngài từng chiếu cố đến nhiều, mọi việc xử rộng; khiến cho sâu kiến trước đây được thỏa tính tình. Chúng tôi đã cảm bội không xiết.

"Vì vậy trần tình, mong lòng trên xét:

"Quýnh là kẻ đại phu của nước mất, vốn không thể lo tính sự sống còn. Còn như ba người kia, bọn Lý Bỉnh Đạo, đối với nước, đối với nhà, tình và phận có chỗ còn hiềm, cho nên đã đi theo Quýnh, vướng chung một nạn. Lòng chúng còn có sự chưa yên. Từ rày về sau, nếu trong ăn nói cư xử, hoặc có đều gì chưa đến nơi đến chốn, thì xin chỉ đưa một mình Quýnh ra hỏi tội. Lễ để giàn xếp, phép để cai trị. Như thế là phải, ngoài ra đâu nên làm.

"Vả chăng, bọn Quýnh tuy là người hóa ngoại (:ngoài vùng văn minh của Trung quốc), nhưng cũng sợ đời sau trong thiên hạ sẽ mắng rủa là người đã phạm lỗi với danh giáo. Vốn không tham sống để làm phản nghĩa, cũng không chịu chết uổng để làm hỏng lòng nhân. Chúng tôi từ rày, bề ngoài tươi thắm, bề trong trắng trẻo. Chỉ cầu may làm sao không phải thẹn là đủ. Há phải đoái đến những sự kiện nhỏ mọn ấy sao! Bẹp tròn tùy sự dạy, trâu ngựa chịu lời kêu. Mà phép oai có luật, đã khắc vào bảng làm bằng làm

ước. Chứ không phải đợi lên tiếng hay phát giận mà sau mới im tiếng nghe lời".

Các vị coi ti đề lao đều khen là khí khái.

[PHÚ CHÚ: Tuy không rõ trong ngục đã xảy ra việc gì, đọc tờ trình trên, ta cũng đoán được rằng các bạn Quýnh đã bị viên coi ngục mắng oan việc gì cho nên cãi lại, rồi bị chúng chửi rủa và có lẽ hành hạ đập đánh. Bị nhốt trong tám năm rồi, trong năm sáu năm không được liên lạc với ai ngoài, thần kinh của các tù nhân xem chừng đã bị quấy, và lòng phẫn uất không thể đè nén được nữa. Thế mà Quýnh vẫn giữ được thái độ hồn nhiên, kiên nhẫn hơn các bạn, và vẫn lấy văn tự làm khuây.

Trong đêm cuối năm ấy (Đinh tị, đầu năm 1798), sau lúc giao thừa, Quýnh có làm bài thơ cảm tác, đề *Đinh tị trừ tịch cảm tác*, và chú:" Bấy giờ tuổi lên 49". Ý thơ rằng:" Đọc sách chợt giận đã không hiểu nghĩa sách Xuân thu. Muốn vì cương thường, dùng mưu lại lầm. Những đem tấc lòng giữ cờ sứ Hán (chuyện Tô Vũ). Mà lại làm sai một mảy tóc nên phải nhốt ở ngục Yên (vừa ngụ chuyện Văn Thiên Tường vừa trỏ ngục ở Yên Kinh tức là Bắc Kinh). Thân vướng nghiệp quả đầy chín năm. Co ngón tay đếm tuổi đã chẵn bốn mươi chín. Đông đi, xuân lại, vui mừng lại sang nguyên đán. Khí dương về, rồng sẽ triệt hết bóng tối trong tù chăng?" Ý chừng Quýnh mong vua Gia Khánh nhân lệ ban ân ngày tết sẽ thả mình chăng?

Nhưng suốt năm Mậu ngọ, 1798, bọn Quýnh vẫn ở tù

trong ngục Bắc sở tại bộ Hình. Cũng ở ngục này, cách bấy giờ gần ba trăm năm có một tù nhân rất có danh vọng vì khí tiết. Ấy là Dương Kế Thịnh, một nho thần triều Minh đã tâu kể tội viên đại thần Nghiêm Tung cho nên bị đánh và giam ở Bắc sở trong ba năm trước khi bị hành hình (1555). Lúc lâm hình, Kế Thịnh có làm bài thơ khí khái như *Chính khí ca* của Văn Thiên Tường. Khi còn tại ngục, ý có trồng trong vườn tù một cây *du* là loài cây gỗ tốt (Pháp ngữ: orme). Hai trăm năm mươi năm sau, cây già khô rồi lại đâm chồi sống lại. Tháng ba năm Mậu ngọ (1798) viên coi ngục quyên tiền dựng nhà thờ và lập bia kỷ niệm kẻ cô trung xưa. Quýnh có soạn hai bài thơ Đường luật tán tụng sự cây du sống lại hàm ý kính Dương Kế Thịnh].

Năm Kỷ mùi (1799), ngày thượng nguyên rằm tháng giêng. Phòng giam không lửa; trăng giọi không đèn. Đối cảnh sinh tình, tả buồn kể nhớ. Viết thành ba trăm tám mươi bốn chữ, gọi là:

1 Sự thế phù vân, chán thấy lông muôn đổi vẻ-Can tràng lửa đốt, oan cho lòng muỗi thành tro.

2 Xót rằng Lê đã hở cơ -Đến nỗi Tây thừa dấy nạn.

3 Sực mãng Ô châu trống gióng, nhảy chồm đuổi hổ...lũ dê đàn - Thoắt nghe Long đỗ chuông rơi, vất vưởng qua sông, xe ngựa lẻ.

4 Muỗi muốn dấy thế cơ đội núi -Cáo định mang lốt hổ làm oai.

5 "Tôn cô " xưa học Tấn Trình Anh -Lại dõi Bao Tư

xin Tần giúp.

6 Sang Hán mong làm Trương Tử -Hóa ra tín quốc tù Yên.

7 Lầm cơ, nên biến khôn lường -Làm việc, thì tình sao tỉnh?

8 Vạn dặm từng qua đông tuyết gội, đầu không cạo mà tự sờn. Mười năm đành chịu gió bắc pha, mũ chưa hư mà tự rách.

9 Lòng phảng phất như giun nhả đất -Thân coi chừng bướm xông đèn.

10 Chốn nhớp nhơ ổ chó chuồng gà, an nhàn ấy đất -Cảnh tù tội, tay trùng gan chuột, sống thác nhờ trời.

11 Trong tấc lòng, còn ghín chữ tòng -Về chức phận, khỏi đâu không hổi.

12 Bắc hải chưa mọc sừng đầu ngựa, ruột chín vòng vấn vít non Mai - Đỉnh hồ chẳng kịp nối râu rồng, lệ hai chuỗi chan hòa trời giá.

13 Công nghĩa đã không dám ngóng -Tư tình ôi biết nói sao?

14 Cây trùm mây trắng trỏ quê hương, luống đợi thư tin ngóng nhạn - Núi ngậm gương hồng trông bố mẹ, thẹn không nuôi mớm nhơ ô.

15 Làm cho đường trung hiếu cả hai khuây -Vả lỡ đạo bô thần không biết chết.

16 Ôi! từ xưa ai mà không chết; muốn kết phận, sợ tổn lòng nhân -Vả làm người ai chẳng vui sinh; muốn tòng

quyền, e càng hại nghĩa.

17 Minh bạch những theo thiên lý -chê bai sao cấm miệng người.

18 Trâu ngựa chịu tên kêu, không hổ lòng, thì không thẹn mặt - Rắn rồng an chỗ gặp, không sợ trời, cũng chẳng oán người.

19 Ô hô! Thái chết chầu gò là hổ -chim đậu cành nam là trĩ.

20 Tống Trân, Bùi Bá Kỳ đời trước, tù Bắc tỏ niềm trung -Duy Liêu, Lê Quang Bí người đâu, về Nam tròn khí tiết.

21 Mà nay, sống thừa còn chưa chết -Đầu bạc lúc nào về?

22 Lồng lộng trời kia! Sao mà cực thế?"

Viết xong, dán lên vách. Cuối tháng, quan lang trung bộ Hình là Kim Quang Địa thấy đọc mà than thở.

[PHỤ CHÚ: Bài *tự tình* này thuộc loại văn biền ngẫu, mỗi câu hai vế cân đối. Mỗi vế chia ra từng tiết ngắn thường bốn hay sáu chữ, nhưng cũng có biến đổi chút ít.

Văn lối ấy gọi là tứ lục. Tuy không vần, nhưng phải hợp *niêm* nghĩa là các vế phải đối nhau về phương diện bằng trắc đã đành, mà tiết đầu của một câu phải cùng với tiếng đồng thanh (trắc bằng) với chữ cuối câu trước. Tôi đã gắng dịch ra văn nôm cũng theo lối tứ lục y như nguyên văn. Còn nội dung thì dùng điển cố của sáo ngữ nhiều. Tôi hãy chú giải đơn sơ những điểm khó hiểu. Đề mục là bày tình

trong khi ở ngục Bắc sở.

1) Sự thế biến đổi chóng như mây nổi hình con chó, màu sắc theo ánh mặt trời thay đổi (Bức tranh vân cẩu vẽ vời tang thương -Cung oán)- Muỗi trỏ kẻ hèn mọn.

2) *Dê đàn* trỏ bọn tướng Trịnh, Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thể chống với Nguyễn Huệ ở Thuận Hóa (Ô châu) -*Long đỗ* trỏ Thăng Long. Chuông với vạc là khí cụ tượng trưng một triều đại; đây nói Chiêu Thống mất ngôi, cô đơn vượt sông Nhị chạy trốn.

3) Ý muốn nói Quýnh sức hèn mà mong chống với Tây Sơn, mượn tiếng vua Lê để khởi nghĩa.

4) Đời Tấn (Xuân thu) họ Triệu bị địch diệt và tìm giết hết con cái. Một môn nhân tên Trình Anh cùng trốn với một con bé họ Triệu, rồi bảo một người họ Triệu tên Công tôn Chữ, cậu trốn vào núi với một bé khác. Trình Anh báo cho giặc biết rằng con họ Triệu còn trốn ở núi khiến địch lùng bắt giết. Nhờ vậy nòi Triệu còn và sau nhờ Trình Anh mà phục thù được. Xong việc Trình Anh cũng tự tử. *Tồn cô* nghĩa là giữ đứa con côi được sống sót.

5) Các tích *Bao Tư* (họ Thân), *Trương Tử* (Tử Phòng tức là Trương Lương) và *Tín quốc* công (Văn Thiên Tường)đều đã gặp trong những bài kí.

6) Ngụ ý việc Quýnh không chịu cạo tóc và chuyện Tô Vũ bị Hung nô giữ lại trong mười chín năm, lúc về mũ và cờ mao tiết đều rách bươm.

7) Thành ngữ trỏ lòng sạch (*giun dế nhả đất*) và mạo

hiểm (*bướm xông đèn*).

8) *Tay trùng* là cánh tay con bọ ngựa (chống xe) ta thường nói châu chấu chống xe. *Gan chuột* trỏ nhút nhát.

9) Cũng là tích Tô Vũ bị Hung nô ở sa mạc (Bắc hải), chúa Hung nô hẹn rằng khi nào ngựa mọc sừng thì sẽ tha về. *Non Mai* tức là Mai lĩnh ở phía bắc Quảng Tây, giới hạn của vùng Việt xưa - *Đỉnh hồ*: ngụ ý khi vua Chiêu Thống mất không được tiễn. Tích Hoàng đế sau khi đúc đỉnh ở Kinh sơn (sau gọi tên đất là Đỉnh hồ) thì có rồng hạ xuống đón lên tiên cùng cận thần cung quyến. Còn các tiểu thần thì níu lấy râu rồng, nhưng râu đứt, rồng bay mất.

10) Ý nhớ quê hương, thương bố mẹ. *Mây trắng* ngụ truyện Địch Nhân Kiệt đời Đường trong khi hành quân trèo lên núi Thái Hàng quay nhìn đám mây trắng bay lẻ loi, bảo với người chung quanh rằng"mẹ ta ở dưới đám mây ấy". Bồi hồi nhìn theo mây đến lúc xa mới đi.*Ô* là chim qụa mà người xưa tin rằng khi mẹ già, nó tha mồi về mớm cho mẹ (Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn và Lòng còn gửi đám mây Hàng, Kiều).

11) *Bô thần*: bầy tôi chạy theo vua lánh nạn.

12) Muốn tự tử nhưng sợ làm tổn hại lòng trời sinh ra người. Muốn theo lời bảo cạo tóc để sống sung sướng nhưng sợ hại đến nghĩa yêu nước.

13) Cầm thú cũng biết nhớ quê tổ, như cáo chết nằm quay đầu về gò có hang gốc, chim trĩ bị đem sang đất bắc chọn cành nam làm tổ.

14) Bốn tích người nước ta bị giữ lại ở Trung Quốc từ đời Trần đến cuối Mạc. *Tống Trân* là một nhân vật chưa hẳn có thật. Theo truyền tụng thì Trân người huyện Phù Hoa (nay là Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên) tám tuổi đậu trạng nguyên không biết đời nào. Đi sứ "Tần quốc", bị giữ lại mười năm mới được về. Chuyện ấy được truyền lại bằng chuyện văn nôm lục bát chắc đặt ra đời Lê. Nay còn có đền thờ làm phúc thần ở làng quê. Theo ý tôi, chuyện này dân gian đã tưởng ra vào khoảng đời Trần là đời có những sĩ tử thần đồng như Nguyễn Hiền đậu Trạng nguyên lúc mười ba tuổi (hình như không có sự nghiệp gì lớn) và Nguyễn Trung Ngạn mười hai tuổi đậu thái học sinh, mười sáu tuổi đậu hoàng giáp, có đi sứ Nguyên.

Bùi Bá Kì, người huyện Thanh Miện (Hải Dương) đậu thái học sinh. Thấy Hồ Qúy Ly cướp ngôi vua, Bá Kì đi xin quân Minh sang đánh Hồ và phục hưng Trần. Minh chiếm nước ta, cho Bá Kì chức tham nghị. Y âm mưu chống chế độ quận huyện nên bị Minh bắt đem về giam đến chết ở Bắc Kinh.

Duy Liêu, họ Trịnh được Nguyễn Kim từ Thanh Hóa sai vượt bể sang Minh (1534) tố cáo Mạc Đăng Dung tiếm loạn. Bị cơn bão, thuyền bạt đến Chiêm Thành. Cuối năm 1536 mới tới Bắc Kinh. Bèn bị giữ lại ở vệ Cẩm y để tra xét. Sau khi Mạc hàng tướng Minh, Mao Bá Ôn, Duy Liêu bị giao cho Quảng Đông an tháp (1541). Có lẽ sau được thả về Thanh Hóa.

Lê Quang Bí, người huyện Đường An (Đường Hào, Hải Dương) đậu tiến sĩ. Năm 1549, Mạc Phúc Nguyên sai đi sứ Minh tuế cống, bị kẻ gian tráo đổi đồ cống. Đến Nam Ninh sự bại lộ, bị quan Minh giam giữ quản thúc trong mười chín năm mới được về. Quang Bí là một văn sĩ nổi tiếng đời Mạc. Làm quan đến Lại bộ thượng thư và được phong tước Tô xuyên hầu để nhắc chuyện Tô Vũ đời Hán.

So với bốn vị trên, Quýnh có ý tự hào, nhưng bấy giờ tuổi vừa năm chục, tù đã mười năm. Lòng chán nản thấy rõ trong bài tự tình viết ngày rằm tháng giêng, trong lễ treo đèn tết, và bài thơ khai bút đề *Bắt đầu lên năm mươi tuổi cảm tác* nay còn: Bài bát cú trường thiên gồm 24 câu, trong đó đã thổ lộ ra những lời nhẫn nại:" Lòng trung, lòng hiếu không đồng, đều là cùm kẹp; chết già chết non tuy khác, cũng kiếp phù du. Sao nên quyến luyến mãi nước cha mẹ. Cũng chẳng căm tức kẻ thù xã tắc."

Lòng chán nản cũng không lâu, nhờ sự Quýnh là một nhà văn *say chữ*. Buồn mà vẫn gò chữ nắn câu. Trong tập thơ, liền sau bài khai bút nói trên, có một bài Đường luật đề *Trong ngục ngẫu làm* coi chừng làm vào cuối tháng giêng ấy. Đặc biệt là thơ làm theo "cách thuận nghịch", nghĩa là đọc xuôi hoặc ngược đều thành thơ đúng mẹo luật: đọc xuôi vần Nam, đọc ngược vần Tâm. Tuy vậy, trong thơ ấy vẫn viết:" Phòng tối, tịch mịch, ít ngâm vịnh. Nhà tối, sầu nguôi, biếng nói cười."].

THỬ THÁCH CUỐI CÙNG

Tháng 2 (năm ấy, Đinh mùi 1799), các quan thu thẩm bộ Hình, là hai vị ông già họ A và họ Kim vâng lời đường quan sai tới thẩm vấn. Nhân vậy, Quýnh có bài bẩm để trình:

"Bẩm vì sự kính mong (Ngài) soi xét cho.

"Năm Càn Long thứ 54, theo mệnh ông Phúc Khang An, chúng tôi bạt thiệp sang đây. Vốn mong kính núp uy trời, may nhờ ơn nước. Nào nghĩ rằng: dấy hay đừng đều có mệnh, nung và đúc cũng bởi Trời. Dốc hết lòng mà chẳng làm sao được.

Lúc bấy giờ, may nhờ ơn đức lớn Thiên triều ban ơn tột mức, bảo chúng tôi cắt tóc và biên tên vào hiệu quân kì. Đối với lòng nhân đức cứu sống ấy, chúng tôi cảm kích không bờ bến. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng kẻ ngu đần mọi rợ không quen phép luật, chỉ ở nê ăn không, thì nghĩa chưa được ổn. Vả chăng mẹ già không kẻ nương tựa, mồ mả tổ tiên không người trông coi. Chúng tôi nghĩ rằng nếu ở lâu ngoài quan sơn vạn dặm, thì rất đau xót tưởng đến cái ơn vô cực. Vì vậy đã nhiều lần xót kêu ca, chỉ xin được trọn vẹn đạo hiếu.

"Chúng tôi, thân hèn giam cấm, ý định tuy quên; tù hãm mười năm, xót lòng biết lỗi. Nay được ĐẠI HOÀNG ĐẾ, ban chính sách sáng như mặt trời vừa mọc, chiếu khắp chốn tối tăm; theo lòng nhân của trời vốn ưa cho sống, ban

đến đất đê hèn. Chúng tôi muôn vàn nhờ các qúy vị Đại nhân, thể theo lòng lành lớn, cúi xét rũ tấm thương; xét tình thật mà xá lỗi. Tha ra cho đem thân xác về, để cho bọn Quýnh chúng tôi khỏi bị nỗi năm luân đều hỏng. Chẳng những lũ sâu kiến sống thừa sẽ đội ơn sâu, mà tất cả nhà già trẻ, kẻ còn người khuất, cũng đều được thấm nhuần...vân vân..."

Ngày 14 tháng ấy, vâng lời đường quan đề thẩm, lại làm một bài bẩm (khác). Lời lược rằng:

"Nguyễn Huệ được phong đã qua một kỷ (:mười năm). Mệnh trời đã định, lòng người đã yên. Thế đổi, thời thay; đó là lẽ chứng thật không thể làm gì được nữa. Chỉ còn lòng nhớ mẹ thiết tha, cho nên đã đem tình quê mà kêu ca đau xót. Nếu như ĐẠI HOÀNG ĐẾ đem đức lớn, nhân dày xét tình tha lỗi, mở một con đường sống, thả cho đem thân xác trở về để thoát cái vòng mù tối, thì đối với đức thành toàn lớn lao ấy, tuy có nghiền xương xé thịt, cũng không báo được một phần muôn.

"Bọn Quýnh chúng tôi sẽ xin cắt tóc để tạ ơn trời.

"Vả (hoặc) nghĩ rằng chúa cũ là tôi con Thiên triều. Quýnh là dân của chúa cũ, thì không những nghĩa và lý đáng phải tránh làm dân Nguyễn Huệ, mà (như vậy) tấc lòng tôi cũng không thẹn. Cúi xin trời che, đất chở, khí xuân nuôi, lòng bể chứa, bằng lòng cho bọn Quýnh về làm tên dân ở biên giới Lưỡng Quảng, được qua lại (đường ranh) buôn bán gần chỗ an trí. May chi được thăm viếng mẹ già

và nuôi nấng, thì không còn điều gì oán tiếc. Nếu sức có thể đem gia quyến tới ở nội địa, thì cũng xin được tùy tiện mà làm..."

Quan tả thị lang họ HÙNG tên MAI không bằng lòng bốn chữ qua lại *buôn bán*. Rồi lại bảo rằng:

"Phải xin cắt tóc và xin cho ở cạnh doanh An nam. Nếu không như thế, thì sẽ bị đưa an trí ở Nhiệt Hà. Chúng anh xin điều nào?"

Bọn Quýnh lại trả lời như trước rằng:

"Xin thả ra để đem thân xác về. Được thế thì nguyện cắt tóc để tạ ơn trời. Nếu không được thế, thì xin giữ tóc để hợp lẽ Trời".

Bấy giờ, bốn người đều lấy ý mình viết tờ bẩm riêng dựa theo lời Quýnh đã giản lược trên. Rồi trông ngóng tin, nhưng không kết quả. Nhân vậy, cảm kích, làm thành hai bài thơ -bài thất ngôn có "*Thân khốn mười năm ôm tiết trắng, Mệnh tùy sợi tóc tỏ lòng son*"; bài ngũ ngôn có "*Nghĩa lớn nặng nghìn vàng, Thân hèn nhẹ như lá*" - Đem thơ trình hai vị ông già (họ A và họ Kim) xem rồi chuyển trình quan lớn (tả thị lang Hùng Mai)

[PHỤ CHÚ: Ba năm trước (Bính thìn 1796) khi vua Càn Long nhường ngôi cho con là vua Gia Khánh, ta đã thấy rằng Thanh triều đã muốn gia ân thả bọn Quýnh, nhưng vì bọn Quýnh vẫn không chịu cắt tóc, nên việc bị bẵng đi. Đến bấy giờ (Kỷ mùi 1799) vua Càn Long mới mất và vua Gia Khánh mới cầm quyền thật sự, liền ra tay trị bọn Hòa

Thân, cận thần bênh Quang Trung từ trước. Vì vậy mới có việc tái thẩm với ý muốn tha ra. Tuy tinh thần đã bị dao động nao núng nhiều, nhưng Quýnh và đồ đệ vẫn kiên quyết không chịu khuất.

Hai bài thơ nói trên nay còn chép trong tập thơ của Quýnh, với đề *Ở ngục ngồi rối cảm làm*, và có chú thích: hai bài trình quan đề thẩm, chuyển ytình ông già tả thị lang họ Hùng.

Bài thất ngôn ý là:" Nổi chìm cánh bèo gặp thời cùng. Lại đội mũ nam ngạo nghễ với gió bấc. Thân khốn mười năm ôm tiết trắng; Mệnh tùy sợi tóc tỏ lòng son. Chăng chi hay hợp nghĩa lòng không thẹn; Chỉ vì tìm điều nhân mà mình chịu coi như oán thù. Sống đã năm chục tuổi mà thành một giấc mộng. Trải qua bao nhiêu cay đắng mà chung quy vẫn tay không". Cuối có chú thêm: Bấy giờ nó không cho qua lại, phải ở chỗ nhốt. Vậy cảm kích mà làm nên thơ. Còn bài ngụ ngôn, ý cũng tương tự như trên. Nhưng một vài chữ không được chắc.

Có lẽ hai bài thơ này có kết quả hay, như sau sẽ rõ.

Ngày 15 tháng 6, bất ngờ thấy ông già họ PHÀN tên CẢNH HIỀN thuộc Hậu quân hiệu cờ Nhương hoàng, đem con Quýnh là Doãn Thuyên tới trong ngục để thăm. Lập tức Quýnh làm tờ bẩm để cảm ơn. Lời lược rằng:

"Mười năm bị nhốt trong tối, âm tín không thông. Không biết lũ con lưu lạc nơi nao. Bây giờ thoắt thấy con, hoảng hốt tưởng là chiêm bao. Thế mới biết rằng ơn trời

mênh mông; không chấp tội cha ngu muội, vẫn cho phép con theo chúa sai bảo.

"Tôi cảm kích khôn xiết kể".

Từ đó được thông tin tức. Về sau, ba người là *Doãn Thuyên, Nguyễn Nghiêm* và *Đỗ Suất* tới thăm. Nhân tiện, Quýnh gởi nhờ mang một bức thơ về cho các vị ở hai doanh An Nam đông và tây. Thư rằng:

"Hiên sâu vắng vẻ, kể đã mười năm; nhạt tẻ đăm đăm, tin không một chữ. Nay nhân thuận tiện; trời tốt vui mừng.

"Kính thưa các vị Qúi đài.

"Duyên may gặp gỡ; nghĩa được truy tùy. Hoặc vịn giá theo vua, gian quan đất khách; hoạc trèo non vượt bể, bạt thiệp gian truân. Chính khí xông bay; lòng trung sáng rệt. Tuy so trước đã đẹp bằng Trình Anh, Viên Thuật. Nhưng cũng chưa nổi tiếng như Phạm Lãi, Yên Suy. Đó là bởi Trời.

"Còn như tôi: chịu mệnh trong khoảng mạt vận lưu li; không làm thì không trọng mệnh. Cho nên, sức hết kiệt hơn muỗi đội núi; nghĩa tối mờ hơn kiến theo đàn. Không quản bảy ngày khóc ra máu mà không tới được sân Tần; ba tấc lưỡi bày mưu mà không động nổi màn Hán. Rồi khi vua ra chạy thảng thốt, không dự truy tùy; khi vua đất khách lẻ loi, không hầu gần gũi. Đã được yên sống hơn vua ta trước, (tội tôi) *kéo tóc* mà đếm cũng không xuể.

"Đến như chuyện bất đắc dĩ đem một *sợi tóc* để tỏ tấc lòng, chứ có ích cho nước được một *mảy lông nào*! Tuy có chín lần chết cũng không dời, (tính mệnh) bất qúa nhẹ

như *lông hồng* mà thôi. Vả chăng, *cánh nhạn* không thông, những xây thành sầu trên vườn đất; *râu rồng* chẳng níu, chỉ rơi mưa lệ giữa trời đông. Trên không sánh kịp lòng trung Lí Nhược Thủy; dưới lại hổ ngươi trước mặt các liệt vị Qúy đài. Thẹn đã phụ trời đất; hổ với người xưa nay. Không những không đủ sánh với bạn bè; mà chó ngựa của Từ cung cũng phỉ nhổ và không thèm nhìn.

"Nay, nhiều lần được Quý đài rủ tình đoái hỏi: giật mình khi nghe ném ngọc, *tóc rối* thêm tươi; kinh hãi được đoái mắt xanh, *mũ nam* thêm rạng. Tấm thân bị buộc lâu ngày, rất đổi cảm kích, kể không xiết.

"Chỉ mong rằng (liệt vị Qúy đài) trân trọng giữ gìn; ngọc thành gắng đợi. Yên bề tùy ngộ, vận thái không xa. Sẽ gặp ơn trời đầm thấm, mưa móc tràn dào. Tôi tuy trong phòng giam ngục tối, cũng được gội chút sóng thừa".

[PHỤ CHÚ: Thế là bốn tháng sau khi thẩm vấn, quy chế giam giữ bọn Quýnh được nới rộng: cho thông tin và nhận người đến thăm. Bấy giờ phần lớn những người tòng vong Chiêu Thống đã bị an trí, Chiêu Thống và con cũng đã mất sáu năm rồi. Chỉ còn mẹ vua Chiêu Thống (đức Từ cung) ở An Nam tây doanh cùng một vài tông thuộc. Có lẽ Doãn Thuyên, con Quýnh ở hầu hạ bà tại đó. Còn các trọng thần thì chỉ còn Đinh Nhã Hành ở Đông doanh với một số người ti thuộc.

Chắc rằng, các vị ấy đã gửi thư sang thăm Quýnh, cho nên Quýnh mới trả lời bằng thư trên. Tuy lời khiêm

tốn, nhưng ý vẫn tự hào, vẫn gọt nắn câu văn, kén chọn điển từ nhắc nhở luôn về sự mình không chịu cắt tóc. Chính cái phong thái của Quýnh đã làm người khó chịu nên xem chừng ít kẻ ưa. Mà thôi" Say chữ" của Quýnh khiến văn vẫn nặng nề tuy chỉ trong một bức thư. Thật ra, lối viết thư ngày xưa thường mang tính cách của một biền ngẫu; tuy khuôn sáo không chặt như văn tứ lục, nhưng cũng đối lời đối ý, dùng điển tích, dùng thành ngữ nhiều. Trên đây,tôi đã gắng dịch để giữ nguyên tính văn xưa. Sau đây tôi giải thích một vài điểm ý ngầm. Đoạn nói đến các vị thì ngụ ý rằng kẻ thì chạy cùng với vua, kẻ thì sau trốn ra theo (trỏ Đinh Nhã Hành) rồi so sánh các vị với người xưa: Trình Anh (đã chú dẫn), Viên Thuật (người đời Đông Hán, chiếm vùng Dương Châu, rõ tự xưng hoàng đế, rồi bị Tào Tháo diệt trừ). Tôi không vì lẽ gì Quýnh lại lấy Viên Thuật mà so ví với các vong thần. Hoặc bản sao lầm chăng? Hoặc Quýnh đã nghĩ đến Lê Duy Chí là chú Chiêu Thống ở An Nam doanh? Dẫu sao những điển cố Quýnh dùng không được gắn, nhất là trong bức thư này. Hai tích sau là Yển Suy, Phạm Lại: *Hồ Yển* và *Triệu Suy* là bầy tôi Trọng Nhĩ con vua Tấn đời Xuân thu, theo chủ trốn ra ngoài trong 19 năm. Sau khi trở về, Trọng Nhĩ thành Tiễn khôi phục nước. Điển *sân Tần* và điển *màn Hán* trỏ Thân Bao Tư và Trương Lương đều đã gặp nhiều lần. Điển *râu rồng chẳng níu* trỏ vua chết không đi đưa cũng đã thấy với thành ngữ *Đỉnh hồ Lí Nhược Thủy* thị lang đời Tống, theo vua Khâm Tông khi

Nguyên bắt vua về Yên kinh, mắng giặc rồi bị giết. *Từ cung*: nguyên văn *từ chúa* có lẽ trỏ mẹ vua Chiêu Thống bấy giờ còn sống ở An Nam tây doanh. *Ném ngọc*: rút thành ngữ ném gạch được ngọc: đây trỏ lời quý báu của các vị. *Mắt xanh*: tích Nguyễn Tịch đời Tấn trọng ai thì nhìn với con mắt xanh, nghĩa là nhìn thẳng; khinh ai thì nhìn với con mắt trắng, nghĩa là nhìn nghiêng].

Ngày 13 tháng 8 (năm Kỷ mùi 1799), thượng thư bộ Hình, giữ chức đô thống hiệu cờ Nhương hoàng thuộc Hậu quân, là quan lớn họ THÁNH, tên ĐỨC, sai ông già Phàn đem (con Quýnh) Doãn Thuyên đến dỗ, thuyết lý rằng (nếu nghe lời)thì cha con sẽ đoàn tụ. Quýnh lại làm bẩm văn, theo ý trước:

"Kính tạ ơn sâu; tỏ bày lòng thật. Bọn Quýnh, bèo trôi muôn dặm, gai nhốt mười năm. Chỉ vì khôn đổi lòng ngây, đến đỗi đắng cay với tiết trinh khó giữ. Vua tôi, cha con đều trở cách; ấy thật nhân tình khó chịu nổi. Nay nhờ xét tình rộng lượng, trong khoảng vài tháng, cha con lại được gặp nhau. Lòng lành rộng lớn khiến nên cảm kích vô cùng. Tuy nghiền xương xé thịt cũng không đến được một phần muôn.

"Nghĩ rằng Thiên triều giáo hóa miền Nam đã một trăm năm mươi năm, thế là đã sâu và lâu vậy. Bọn Quýnh chỉ từng theo đòi đức giáo, cho nên không dám lấy tình riêng mà khuấy trọng nghĩa chung. Đến bây giờ đã trải mười năm. Đời thay, việc đổi. Nếu có được phép phục thù, thì

chưa hẳn còn kẻ thù mà phục. Nếu có được theo chủ cũ, thì lại không còn chủ cũ mà theo. Đối với nghĩa công, đã không thể đạt được nguyên do của sự mình thờ, lại không dám vì tình riêng cha con trong nhà mà trái với giáo hóa của Thiên triều khuyên người trung nghĩa. Cho nên đã tranh thủ lưu sợi tóc để tỏ lòng trung. Vốn không dám giấu giếm mục đích gì khác.

"Nay con dại tôi thuật lại ân ý của Quan lớn, cao sâu như núi bể, bảo tôi nếu muốn cha con đoàn tụ và dốc ý khẩn cầu, thì cũng có một con đường cứu sống".

"Bọn Quýnh nghĩ rằng ơn huệ không thể đòi, thời cơ khó được lại. Cho nên nhân nhờ cơ hội, cầu làm chim sổ lồng, làm trâu liếm nghé. Nhưng vẫn muốn sống thừa cùng đầu bạc; há chịu trước khi chết đổi lòng son. Nếu được (Quan lớn) soi xét, thì ơn đặc biệt, để cho cáo chết, kiến sống được vẹn lòng nguyền. Ấy thật nhờ cái *đức thành toàn* của Quan lớn vậy".

[PHỤ CHÚ: Nhương hoàng tinh là hiệu quân mà vua Chiêu Thống và các vị vong thần đều lệ thuộc. Ý Thành Đức là dễ nếu chịu cạo tóc thì sẽ được tha và sẽ bổ chức tại doanh An Nam như những vong thần khác. Tuy lời đáp của Quýnh bớt phần ngạo nghễ, nhưng ý vẫn vững. Những lẽ đem ra có vẻ thành thật và gần nhân tình: xin làm chim sổ lồng, làm trâu liếm nghé. *Trâu liếm nghé* là thành ngữ trỏ cha già thương con trẻ. Từ bẩm này có lẽ làm chuyển lòng thượng thư Thành Đức, nếu ở câu cuối, Quýnh không

vì tật say chữ đem tên húy của quan lớn này ra mà nói khích, bằng câu "Thật lại Đại nhân *thành toàn chi đức* hỉ" Nhưng đại nhân cũng không giận, cho nên hai tháng sau lại cho người dỗ một lần nữa.]

Ngày 23 tháng 10 (năm Kỷ mùi 1799), ông già Phàn đem Doãn Thuyên tới, lại đem lời Quan lớn dỗ như trước. Gia nhân là Nguyễn Nghiêm, Đỗ Suất cũng theo tới, Phàn lại nói:

"Trong ngục là nơi cấm, không dám đem nhiều người tới. Còn có Ngô Vũ, Phạm Viết Cảnh, Trịnh Đức Bồi, ba người nữa đứng ngoài. Hôm khác sẽ đem tới".

Vẫn như trước Quýnh có lời bẩm, nhờ chuyền đạt:

"Những cầu Thánh xét. Trộm nghĩ bọn Quýnh, cô thần đất khách, giam cấm mười năm. Nay mong Quan lớn đoái thương, đã nới giam cầm, để được bày tình trâu liếm nghé; lại hứa mở cho đường sống, được thoát ngục tù. Chiếu nơi kín, soi chỗ ẩn. (Khác nào) mặt trời mùa đông, gió ấm ngày xuân. Bọn Quýnh cúi đầu nhận ơn, lòng cảm đới kể không xiết. Vì vậy, dám mạo muội bày tỏ lòng quê.

"Năm Càn Long thứ 54, bọn Quýnh vào Thượng quốc, vốn muốn nhờ cậy oai Trời, để mưu khôi phục. Gặp phải lúc ông lớn PHÚC biện lí việc phong Nguyễn Huệ nên đến đổi bắt giữ bọn Quýnh rồi giải tống (đến đây). Bấy giờ may được ĐẠI HÀNH Thái thượng Hoàng đế xét thấu tình mọn, tha không bắt tội. Lại nhiều lần các quan bảo cải trang thì được hưởng ơn to bổ dụng. Bọn Quýnh đã nghĩ rằng cứ giữ

quốc phục cho tiện là lời thề mãi chẳng quên. (Cho nên) đã thẹn phụ ơn Vua, tự mang lấy họa, hãm mình vào ngục từ đó đến nay.

"Tháng 2 năm nay, lại được quan lớn Bộ đường diện dụ rằng: nếu cắt tóc thì được ở doanh An Nam, để tóc thì bị an trí ở Nhiệt Hà; chúng bay muốn đường nào? Bọn Quýnh trộm nghĩ rằng: đã là bầy tôi trên đất khách may được tha tội, thì khắp trên thiên hạ đâu cũng có thể ở. Nếu không ở doanh An Nam thì nay đang ở Bắc sở; ở Nhiệt Hà còn hơn ở Lạng Sơn. Nhưng đã là nhờ bầy tôi mắc tội mà còn được ngồi nể ăn không; ấy là nhờ đức lượng rộng của Thiên triều, chứ đừng đưa danh nghĩa ra mà nói lí. Song le nhà còn mẹ già, không ai mà nương tựa. Lòng thì có hướng, nghĩa cũng chưa yên. Nếu đã được hưởng lòng nhân tha lỗi, mà lại được thỏa nguyện nhớ nhà, thì mưa móc có thừa, lá rễ đều tốt; bể sông nhuần thấm, xa gần đều tươi. Nếu chỉ vì thân mà tìm kiếm kế ở lại đây, thì trung đã không toàn, mà hiếu cũng hỏng. Không những sẽ ôm hận suốt đời, mà còn làm trái lòng vua lấy hiếu trị dân. Bọn Quýnh khăng khăng xin về đất nhà, chỉ bởi cớ ấy, chứ không có lẽ khác.

"Nhưng hoặc cho rằng nếu thả ra, thì bọn Quýnh hoặc sẽ làm xằng bậy loạn, hoặc sẽ bị Nguyễn Huệ làm hại. Nghĩ như thế là vô lí. Hãy thử nghĩ, Nguyễn Huệ đã truyền ngôi một đời; mệnh trời đã định, lòng người đã yên; cảnh vật biến đời, non sông đổi trạng. Huống chi: Bình vương đã chết, vậy hết kẻ thù; tuy còn thây xác có thể đánh, nhưng cũng

phải lấy tài Ngũ Tử Tư mới có thể mưu đồ rửa giận cho Ngô. Hàn Thành đã mất, thì hết chỗ trông tức là không người mà giúp; tuy có trí Trương Lưu hầu, cũng chỉ phò nhà Hán dấy lên. Bằng nay, lường thế xét thời, nếu có trí tuệ, cơ sở, thì cũng chẳng làm sao cử động được. Huống chi kẻ ngu này, tay không lại dám làm trò con bướm đớp lửa sao? Không những bọn Quýnh không dám làm xằng, mà cũng chẳng thể làm được.

"Vả chăng, từ khi Nguyễn Huệ lấy được nước đến nay, phàm những bầy tôi và dân nhà Lê, trừ những người tử trận, thì những kẻ đã bị giết chỉ là đồ ngoan ngạnh phản bội mà thôi. Tức như những người mà Trung Quốc thả cho về thì chưa hề bị hại. Vả chăng Quýnh, thân đơn tuổi già, chịu yên phận mệnh. Không những nó không nhẫn tâm giết, mà nó cũng không thèm giết. Phương chi lòng nó sợ mệnh Thiên triều mà không dám tự tiện giết. Dù may mà Nguyễn Huệ không giết, thì sống làm dân sót của nhà Lê, Quýnh cũng có thể thỏa lòng chim (nhớ tổ) mà không giận. Dù không may mà bị Nguyễn Huệ hại thì chết ở đất cũ nhà Lê, Quýnh cũng được toại nguyện cáo (chầu gò) mà không thẹn. Nguyễn Huệ làm hại hoặc không làm hại, là bởi bọn Quýnh may với không may; ý chừng không liên quan đến cách trị dân của Thiên triều nặng hay nhẹ.

"Vả lại, lấy rợ trị rợ là phép sẵn của các vua đời trước ; rộng lượng vô cùng là điều thánh đế dụng tâm. Hoặc có kẻ lánh nạn đã vào đầu ngụ, thì thương mà đặt ở yên; ấy

là rất nhân. Hoặc có kẻ khẩn khoản đã xin về, thì xót mà tha đi; ấy cũng là rất đức. Hóa công nung đúc, tùy theo vật mà tạo hình, Há lại có hững hờ về sự ấy sao! Rất mong (quan lớn) tìm lí trong tình, ban ơn qúa phép, thì bọn Quýnh, từ nay đến trước đều đội ơn Đại Hoàng Đế đã cho sống lại.

"Cúi nhờ quan lớn thương đến tấm lòng thành khẩn của kẻ cô thần, cân nhắc điều cô thần đã mang tội nhưng đã được xá, mà tâu xin cho về dưỡng lão. (Được thế thì) bụng khoan hồng củng cố ngũ luân, phong hóa bốn phương càng dấy động; mà cả nhà Quýnh, kẻ còn người mất, đều hưởng cái lượng từ bi rộng lớn vô cùng. Kẻ bầy tôi ngu muội này sợ hãi không kể xiết".

[PHỤ CHÚ: Lần này, lời lẽ Quýnh khiêm tốn không nhắc chuyện giữ tóc nữa, nhưng lý luận vẫn cứng cáp đoàng hoàng. Sau đây, một vài chú thích về điển cố: *Tình trâu liếm nghé:* tình cha già nuôi nấng con trẻ. *Đại hành hoàng đế:* tôn hiệu trỏ vị vua mới mất chưa táng; đây trỏ vua Càn Long mất vào tháng giêng năm Kỉ mùi ấy. *Lạnh Sơn :* núi ở vùng bắc Mãn châu. *Bình vương:* là tước Nguyễn Huệ tự tôn trước khi xưng đế (trong viết cho Nguyễn Thiếp năm 1787, đã thấy. Xem La Sơn Phu Tử trang 105). *Ngũ Tử Tư:* Người nước Sở đời Xuân thu, cha và anh bị vua Sở Bình vương (Quýnh cố ý dùng sự trùng tước hiệu này) giết, cho nên chạy sang nước Ngô giúp đánh Sở chiếm Kinh đô. Lúc ấy Bình vương đã mất. Tử Tư sai quật mồ rồi sai đánh thây ba trăm roi. Hàn Thành, dòng vua nước Hàn đời Chiến quốc.

Nước Hàn bị Tần diệt Trương Lương (Lưu Hầu) rình ám sát vua Tần, nhưng đánh lầm xe nên chạy theo Lưu Bang (Hán) làm quân sư để đánh Tần. Rồi tìm được Hàn Thành lập làm Hàn vương. Hán diệt Tần, nhưng Sở Hạng Vũ lại giết Hàn Thành.]

Tháng 11 (năm ấy Kỉ mùi 1799), bọn Quýnh nghe tin Quốc mẫu mất, đã đến ngày táng. Quýnh bèn gửi thư cho Tá lĩnh công - Lê Duy Chi, chú họ vua và các vị ở hai doanh Đông và Tây.

Thư rằng:

"Chúng tôi Lê Quýnh, Lê Trị, Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo, kính nhờ mảnh giấy, bộc bạch tấc lòng:

"Lúc xưa không quản nông sâu, những muốn mưu nhờ sức hổ - Sau lại không nề nặng nhẹ, hóa không giúp được hai rồng.

"Hằng lo thần tiết khuyết nhiều - Khôn liệu hóa cơ khó đoán.

"Thuở nọ non Tây chìm vừng nhật, tấc bóng khôn trông.

- Ngày nào mây tối rụng ngôi sao, nửa đêm tin chẳng thấu.

"Ôi! Ngóng lại, xa dường nghìn dặm đất - Ngắm rào vây, đen quá chín tầng mây.

"Một mai, may được đội ơn to, gian cầm mới nói - Mấy độ, những mong chờ bóng nhạn, âm tín vừa nghe.

"Kinh hãi tan man mác tâm hồn - Buồn bã chảy chứa

chan dòng lệ.

"Ngày trước, Đỉnh hồ mây lấp, đã từng không níu lại râu rồng - Thình lình Bảo vụ sương che, lại không thể tiễn đưa giá hạc.

"Tin dữ, nghiêng tai nghe xót - Lòng đau muốn viếng không đường.

"Xe mây cao ngất ở nơi nao, quay tới khom mình xa lạy -Rào ngục phục phải đâu là tang điếm, thôi đành xõa tóc theo lề.

Đã hay lễ chế nhiều sai - Ý cũng hiếu trung đều lỗi.

"Ô hô !

"Cô thần lâu nhốt, chỉ thiếu một chết mà thôi -Đại nghĩa thẹn nhiều, đã dứt năm luân hết thảy.

"Người mà đến thế - Trời nỡ làm sao !

"Nay nhân hạ huyệt đến ngày, xa theo đạo tổ - Cẩn biện sáp hương vật mọn, để tỏ lòng tôi.

"Cúi mong rũ soi tình khúc, vì chúng tôi mà tiến giùm".

Bọn Quýnh ở trong ngục khóc. Người ta nghe đều cảm động.

[PHỤ CHU: Bức thư này cũng là một bài văn tế, dùng lối văn biền ngẫu, có niêm luật. Tôi cũng đã dịch nghĩa theo phép văn ấy. Sau đây là một vài điểm chú thích:

Lê Duy Chi: có lẽ cũng là Lê Duy Trị hay là Phổ, người mà Quýnh đã đoán chừng là chú họ vua Chiêu Thống (xem trên vào khoảng năm Qúi sửu 1793). Nguyên là vua vua Thanh ban cho Chiêu Thống chức tá lĩnh với điều kiện

là chức ấy sẽ được truyền đời đời. Sau khi Chiêu Thống mất, kẻ nối vị Chiêu Thống thì chỉ còn người chú này mà thôi, cho nên người ấy cũng được nối chức tá lĩnh.

Hai rồng: trỏ vua Chiêu Thống và bà Thái hậu.

Chìm vừng nhật: trỏ vua Chiêu Thống mất. Rụng ngôi sao : trỏ Thái hậu mất. Sao đây trỏ sao nữ, cũng gọi là sao chức nữ, hay là sao Vụ nữ, tiêu biểu đàn bà quí.

Đỉnh hồ...níu râu rồng: trỏ sự không tống táng vua được. Bảo vụ hoặc báu vụ tức là ngôi sao Vụ nữ đã dẫn trên. Giá hạc : xe hoặc kiệu mà chim hạc kéo lên trời. Vế này nói không đưa tang Thái hậu được.

Xõa tóc: tục lễ con đưa tang cha mẹ thì xõa tóc. Đây Quýnh có ý nhắc sự bọn Quýnh còn giữ được tóc. *Tang điểm*: nhà dựng tạm bên mộ để làm lễ trong đám tang.]

RA NGỤC RỒI VỀ NƯỚC

Ngày mồng 4 tháng 4 nhuận năm Canh thân, Gia Khánh thứ 5 (1800), bọn Quýnh được thả ra khỏi ngục, dời đi ở cách phía tây Kinh thành mười hai dặm, tại xưởng Lam Đình an trí ở doanh Hỏa khí ngoài. Đầu tóc, ăn mặc được phép tự do. Phần mộ chúa cũ, được phép thăm viếng. Con cái được phép qua lại.

Quýnh liền làm một bài thơ, trình quan bộ Hình và quan coi ngục - thơ có câu rằng: "*Kéo tóc khôn đền mưa móc mới; Ngoảnh đầu sợ phụ núi sông xưa.*

Tháng 5, quan coi doanh Hỏa khí là Định thân vương - *tên Ân* tới diện dụ rằng:

"Nay vâng ân điển của Hoàng thượng, cho các anh ở đây; giao các anh cho ta coi sóc để được tốt lành. Về phí tổn ăn, tiền phụ cấp thì có Hậu quân Nhương hoàng tinh phát. Các anh hãy ở yên, tuân lời, đừng làm việc trái".

[PHỤ CHÚ: Thế mà gần sáu tháng sau khi Quýnh đưa tờ bẩm xin tha, bọn Quýnh mới được thả ra khỏi ngục, nhưng vẫn bị an trí gần Bắc Kinh, và cũng được hiệu cờ Nhương hoàng cấp dưỡng như các người đồng bang ở An Nam doanh. Bài thơ nói đến trên còn chép trong tập thơ với đề : *Ra ngục cảm làm* và dẫn y như lời trong bài kí. Ý thơ là:

Đội mũ phương Nam có kẻ bị giam buộc hơn mười năm. Nay được nhuần thấm dồi dào ơn từ Trời rơi xuống. Kéo tóc khôn đếm mưa móc mới. Ngoảnh đầu sợ phụ núi sông xưa.

Hồn trung ngày khác sẽ bù đáp những ơn tiếp tục. Tiết khắc khổ giữ đến ngày nay cho nên chí cũ toàn. Mặt trời đỏ vừa lên từ trên cao chiếu soi xuống, Khiến nên ở xứ Ký Bắc (vùng Bắc Kinh) có chim cuốc kêu.]

Tháng chạp, Quýnh lại qua vườn Bắc Tân, quét dọn lăng tẩm trong vườn ấy (mộ Chiêu Thống, mẹ và con vua). Chỉ thấy vài ngôi mộ, nấp dưới bóng mấy cây trong rừng du. Khóc nức nở thút thít rưới ba chén rượu nếp. Mắt khôn cầm giọt lệ như trên núi Giá. Lòng mênh mang gửi đến

đám mây sầu trên sông Nhị.

Quýnh bèn bàn với tá lĩnh công nên lo mang xương Chúa về nước mà táng. Tá lĩnh công nói: "Đó là lời hối của Chúa ta; tôi còn nghe đinh ninh dặn lại ở bên tai, làm xót xa trong lòng. Nguyện chúng ta cũng y như vậy. Chúng ta hãy tính toan kỹ lưỡng".

[PHỤ CHÚ: Đây là lần thứ hai, Quýnh đi viếng mộ vua Chiêu Thống. Trong tập thơ, Quýnh còn để lại một bài cảm tác làm trong khi đi viếng lần đầu vào ngày mồng 8 tháng tư nhuận, nghĩa là chừng tám tháng trước.... Bài thơ ấy đề là *Viếng mộ chúa cũ về cảm làm.* Lại có tiểu dẫn rằng: "Vườn mộ chúa cũ là vua Lê ở phía đông Kinh thành. Mộ ở phía bắc trại Bắc Tân. Bốn ngày sau khi ông (trỏ Quýnh) ra khỏi ngục, thì qua viếng tất cả các mộ. Doanh Hỏa khí phái binh mã theo đưa". Sách *Hoàng Lê Nhất thống chí* nói mộ ở chỗ khác. Lời sách ấy rằng: "Vua Thanh sai lấy lễ tước công đem táng ở Quảng lăng ở ngoài cửa Tây trực. Đất rộng ba mẫu, ngoài bọc rào cao. Các bầy tôi tòng vong đều ăn mặc theo lễ chế..." Quảng lăng có lẽ là tên cái lăng, vì các lăng vua đều có đặt tên riêng, như Vĩnh lăng là mộ Lê Thái tổ, Hữu lăng là mộ vua Lê Thái Tông. Đây Quảng lăng có lẽ là tên lăng mà các bầy tôi vua Lê đặt ra. Sự ấy không trái với tên đất *vườn Bắc Tân* mà Quýnh chép. Nhưng về phương hướng thì cửa Tây trực là một cửa ở phía Tây bắc Kinh thành, còn Bắc Tân thì Quýnh nói ở phía Đông.

Về Tá lĩnh công, thì như đoạn trên đã chú thích, ấy

là Lê Duy Chi chú họ vua Chiêu Thống đã được nối chức của Chiêu Thống và là chúa của người Việt trung thành với Lê. *Hoàng Lê Nhất thống chí* có chép rằng Chiêu Thống nhận con Lê Như Tùng là Lê Huy Vượng làm con nuôi sau khi con mình mất và đổi tên ra Lê Duy Khang; rồi sau khi Chiêu Thống mất, Lê Duy Khang được nối chức Tá lĩnh công (1793). Đọc qua thì hình như có sự sai lệch giữa hai sách về tên Tá lĩnh công. Nhưng có lẽ hai sách đều chép đúng. Có lẽ Lê Duy Khang cũng mất sớm vì sau này không thấy đâu nói đến y cả. Tám năm sau *1800* Lê Duy Chi lại được nối chức ấy.

Về lời trối của Chiêu Thống, *Hoàng Lê nhất thống chí* có chép rõ rằng: "Bấy giờ vua càng bệnh nặng;bèn triệu các thị thần để trao lời dặn trối lại. Rằng: "Ta gặp việc nhà không thành, đã không hay giữ xã tắc, phải chạy ra đất người để lo hưng phục. Rồi lại bị tụi gian quyền bán rẻ. Uất ức đến thế này, mang giận mà mất. Ấy thật bởi trời. Ngày sau nếu các khanh được về nước thì nên mang xương tàn ta về phụ táng ở sơn lăng các thánh,để làm rõ chí ta. Các khanh nên ghi lấy rồi truyền cho mọi người biết. "Đầu xuân *1801*, hết tang Quốc mẫu. Ấy cũng là một cơ hội *nhóm họp Quýnh bấy giờ nói chuyện ấy cùng các người nước ta. Họ đều đồng ý. Rồi Quýnh soạn bài bẩm, lược rằng:* "Nhà Lê tan mất, tôi phẩm hèn mọn,được nhờ ơn cấp dưỡng mà ở rồi. Không có cách gì báo đáp, xấu hổ không xiết. Huống chi mẹ già tôi còn sống, không kẻ tựa nương. Nếu trộm

sống ở đây,tội bất hiếu đã lớn, mà nghĩa chúa tôi càng có chỗ chưa yên.

"Hiện nay, *nhà* chúa cũ ở đất khách là mấy nấm mồ cô quạnh. Sống đã không thể quay xe nhuốm bụi trở về, mất thì hồn lại không thể yên nơi lữ huống. Tôi những xót xa nghe kể rằng chúa cũ lúc sắp mất đã dặn mang hài cốt về phương nam. Huống chi từ cung lúc lâm chung đã thiết tha với ý quay đầu về bắc. Tôi than xót vì khó báo đáp cho kẻ ở suối vàng. Nếu bọn Quýnh không cáng đáng lấy việc ấy, thì xấu hổ rất lớn.

"Trước đây, chúng tôi đã đem lời xót xa xin được đem xương về nước. Nhưng vì nước An Nam đã thuộc về Nguyễn Huệ quản, thì chưa tiện thả cho về. Vì sự ấy, tôi xin kể rõ tình hình *trong nước*, những mong nhờ soi xét.

"Nguyên là nước tôi đất đai gồm mười sáu đạo. Từ thuở nhà Lê trung hưng đến nay, dòng dõi kẻ bầy tôi cũ đã có công lao lớn, là chiêu huân công Nguyễn Kim, đời đời giữ đạo Quảng Nam được hơn hai trăm năm. Từ khi Nguyễn Huệ chiếm cứ kinh đô nhà Lê, thì anh nó là Nguyễn Nhạc chiếm giữ thành Bàn Xà - tức nay Bình Định - thuộc đạo Quảng Nam, và chống chọi với nó. Dòng dõi người công thần xưa kia còn giữ được các đất thuộc đạo Quảng Nam: xứ Đồng Nai và núi Phú Quốc, ý là muốn trông ngóng vào thiên triều từ lâu. Nhưng vì đất xa phận nhỏ, cho nên chưa đạt thấu lòng thành tu cống. Nhưng từ bờ bể Lưỡng Quảng về nam, không ai không rõ việc ấy.

"Nếu được Đại đức rũ lòng thương, thì cho xin phép bọn Quýnh đem hài cốt chúa cũ về trước hết *để tạm* ở Quảng Đông. Rồi giao cho quan coi địa phương biện lí. Hoặc sai người hộ tống hài cốt ấy giao cho kẻ cầm đầu họ Nguyễn ở xứ Đồng Nai, hoặc cho phép hai ba người trong bọn Quýnh chuyển báo cho địa phương Đồng Nai Phú Quốc. Đất ấy thì nhân dân còn là dân sót lại của nhà Lê xưa; phía Bắc có Nguyễn Nhạc ngăn cách, đối với Nguyễn Quang Toản - con Huệ - hoàn toàn không dính líu. Đưa về đó mà làm việc chôn cất xương khô, thì sự mong ước cô đơn của chúa cũ sẽ hoàn toàn đạt. Về đó, giữ mồ vua vưà nuôi mẹ, thì lòng ước ao nhỏ mọn của bọn Quýnh sẽ toại. Chẳng những bọn Quýnh đội đức tái tạo của Đại Hoàng đế, mà tất cả người nhà Lê, chúa và tôi, kẻ còn và người khuất đều được nhuần ơn vô cùng ".

Năm Tân Dậu, Gia Khánh thứ sáu *1801*, tháng 2, bọn Quýnh đem tờ bẩm ấy đệ lên Địch thân vương. Thời giờ qua; mà không thấy trả lời. Bọn Quýnh lại đem số tiền lương được ban để ăn uống mà *trả lại* chứ không chịu nhận. Tháng 9, thấy quan lớn sai bốn ông già lớn là các tham lĩnh họ Cao, họ Vương, họ Chu và họ Hà đến chỗ trú bảo rằng: "tiền lương ấy, không được từ"

Từ đó, bọn Nguyễn Nghiêm, Đỗ Suất, Trịnh Đức Bồi và Phạm Viết Chánh mới được qua lại; và cũng bỏ sự cấm phòng.

[PHỤ CHÚ: Đầu năm Tân Dậu *1801* Nguyễn Ánh

đang tấn công quân Tây Sơn ở cửa Thị Nại *Bình Định* và các tướng Võ Tánh và Ngô Tùng Cnu đang bị vây trong thành Quy Nhơn. Còn Nguyễn Nhạc thì đã mất rồi *1793* và quân Nhạc cũng tan. Bọn Quýnh không biết rõ chuyện,nên trong tờ bẩm trên *1801* còn nói đến phần đất của Nguyễn Nhạc.

Còn tình trạng bọn Quýnh ở doanh hỏa khí thì tuy được cấp dưỡng phí, nhưng vẫn bị an trí. Trong bài thơ cảm tác sau khi đi viếng mồ Chiêu Thống, Quýnh nói: "chỗ nhốt mấy tầng u ám cũng như chốn chín suối. Tuy được ra ngoài ở phụ cận kinh thành nhưng cũng là tù Yên Kinh".

Bấy giờ triều đình Thanh còn tưởng thế Tây Sơn vẫn mạnh, nên đã không trả lời tờ bẩm của bọn Quýnh. Bọn Quýnh vẫn khảng khái đến cùng, bèn nộp lại tiền dưỡng phí. Theo Bùi Dương Lịch *sách Nghệ An Chí*, thì mỗi tháng Quýnh được cấp ba lạng bạc, một thạch gạo. Có lẽ bây giờ đang còn chút ít tiền túi. Nhưng chẳng bao lâu tiền hết lương cạn. Muốn xin đi về kinh, có lẽ để cầu cứu các vị ở doanh An Nam, thì lại không được phép. Tình cảnh xem ra bi đát lắm.

Tập thơ Quýnh còn chép một bài đề: *tháng sáu mưa dầm lương hết lại nghe bảo không cho đi kinh, ngẫu tác.* Đại ý nói: "Lối cầu lam bịt đứt, buổi sáng mưa đầm. Trong đám bùn lầy, thời gian qua... Tiên mà không có rượu thì lấy gì nhuận miệng. Phạt không có bánh không dễ để bụng không. Chốn ngọc kinh có phải là nơi gồ ghề đâu. Những

mong có kim chỉ nam đem xe về ".Tình cảnh ấy kéo dài đến tháng chín, khi Định thân vương cứu mà không làm mất thể diện bằng cách ép phải nhận tiền phụ cấp và cho đi lại tự do hơn trước.

Sau đó đời sống được dễ chịu hơn và các bạn hữu trao đổi thư từ, trao thơ xướng họa. Trong tập thơ Quýnh, ta còn thấy những bài thơ Quýnh họa trả lời Đinh Nhã Hành, và hai người Thanh. Dưới đề Họa nguyên vận của ông Đinh Nhã Hành, có lời dẫn và bốn bài Đường luật họa một bài thơ của họ Đinh. Lời dẫn nói:" Mười năm bị khốn, mong thấy trời xanh. Xẩy lúc nhuần ơn, tưởng tròn ý nguyện. Nhưng hóa cơ khó đoán. Đen nhuộm khó tươi. Vừa ra khỏi lưới thị phi, lại nhốt phía ngoài Lam đỉnh. Lòng son chưa tỏ, sống thác hề chi. Chiếc bóng nhờ đâu, cương thường mất sạch. Ta đã phụ lòng mong đợi của ông anh, hổ thẹn không còn mặt mũi. Lại đội ơn đã ban cho một bài thơ hay và mấy đồ văn phòng. Tôi càng thấy lòng xót nhau yêu nhau. Nhân vậy, xin theo nguyên vận họa thành bốn bài để dâng lại làm trò cười". Trong mười một bài thơ họa này ý cũng không ngoài sự than thân thế bị đày đọa nơi tù ngục, lòng nhớ nước tiếc vua.

Cuối cùng có một bài thơ đề *Tháng chạp mặt trăng lên sau khi tuyết rơi ngẫu tác* tỏ rằng trước cảnh thiên nhiên đẹp đẽ. Quýnh cũng có lúc quên sầu muộn. Ý thơ là "Nhìn qua cửa sổ, ánh sáng lạnh lẽo khiến người rét khó chịu. Tuyết và bóng trăng đổi mới cảnh. Vừng quê mới lên,

tường treo màu biếc. Hoa mai rụng khắp, viện tràn nước bạc. Ánh nổi trên mái nhà như vàng tương dàn dũa. Bóng chiếu xuống màn cây như lụa treo um tùm. Tiếng thanh la dứt rồi, người thấy quạnh hiu yên lặng; tỉnh ra thấy chiếu vào lòng trần thú vui trên tiên".

Không rõ bấy giờ là cuối năm Tân dậu (1801) hay Nhâm tuất (1802). Đây là triệu chứng bọn Quýnh sắp được rất vui lòng].

Năm Qúi hợi, Gia Khánh thứ 6(1803), tháng giêng, nghe tin rằng vua An Nam Nguyễn Quang Toản từ năm ngoái đã bị quốc trưởng nước Nông Nại - tức là đất Đồng Nai - là chúa Nguyễn giết rồi. Được nhà vua ban dụ cho trong ngoài đều biết.

Đến tháng hai mới được tin thật. Quýnh bèn làm tờ bẩm, khẩn khoản xin về quê quán, gõ cửa xin Định thân vương chuyển tâu. Lời bẩm rằng:

"Trộm nghĩ rằng ngày trước bọn Quýnh tới đây vì sau khi họ Lê bị sụp đổ, muốn lo khôi phục. Nhưng hưng vong có mệnh; không thể kéo trở lại được. May nhờ Đại Hoàng đế thương đến kẻ sĩ trung, cho giữ trang phục cũ, ở rỗi ăn lương. Khí mùa xuân ấm tràn vào, bọn Quýnh cảm kích không bờ bến. Sâu kiến được sống thừa, đã quá điều mong ước.

"Nhưng nghĩ rằng đã phụ ơn trời, một mảy không báo đáp. Luống ngồi rồi ăn không, hổ thẹn không kể xiết. Vả chăng tình thâm chưa dứt, nghĩa lớn khó quên. Thật vậy,

từ khi bốn người bọn Quýnh mang tội đến nay, chúa đã mất, hy vọng cáo về gò đã dứt, mà con gái chúa (?) để lại, phó thác không ai. Vả chăng mẹ già bọn Quýnh còn sống, không có ai để mà nương tựa; hoặc đều không anh em, hoặc chưa có con cái. Nếu trộm sống ở lại đây, thì nghĩa chúa tôi chưa yên, mà tội bất hiếu càng lớn.

"Nay trộm nghe ngoài đường sá đồn rằng Nguyễn Quang Toản đã không hay giữ nước, chúa Nguyễn cầm đầu nước Nông Nại đã vì tiên tổ phục thù và đã sai sứ mang biểu tiến cống, (và rằng việc ấy) đã được tâu lên Thiên triều. Bọn Quýnh nghĩ rằng Nông Nại tức là Đồng Nai thuộc Quảng Nam. Người cầm đầu là dòng dõi quan phụ chánh nhà Lê, là chiêu huân công Nguyễn Kim. Người ấy cùng chúa cũ tôi chung một kẻ thù, chứ không có hiềm gì với nhau sốt. Vậy bọn Quýnh có cơ sở trở về, có đất ở yên.

"Nếu được Thiên triều sắc cho về nguyên tịch, thì tức là bắt người rợ nước ngoài đi an trí ở đất ngoài. Đã khỏi làm dây bẩn nước y quan văn vật, mà bọn Quýnh cũng sẽ nhờ vậy được nuôi kẻ sống, tiễn kẻ chết, may còn giữ trọn mối nhân đạo và càng được thấy ý sâu của Trời ban ơn vỗ về thương xót.

"Rất mong đức Vương làm ơn, cặn kẽ tâu lên để nhà Vua biết. May gì được Đại đức rũ lòng thương, bằng lòng nhận lời xin, đưa hình phách bọn Quýnh, kẻ sống và người chết, giao cho quốc trưởng nước Nông Nại chiếu lĩnh. Được thế thì ý nguyện chúa cũ mong muốn theo cáo chầu gò sẽ

đạt, mà lòng bọn Quýnh ước ao theo quạ nuôi mẹ cũng cam.

"Trong mười lăm năm, bọn Quýnh được nhờ lượng bao dung. Đã (có tội) không lấy lại nước trong tay địch được, mà từ rày lại tạm được thương vì; khiến không đến đổi trung hiếu đều khuyết, lại càng tỏ rõ trung nghĩa gồm tròn. Trước sau thành toàn, đều nhờ lòng nhân Đại Hoàng đế đùm bọc che chở, không thể tả ra được".

[PHỤ CHÚ: Trong hai năm, bọn Quýnh ở doanh Hỏa khí, chiến cuộc trong nước biến chuyển rất chóng. Trong năm Tân dậu (1801), nhờ Võ Tánh cầm giữ lữ đoàn tinh nhuệ Tây Sơn chung quanh thành Bình Định, thủy quân của Nguyễn Ánh sau khi phá hạm đội Tây Sơn ở cửa Thị Nại (tháng giêng) vượt bể tiến ra lấy vùng Quảng Nam (tháng 3), lấy Phú Xuân (mồng 3 tháng 5), đuổi Quang Toản chạy ra miền Bắc, bỏ lại những sắc ấn của vua Thanh đã ban cấp. Cuối năm, Quang Toản đem quân vào phản công ở vùng sông Gianh, bị thua to. Đầu năm Nhâm tí (tháng giêng, 1802) Nguyễn Ánh rút quân về Phú Xuân để đợi dẹp yên vùng Bình Định. Tháng 5, sai Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh và Hoàng Ngọc Uẩn đi đường biển sang Quảng Đông báo cáo với vua Thanh sự Quang Toản đã bỏ rơi sắc ấn, xin đem nộp những vật ấy và xin tiến cống.

Vua Gia Khánh nhận đồ nạp, nhưng lưu sứ ở lại Quảng Đông; ý chừng để đợi xem thời cuộc nước ta kết thúc ra làm sao.

Một mặt khác, Quang Toản cũng sai Lê Đức Thận,

Nguyễn Đăng Sở và Vũ Duy Nghi sang Thanh cầu viện. Thế mà triều đình Thanh vẫn im lìm không trả lời tờ bẩm của Quýnh viết vào mùa xuân năm Tân Dậu (1801). Tháng 5 năm Nhâm tuất (1802), đại quân Nguyễn Ánh kéo ra Bắc, quét sạch các quân tướng Tây Sơn dọc đường. Tháng 7 sai người sang báo tổng đốc Lưỡng Quảng và bàn định việc cầu phong. Vua Gia Khánh bằng lòng cho sứ bộ mới, gồm Lê Quang Định, Lê Chính Lộ và Nguyễn Gia Cát họp với phái bộ trước gồm bọn Trịnh Hoài Đức cùng tiến Bắc kinh. Lại đuổi phái bộ Tây Sơn về nước (Đại Nam Thực lục Chính biên đệ nhị kỉ, quyển 18). Tháng 11 năm ấy, bọn Lê Quang Định khởi hành. Đầu năm sau (Quí hợi 1803) bọn Quýnh mới nghe đồn những tin ấy. Cho nên mới có tờ bẩm mới này. Bấy giờ coi chừng lòng Quýnh rất cảm động xao xuyến. Lời bẩm thống thiết giản dị hơn trước. Ít biện luận trang sức tuy càng sợ vua Thanh nghi kị sự xung đột với chủ mới. Quả vậy, vua Thanh cũng không trả lời tờ bẩm liền, ý là đợi sứ đến để dò ý kiến chăng. Trong lúc ấy thì bọn Quýnh rất nóng lòng chờ đợi tin tức.

Trong tờ bẩm có nói đến con gái Chiêu Thống ở lại trong nước. Đúng sự thật chăng? Theo một tiểu tiết sau này, có thể là đúng.

Ngày 25 tháng 7 (năm Quí mão, 1803), nghe ngoài đường sá đồn rằng An Nam nay đổi ra Việt Nam và cống sứ nay mai chắc tới nơi. Quýnh và Bỉnh Đạo xin phép vắng mặt lên đường cái đi đón sứ để thăm tin nhà. Đi thẳng đến

trạm Trường Tân. Nghe cống sứ đã đến Nam Quan thuộc Trạc Châu. Quýnh lại nghe có con mình, là Nguyễn Doãn Trác, được chọn làm hành nhân trong bộ cống sứ, đi để tìm cha. Quýnh thuận theo đường cái chạy tuột đến Trạc Châu.

Ngày 26, quả thật thấy Doãn Trác ở Nam Quan thuộc Trạc Châu (cửa Nam thành?). Cha con mừng rỡ, làm náo động người Trạc Châu. Quýnh cảm được lòng trời giúp rập, cho cha con được gặp nhau, ngẫu tác một bài thơ-có câu: "đầu nghe những bảo người dối ta; đến khi gặp kinh ngạc hỏi: mày đó hay là ai?"

Ngày 27, viên tri châu nghe chuyện, bèn sai bắt Quýnh giam lại rồi giải tống về (doanh Hỏa khí).

Ngày mồng 2 tháng 8, tới bộ (Hình) để chịu thẩm xét. Nửa tháng sau, được vua dụ rằng:

"Quýnh là một bầy tôi bị giam, gốc ở nước ngoài, đã được thả ra ngoài và an trí ở doanh Hỏa khí. Nay nó đi tìm đón gặp con. Ấy cũng là việc thường trong nhân tình. Há lại nên bị tội. Huống chi nó đã xin nghỉ vắng mặt. Vậy không phải nó tự tiện làm. Ai ai cũng đều biết, thật không có gì là không hợp phép. Vậy lại bắt an trí ở doanh Hỏa khí ngoài.

"Còn người coi doanh là Bảo Thiện, thì là viên chức tổng quản mà đã nhẹ dạ cho phép nó cáo nghỉ. Qua nhiều lần tra hỏi, đều nhất thiết không nhận lỗi. Đến khi đưa đến Bộ xét thấy đích thực, Vì không thể chối được nữa, mới chịu hết lỗi. Thế là xảo trá. Vậy bắt đi hiệu lực ở Ô-lỗ-mộc-trai

để chuộc tội".

Bọn Quýnh hiểu rằng từ rày sẽ được mang ơn Trời rất nặng; nỗi mừng nỗi sợ dồn dập tới.

[*PHỤ CHÚ*: Về đoạn Quýnh được về nước, thám hoa Phan Thúc Trực (1808-1852) trong Quốc sử Di biên chép khá tường tận, và hình như đã được đọc gia phả của họ Quýnh. Một điều lạ là trong bản in do ông Chen Ching Ho cho xuất bản ở Hong Kong năm 1956, tên Quýnh đều viết là Hữu và tên con đầu viết Trắc. Có thể một người có nhiều tên, nhưng tôi không thấy lẽ gì đích đáng khiến họ Phan không chép tên Quýnh mà ai cũng biết. Sau này, khi dẫn lời Quốc sử Di biên (viết tắc là QSDB), tôi sẽ dùng những tên chính thức: Quýnh và Trác.

QSDB chép rằng: "Năm Nhâm tuất, nghe Ngụy Tây đã mất nước, bọn Quýnh mấy lần khẩn cầu xin đem xương chúa về táng. Không được trả lời. Đến khi sứ ta tới cầu phong, con Quýnh là Trác xin làm hành nhân để thăm tìm vua và cha. Vua Thế Tổ (:Gia Long) vốn nghe tiếng Quýnh, bèn cho là phải. Khi Trác đến Trạc Châu, thì gặp Quýnh ra đó để đợi sứ. Cha con thấy nhau rất mừng..." Phan Thúc Trực cũng dẫn câu thơ của Quýnh đã chép trên. Trong tập thơ Quýnh còn giữ được trọn bài với đề là: Mừng tìm thấy con ngẫu thành. Lại có dẫn, đại để cũng như chính văn trong bài kí. Ý thơ là: "Mười lăm năm tin nhạn vắng. Không ngờ tới Trạc lại gặp con dại. Mới nghe những bảo người dối ta. Đến khi gặp kinh ngạc hỏi mày đó hay là ai? Trong

quán khách suốt đêm trò chuyện như trong mộng. Kể rõ gia tình, nghe rồi như ngây. Đến sáng, chia tay nhau xăm xăm đi. Cha con tình thâm không thể nín".

QSDB chép nối, rằng: "Cha con cùng nhau về đến Yên kinh. Theo sứ vào bái yết vua Thanh. Vua Thanh khen, bảo: Cha là trung thần, con là hiếu tử. Ban cho rất hậu". Đoạn này chắc chép không đúng sự thật, vì các việc xảy ra thì Quýnh đã chép rõ ràng: cha con chia tay. Rồi Quýnh bị bắt, giải về Kinh, bị thẩm vấn ở bộ Hình. Vua Thanh bênh vực tha tội. Còn như được ra mắt vua cùng con và được khen thưởng thì chắc người sau khuyếch đại mà thôi, cũng như đối với nhiều việc khác, xảy ra ở phương xa hoặc đã từ lâu. Nếu có những việc lí thú ấy thì chắc Quýnh không quên chép. Lời phê của vua Gia Khánh kể ra cũng khá lí thú. Chỉ tội nghiệp cho viên quản doanh vô tình mà bị tội!].

Ngày mồng một tháng chín, ông già coi Hậu quân thuộc hiệu cờ Nhương hoàng tới hỏi rằng:

"Bây giờ có xin về nước nữa không?"

Cuối ngày, quan tổng quản doanh Hỏa khí là Định thân vương tới doanh, lại bảo rằng:

"Trước đây, chúng anh có bẩm xin đem hài cốt chúa cũ về nước. Nay Quân cơ xét xử, đã truyền rằng: "Hiện nay vương nước Việt Nam đã được sắc phong rồi. Chúng anh có xin về không". Cứ thật tình mà lên tiếng trả lời, chớ chầy!".

Bọn Quýnh làm tờ bẩm rằng:

"Vì việc tình nguyện về nước.

"Trộm nghĩ rằng bọn Quýnh là bầy tôi có tội, người nước ngoài, đã đội ơn to, không bị khiển trách nặng. Cỏ hèn chốn xa đều được gội mưa xuân; bèo giạt nước lạnh càng biết nắng chiều ấm. Vốn đã chịu cảnh ngộ mà an phận. Còn mong mỏi ý được như nguyện.

"Nay, được chỉ truyền hỏi có xin về nước hay chăng; mới thấy ơn cao dày như trời đất của Đại Hoàng đế; chúng tôi cảm kích không bờ bến.

"Bốn người bọn Quýnh chỉ tình nguyện được đem hài cốt chúa cũ về địa phận nước chúng tôi an táng để cho yên hồn bơ vơ đất khách. Như thế may chi làm rệt chế độ của Thiên triều che vỗ, đối với trong và ngoài đều thi hành ân và uy. Mà bọn Quýnh được về vui vẻ, thì chết hoặc sống đều cũng mang ơn không thể quên".

Tháng 10, gặp ngày kị chúa cũ, Quýnh qua cúng vái ở mộ tại vườn, có cảm tác một bài thơ.

[PHỤ CHÚ: Hoàng Lê Nhất thống chí, trong hồi cuối có chép rằng: "Mùa xuân năm ấy (1799), Thái thượng hoàng mất, (vua Gia Khánh lập tức sai bắt Hòa Thân, cho tự tử và tịch thu gia sản. Sau khi đã giết Hòa Thân, vua cùng thị thần nói chuyện đến việc vương cũ An Nam và lấy làm thương xót. Bèn triệu các bầy tôi nhà Lê cũ hiện ở xưởng Lam đỉnh (nguyên chép Lam thuần, với chữ thuần là môi), gia ân cho hậu, cho phép tự tiện giữ đầu tóc, y phục. Năm Quí hợi (1803) là năm Gia Khánh thứ 8, tức Hoàng triều Gia Long thứ 2, giặc Tây đã bình; quốc triều sai sứ đi Thanh

dâng biểu bày tỏ tình thế và cầu phong. Các bầy tôi cũ nhà Lê nghe tin, tức thì làm tờ biểu bẩm các thần xin đem quan tài vua cũ, và Thái hậu về táng, Các thần đề *đạt cho*".

Quốc sử Di biên chép một tiểu tiết đáng chú ý. Rằng: "Đến khi sứ bộ trở về, Quýnh dặn Trác làm biểu tâu vua Thế Tổ (Gia Long) xin cho bọn Quýnh về nước và cho đem vua Lê về táng ở nơi yên ổn. Thế Tổ bằng lòng, Trác bèn gửi thư mách Quýnh. Quýnh dâng biểu xin vua Thanh; vua Thanh cũng bằng lòng cho".

Điều chép này không đúng, vì từ ngày Quýnh gặp con (27 tháng 7 đến ngày đưa tờ bẩm cuối cùng cho Định thân vương (mồng 1 tháng 9) chỉ cách chừng một tháng; vậy không thể có chuyện con Quýnh về tâu xin cho cha được phép về và đem quan tài vua Lê về, rồi trả lời cho cha để xin phép vua Thanh. Sự có lẽ xảy ra như sau. Từ trước đến bấy giờ Quýnh đã nhiều lần xin vua Thanh về và đưa hài cốt vua Lê về, chứ không đợi xin phép vua Gia Long. Nhưng khi gặp con ở Trạc Châu, có thể rằng Quýnh đã bảo nhờ sứ thần gửi công văn về xin phép vua nhà.

Theo Đại Nam Thực Lục, ta biết rằng sứ bộ ra đi vào cuối năm (tháng 11), cuối chạp năm ấy (1803) về đến nơi. Tháng giêng năm sau (Giáp tí 1804), án sát Quảng Tây sang làm lễ tuyên phong].

Năm giáp tí (1804), Gia Long thứ 3, bọn Quýnh được giữ toàn tóc mà về. Được đưa hài cốt vua Lê cũ, Thái hậu và Nguyên tử về táng ở Thanh Hoa.

[PHỤ CHÚ: Ta phải lấy làm lạ rằng về đoạn quan trọng và vui mừng trong đời Quýnh như đoạn này mà kí tải chỉ bằng vẻn vẹn một câu để chấm dứt tập "Bắc hành *Tùng kí*". Hoặc là tuy được về và được làm trọn nguyện vua Lê, nhưng thấy Gia Long không phục hưng nhà Lê, Quýnh bất đắc chí, cho nên không tiện và không muốn chép chi tiết hoặc cảm tưởng trong *cuộc hồi hương.*

May nhờ các sách khác, ta còn biết những sự kiện xảy ra trong giai đoạn ấy một phần nào.

Số phận bốn người ở doanh Hỏa khí ngoài, ta đã rõ. Còn những vong thần bị an trí mọi nơi, thì sách HLNTC chép rằng: "Năm đầu Gia Khánh, Bính thìn (1796), hết tang vua Lê, Thái hậu nghĩ rằng các cô thần ở đất khách khổ sở mà không biết ngày nào về nước được, dâng biểu xin cho các người tòng vong được phép cưới vợ. Vua Thanh bằng lòng, lại ban cho mỗi người tám lạng bạc, ba mươi lăm quan đại tiền (:gồm 100 đồng) để cung vào lễ cưới. Ban sắc bảo ai nấy ở yên chỗ mình và giữ chức nghiệp mình làm".

Theo sách *Nghệ An chí*, tác giả là Bùi Dương Lịch (đậu hoàng giáp khoa 1787) thì những người ở Kinh được cấp số tiền bạc kia. Sách ấy lại chép rằng: "Lê Hân, Lê Văn Trương (an trí ở Phụng Thiên) đều được người Thanh thương xót. Y phục, ăn uống đều được cấp đầy đủ, không bị trói buộc. Hằng ngày nhàn rỗi chỉ đọc sách tiêu khiển. Lê Hân biết nghề thuốc, trị bịnh nhiều hiệu nghiệm. Người Bắc bị bệnh đều tới xin chữa. Lâu ngày được nhiều tiền. Ở Phụng

Thiên có ông nhà giàu mến tài Hân, đem con gái gả cho (theo lời khai của quan tỉnh Nghệ An đời Tự Đức thì người kia là thái thú, nghĩa là tri phủ, họ Lưu). Khi Hân được vâng chỉ vua Thanh cho về, nhà ấy cho con gái cùng đi, với của hồi môn kể hàng vạn. Lúc Hân về đến Thăng Long thì bị bệnh mất. Người con gái ấy về huyện Nam Đường (ở Nghệ An, quê của Hân) để chế. Vài năm sau thì bà cũng mất".

Sách NAC lại cho biết rõ rằng:" Ngày 13 tháng 2 (năm Giáp tí 1804) vua Thanh hạ chỉ cho các người tòng vong về và cho đưa quan tài vua cũ về táng..." Bấy giờ lời xin của bọn Quýnh mới được chấp nhận. Sách Đại Thanh hội điển, quyển 509, còn giữ được lời dụ ấy:

"Trước đây, theo lời Nguyễn Phúc Ánh đã viết biểu đến gõ cửa quan để xin phong, ta đã gia ân, phong cho làm Việt Nam quốc vương; vỗ về ban xứ Giao Nam để giữ chức phiên thần. Nhân đó, ta nghĩ đến những người An Nam đã theo Lê Duy Kì vào đâu và đã được biên đặt vào sổ tá lĩnh, Tuy đã từng cấp cho tư lương, để đoàn tụ ở yên nhưng chúng đã lìa xa làng nước lâu năm, tình thật khá thương!

"Hãy gia ân bằng lòng cho chúng về nước, để thỏa chí mong ước, và cho phép đem hài cốt Lê Duy Kì về táng ở đất thành cũ để dựng lăng chính đáng. Hãy bảo các đô thống hiệu cờ xét, chiếu theo sổ sách khai các bộ An Nam, vâng chỉ cấp thưởng:

- Một viên tá lĩnh cấp 10 lạng bạc,

- Một viên kiêu kị cấp..... lạng bạc,

- Từ chức lĩnh thôi sấp xuống, cả đàn ông, đàn bà kẻ lớn thì cấp 5 lạng, kẻ bé thì cấp 3 lạng. Đều lấy bạc ở kho Quảng trử tí mà cấp phát. Bảo chia thành nhóm mà ra đi. Dọc đường, sẽ tư cấp, đưa đến Quảng Tây, giao cho tuần phủ Bách Linh, khiến đưa ra khỏi cửa Quan, rồi báo cho quốc vương nước ấy thu lĩnh.

"Trừ những người an tháp ở Giang Ninh (thuộc Giang Tô, có lẽ những người này đã tình nguyện ở lại chăng?) mà đã có dụ bảo Trần Đại Văn tuân theo mà biện lí, còn đối với những người ở Nhiệt Hà, Trương Gia khẩu, hãy bảo các đô thống tra chiếu, đưa về Kinh, giao cho hiệu cờ (Nhương hoàng) để đưa đi về nước.

"Đến như những người An Nam trước đã từng phát vãng ở Phụng Thiên, Hắc Long giang, Y Lê, cũng đều bảo các tướng quân tra rõ, rồi tha về. Rồi đều thưởng cấp cho tiền bạc và đưa về Quảng Tây, bảo ra cửa Quan. Làm vậy để tỏ ý ta thương xót ngoài lệ thường".

HLNTC chép nhiều tiểu tiết về vua Thanh ban cấp tiền bạc, có thêm rằng: "Tháng giêng (năm Giáp tí 1804), mở quan tài vua cũ, thấy thịt da đã tiêu tan, mà cuống tim không nát, sắc máu vẫn ửng ửng đỏ tươi. Kể từ khi quàn táng đến bấy giờ đã 12 năm. Những người trông thấy không ai không kinh dị và than thở. Lại mở quan tài Quốc mẫu, Nguyên tử cùng Viết Triệu, Văn Quyên lấy di hài đem theo".

Các bản dịch HLNTC từ trước đều chép quả tim Chiêu

Thống không nát. Vả bản in sách NAC chép đoạn này cũng gần y như HLNTC và đã chép "Tâm quả" nghĩa là quả tim. Còn viết tay cũ HLNTC tôi dùng thì viết "Tâm miêu" ở hai chỗ. Lại vì lí do chữ Miêu có thể đổi ra chữ Quả vì kẻ đọc không hiểu mà đổi và vì tự dạng một phần, còn sự đổi Quả ra Miêu thì không thể xảy ra. Tôi đã đoán *Tâm miêu* trỏ một huyết quản tháp vào tim như cái mầm. (có lẽ là artère sorte). Vì vậy tôi dịch ra cuốn tim. Mà thoại ấy có lẽ gần sự thật hơn, nhưng mất một phần quái dị! Mong ai biết chắc nghĩa thành ngữ *Tâm miêu* cải chính cho.

NAC chép việc mở quan tài Chiêu Thống vào ngày 25 tháng 2, khác với trên đây, và khác với sách *Quốc sử di biên*. Sách này có cho biết một vài chi tiết khác; "Năm này, ngày 24 tháng 3, Quýnh lấy áo mão, quan tài, cải thố (bốc mộ) cho vua Lê, Quốc mẫu, Nguyên tử, cùng các người tòng vong như Nhã Hành, lớn nhỏ 18 cỡ, Quýnh có thơ khóc vua Lê, trong đó có câu "Mây che râu rồng không biết đâu mà tìm. Tuyết phủ bờm ngựa sắp đến lúc lên đường". Vua Thanh sai đánh dấu các quan tài để ghi. Chia ra làm ba đợt để lên đường. Sai các châu huyện dọc đường hộ tống: đợt đầu gồm các vong thần còn sống". Theo NAC, "ngày 26 tháng 2, các bầy tôi đem các quan tài ra về..." Nếu thời điểm này đúng thì ngày mở quan tài Chiêu Thống không thể ngày 25 tháng ấy (NAC) hoặc ngày 24 tháng sau (QSDB); thoại tháng giêng của HLNTC có lẽ đúng.

HLNTC cho biết thêm rằng quan tài vua Lê về đến

Nam Quan ngày 13 tháng 8 năm ấy (1804). NAC cũng chép vào tháng 8. Còn QSDB ghi nhiều chi tiết, chép rằng.

"Tháng 7, về đến Nam Quan, vào trấn Lạng Sơn, bày bàn thờ quan tài ở ngoài thành. Quan Hiệp trấn Lê Duy Đản, tiến sĩ người xã Hương La (bản in lầm ra Nguyễn Duy Thảo. Đây là Duy Đản người đã từng cùng đi với Quýnh theo Tôn Sĩ Nghị đem quân vào Nam Quan năm 1789) và các cựu thần cùng tù trưởng đều đến khóc.

"Ngày 26, Quýnh về Thăng Long trước, yết quận Thành (: quận công Nguyễn Văn Thành làm tổng trấn Bắc thành), quì lâu không lạy, vả nói rằng:" chưa được lạy Vương thượng cho nên không dám lạy Tôn công". Rồi cất mũ xin chịu tội. Thành xua tay, trỏ Quýnh nói "Mời ngồi!". Cho uống trà. Quýnh cảm ơn, nói:

"Nước mất, không hay mưu giữ được, tôi là tội nhân đối với Tôn ông, khiến tôi mồ hôi chảy dầm áo. Chỉ vì di hài của vua chưa được một tấc đất để giấu cho yên. Xin Tôn công tán thành cho".

"Thành nói:

"Sao lại lo! Vương thượng trông ngóng ông về như khát khao. Từng nói hễ ông về đến nơi, thì nên sớm tới gặp; ở lại chầu ba bảy ngày. Sự đáng làm về vua cũ, thì tôi cam đoan sẽ làm thành cho ông.

"Quýnh lưu lại ba ngày. Các quan văn vũ mới và cũ lần lượt tới tìm gặp. Rồi Quýnh từ giả Thành, ra yết tán lý Thường (:Đặng Trần Thường). Từ xa trông thấy, Thường gọi

Quýnh là Khổng Minh. Quýnh từ tạ. Thường lại chữa, gọi là Tử Phòng (:tức Trương Lương) Quýnh nói:

"Tướng công gặp gỡ minh quân, làm được chí mình; mới đáng với cái tên Tử Phòng, Quýnh không thể bằng vậy".

"Rồi Quýnh từ giã. Ngày mồng 6 tháng 8, Quýnh từ Thăng Long tiện đường về quê quán (:làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, trấn Kinh Bắc) cùng với thân cố uống rượu mừng vui, kể tình trạng được ban ơn. Ngày mồng 7, yết nhà thờ họ, rồi làm lễ thành phục thím, tức là vợ Doãn Thân (tiến sĩ, cha Doãn Trị cùng bị tù với Quýnh ở Yên Kinh và cùng mời về).

"Ngày 12, Quýnh trở lại Thăng Long, bẩm với quận Thành xin về Kinh dâng tấu lên vua Thế Tổ. Vua bằng lòng cho đem vua Lê về táng tại làng Bố Vệ (thuộc huyện Đông Sơn trấn Thanh Hoa)."

Trên đây, tôi dịch nguyên văn của Phan Thúc Trực trong QSDB. Sự Quýnh có vào kinh Phú Xuân để tâu xin vua Gia Long đưa di hài Chiêu Thống về táng ở Thanh Hoa, thì trừ QSDB, không thấy đâu chép (có lẽ theo gia phả họ Lê Quýnh) kể cả Đại Nam Thực lục. Nhưng có lẽ Quýnh đi Kinh vào tháng 8, cho nên trong sách cuối này, có chép vào tháng 8 chuyện "quan tài vua Lê, là Lê Duy Kì, được đưa từ nước Thanh về" (bản dịch của Tổ phiên dịch viện Sử học Hà Nội, tập III, trang 209 và sau). ĐNTL chép:

"Quan Bắc thành đem việc tâu lên. Vua hạ lệnh cho Lê Duy Hoán (con em ruột Chiêu Thống, Duy Chi, đã được

Gia Long rất hậu đãi vào tháng 9 năm Nhâm tuất 1802, và phong cho tước Diên Tự công, nghĩa là để nối đời thờ cúng các vua Lê; nhưng sau bị Gia Long giết) đợi ở Nam Quan. Lại sai bầy tôi bàn việc ấy... Vua cho (lời bàn) là phải, sai thành thần trị quan tài, cho 700 quan tiền, 500 phương gạo, dùng binh thuyền hộ tống về táng ở Thanh Hoa. Hài cốt bọn bầy tôi tòng vong nhà Lê đều cho tiểu gỗ đưa về, cấp tuất tiền vải cho gia đình họ..."

Tuy triều mới không cản trở sự đưa di hài vua Lê về, nhưng hình như những kẻ thừa hành cũng không sốt sắng lắm, hoặc còn dè dặt vì lí do chính trị đang thời đang khá gay gắt. Quan tài phải đợi ở Lạng Sơn hơn một tháng mới được đưa về Thăng Long. QSBD chép rằng: "Ngày 24 tháng 9, quận Thành sai binh Bắc thành đi Thăng Long. Đặt quan tài tế ở nhà Diên tự công. Các di thần và trăm quan văn vũ đều mặc áo trắng tới điếu. Còn tang những người từ Đinh Nhã Hành trở xuống, thì cho thân quyến tới nhận dấu ghi ở quan tài mà lĩnh về táng".

Về thời điểm, HLNTC chép hơi khác; rằng "Ngày 23 tháng 9, quan tài tới Thăng Long. Dựng cung tế ở nhà Diên tự công. Hoàng phi mỗi ngày chỉ ăn vài lóng mía mà thôi".

Hoàng phi nói đây là Nguyễn Thị Kim, vợ Chiêu Thống và mẹ Nguyên tử. Khi Chiêu Thống bỏ cung điện chạy lên Kinh Bắc, theo HLNTC, thì em thứ ba vua, là Lan Quận công Lê Duy Chi đem bà chạy lên phía tây, đi Tuyên Quang trú ẩn. Sau khi Duy Chi bị bắt và bị giết, bà trở về Kinh

Bắc trốn ở nhà dân. Tây Sơn tìm bắt nhưng không được. Nguyễn Huy Túc, cận thần vua Chiêu Thống, trong *Bài hành về Tì bà phu nhân tuẫn tiết* nói rõ rằng bà trốn ở làng Võng La thuộc Sơn Tây. Theo lời quan tỉnh Bắc Ninh khai đời Tự Đức thì bà trốn ở quê ngoại. Có lẽ làng Võng La chính là quê ngoại bà. Về sau có lẽ trốn ở chùa. Lời khai này lại nói rằng khi nghe quan tài vua Lê về đến Nam Quan, bà lên đó đón, đúng như lời chép trong HLNTC. Lời ấy rằng: "Ngày 13 tháng 8 mùa thu, lên cửa Quan đón. Từ đó không ăn hạt cơm nào, chỉ mỗi ngày uống một chén nước cháo, nằm sụp bên quan tài chầu chực kêu khóc". Trong Bài Hành của Nguyễn Huy Túc có "Nghe tin lật đật đi thân nghinh. Từng nhịn đói, sức suy mặt gầy. Giăng giăng thuyền chèo qua sông Lô. Kiệu, tán, kèn, chuông rước vào nhà thờ. Sĩ dân buồn rầu nhìn nghi trượng dàn bày. Quan liêu gạt lệ dâng rượu viếng. Tình cảnh trong phòng khuê không tả hết. Sơ sài đem lễ phục dâng nước và hương. Mở quan tài nhìn một lượt mũ áo. Nuốt lệ, ngưng mắt, lạy bàn thờ. Quay mình vào trướng lạy Nữ chúa Quan tài Thái hậu? QSDB có dẫn đoạn này và chú thích rằng đó là bà chủ quán (?). Đây cũng có thể có chữ sai. Hoặc đó là Công chúa chứ không phải, và Công chúa có lẽ là con gái riêng Chiêu Thống, mà Quýnh đã đề cập trong một tờ bẩm quan Thanh. Cam lòng uống thuốc độc đầy gan ruột..."

HLNTC kể chuyện bà Hoàng phi tự tử một cách tỉ mỉ rằng: "Ngày 12 tháng 10, các quan thay quan tài vua

Lê, thấy cuống tim vẫn như cũ. Làm lễ điện (: lễ cúng trước quan tài) xong, bà Hoàng phi tới trước hương án khóc rất thống thiết, rồi bảo Diên tự công rằng: "Ta nhẫn nhục khổ sở đến nay mười lăm, mười sáu năm, không phải không có ngày có thể chết được. Nhưng bấy giờ, Thái hậu, vua ta, Nguyên tử không thông tin tức, còn mất không hay. Ta còn đợi chút ít. Nay, Thái hậu và vua đều mất, mà Nguyên tử cũng chết rồi; linh giá đã về nước rồi. Việc của ta như thế là xong. Ta nên chết theo để hầu hạ sơn lăng. Như thế là phải. Rồi lập tức uống thuốc tự vẫn. Nghe chuyện, ai mà không thương xót".

HLNTC lại thêm rằng Bắc sứ ở đó cũng than khen không dứt. Bắc sứ đây chắc là quan Thanh hộ tống quan tài vua Lê.

QSDB cho ta biết rằng Quýnh đã liên quan ít nhiều về sự Nguyễn Thị Kim tự tử. Sách ấy chép: "Hoàng hậu người Tì bà từ chùa Lã tới, cùng Quýnh khóc: rồi hỏi nên tính việc mình ra sao. Quýnh nói: "Xuống dưới đất để gặp vua trước đó là thượng kế. Về ở lăng tẩm để giữ hương lửa, đó là kế thứ hai". Hoàng hậu bèn uống thuốc chết. Tuổi bốn chục. Nguyễn Thi Kim sinh năm 1765, đúng như lời Nguyễn Huy Túc trong Bài Hành.

Ngày 13, khâm liệm Hoàng phi. Ngày 28 đưa các quan tài xuống thuyền để về Thanh Hoa. Ngày 24, táng cả bốn người, Chiêu Thống, mẹ, vợ và con cạnh lăng vua Hiển Tông ở Bàn Thạch. QSDB chép rằng táng ở Bố Vệ, chắc lầm, vì

các sử đều chép lăng Hiển Tông ở Bàn Thạch, thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thọ Xuân, cách Bố Vệ chừng 25 cây số.

Chắc Lê Quýnh cũng vào Thanh Hoa dự lễ táng này. Sự là nay tôi không thấy thơ hoặc văn điếu của Quýnh vào đoạn này trong tập thi văn của Quýnh sao lại trong *Lê triều tiết nghĩa lục*. May QSDB còn giữ được một vài bài: văn tế Chiêu Thống lúc an táng: thơ khóc Hoàng phi. Sách ấy lại chép rằng:

"Quýnh từ Thanh Hoa về, lạy tạ quận Thành. Rồi từ về, nhịn đói trong ba ngày, trở về quê làm thầy tăng tại chùa Đại Đồng (cách Hà Nội ngày nay chừng 25 cây số gần đường Hải Phòng). Quýnh có câu thơ "Phật tổ cho làm đệ tử bước đầu. Nhà vua bằng lòng để làm tên dân cũ ở rồi." Bấy giờ Quýnh 55 tuổi. Quýnh thường nói với bạn cũ là Nguyễn Huy Phác rằng: "Quýnh như con gái Lục Song, đã không có cái đẹp về nhan sắc, lại không cái tài về kỹ nghệ. Có kẻ trượng phu hào phóng cưới. Thế là mười phần may mắn. Nay gặp trượng phu mất. Chỉ nên ở quá cho trọn danh tiết của một liệt phụ. Nếu không thì sẽ thành loài vật gì". Phác coi Quýnh là có tài ví dụ".

Tháng 11, Quýnh về làng, yết nhà thờ, nay còn bài Văn tế từ đường chép phụ vào *Bắc hành tùng kí*. Lời rằng:

"Một chút kiền tỏ lòng: - Mười phần muỗi đội núi. Súng nổ gươm phang rật rật. Đối nước chẳng giúp gì. Gốc cây nguồn nước xa xa có nhà mà không đoái. Theo rồng mà chẳng vịn râu rồng. Tựa hổ hóa ra theo đuôi hổ. Ngoài Đồng

trụ, chịu đầu đất khách, nghìn muôn dặm tuyết sương. Trong ngục tù, khổ chịu trời chung bảy mươi kỳ mây khói. Đầu bù rối riêng đội quân thân - Lòng hoang mang thẹn cùng kim, cổ. Ba mươi kỉ, Tống triều sụp đổ, tiếng quyên kêu, giận chẳng bằng Văn (: Văn Thiên Tường) - Mười chín năm, cờ Hán pha sương, sữa dê hẹn, hẳn còn thua Vũ (:Tô Vũ) Nhờ oai thần quét sạch Tây Sơn - Cậy phúc tổ được về Nam thổ. Một đồng tiền chẳng đáng, thẹn mặt nào thấy lại cha anh - Ba lối cúc bỏ hoang, nghèo khô xác khôn bề cúng tổ. Qua loa bày lễ bạc kính dâng - Phảng phất ngó bàn thờ như thấy".

Trong bốn người cùng bị giam cầm ở Yên Kinh thì hai anh em thúc bá Lê Quýnh và Lê Doãn Trị lui về làng, còn Trịnh Hiến và Lí Bỉnh Đạo thì đến tháng hai năm sau (Ất Sửu 1805) được triệu vào Phú Xuân cùng hai người vong thần khác: Lê Duy An và Nguyễn Hữu Cung. Vua Gia Long "Khen là tiết nghĩa, vời vào yết kiến, cho ngồi yên ủi hỏi han giờ lâu, cấp cho quần áo và tiền gạo. Sai doanh thần Quảng Đức hậu đãi. Sau bổ Hiến và Bỉnh Đạo làm thị trung học sĩ, Hữu Cung làm cai cơ" (Đại Nam thực lục). Theo lời khai của các quan tỉnh đời Tự Đức thì Hiến làm đến chức tham tri tào Binh ở Bắc thành rồi mất, còn Bỉnh Đạo ra làm hiệp trấn rồi mất.

Còn Quýnh, thì theo QSDB và bia ở nhà thờ đều nói về ở chùa Đại Đồng. Trong tập thơ còn thấy có bốn bài có lẽ làm vào khoảng cuối năm Giáp tí hoặc đầu năm sau: một

bài đề *Họa thơ Vũ Kim sơn* (chú thích tức là Vũ Thân) một bài đề *Gửi cho bạn trúng thức họ Trần người Từ ô;* một bài *Ngẫu cảm* và bài thứ tư đề *Hóng mát ở chùa,* chùa nói đây tên là chùa Vạn Thọ, chỗ Quýnh đi chơi, chứ không thấy ý gì trong các thơ là Quýnh đã qui y Phật.

Mà theo ý tôi, chưa chắc Quýnh, để theo đức Phật đã chịu cắt tóc mà đã cố giữ trong mười lăm năm. Vả tính Quýnh rất cứng rắn, ham tranh đấu như ta đã thấy và sẽ thấy thêm sau. Có lẽ Quýnh chỉ ở chùa ít tháng rồi lại về nhà. Về cuối đời Quýnh, QSDB còn cho ta biết những chi tiết chính xác và đáng được chú ý.

Trước hết về tính tình, Phan Thúc Trực nói: "Nhưng tính Quýnh nhỏ nhen. Ai có lỗi gì nhỏ, cũng xoi mói ra, chứ không ngơ. Chúng bạn không phục. Vả chăng Quýnh dụng tâm làm tiền. Năm xưa, khi ở đất Bắc, ruộng ao mình, các con đều đem bán. Quýnh đòi lại hết thảy. Lại còn đòi nợ người ta, giá họa cho kẻ lương thiện. Vì thế cho nên bị mang oán. Người đời gọi Quýnh là người "tam tiệt", nghĩa là người có ba cái cắt đứt. Lời chê Quýnh nhỏ nhặt tham lam có lẽ là quá đáng. Ta có thể nghĩ rằng Quýnh không có tính dễ dãi xuềnh xoàng. Trái lại tính cương trực, bất khuất trước những chuyện phi lí, phi nghĩa; cho nên đòi hỏi rất nhiều đối với mọi người cũng như đối với mình. Có lẽ trong khi Quýnh bôn ba, thì có người ở yên làm giàu lợi dụng tình thế quẫn bách của gia đình Quýnh mà mua rẻ ao vườn của y, cho nên khi về, Quýnh mới đòi lại gắt gao như vậy.

Cho đến cái chết bất ngờ của Quýnh cũng chứng tỏ cái tính hiếu sự, can đảm của Quýnh. Phan Thúc Trực, trong QSDB chép rõ ràng chuyện ấy. Lời rằng:

"Tháng 9, ngày mồng 1 (năm Ất sửu 1805), kẻ trộm giết Lê Doãn Hữu và cả con là Thốt."

Ta đã biết rằng Doãn Hữu đây là một tên khác của Quýnh, còn Thốt thì không biết có phải Thuyên chăng? QSDB chép tiếp:

"Làng Bình Ngô có tướng trộm tên Bi, tự xưng là Bắc sứ súy, thỉnh thoảng thình lình ẩn hiện cướp bóc. Phải lúc Bi đốt phá làng Ngâm Điền, cướp nhiều súc vật và của cải. Quýnh đem người nhà chặn đường đánh cướp lại, Bi rất căm tức. Đêm hôm ấy, đem nhiều quân đến đốt phá nhà Quýnh, đâm Quýnh vài mươi lát. Quan phủ là Nguyễn Đình Tôn lập án sống. Sau mười lăm ngày thì Quýnh mất. Lại lập án chết.

"Con Quýnh là Trạc (chép Trạc như trên đã nói) và Thốt vì cha mà báo thù; đi về thường cầm binh khí tùy thân. Bi lại đặt người nấp, đâm Thốt chết ngoài đồng"

"Quận Thành sai quan điếu tặng và vâng mệnh ban tiền gạo để làm lễ táng. Nguyễn Đăng Sở làm văn tế rằng:

"Chôn rắn, lấp hươu - Ngựa sừng, trâu bé. Nghìn vạn dặm sóng to được thoát, thoát về đến bến, giữ thuyền không - Mười sáu năm sương tuyết chẳng sờn, rét chửa đến kì, khô gốc bá.

Chỉ còn nghĩa liệt để nhân gian - Xứng gặp vua cha nơi địa hạ.

Hình về dưới mộ, thấy hương bay phảng phất tinh thần - Thần trở lại nhà, nghe văn khổn thô sơ cũng thỏa".

QSDB còn chép thêm hai câu đối phúng, có lẽ cũng của Nguyễn Đăng Sở.

Đăng Sở người làng Hương Triện, huyện Gia Định, xứ Kinh Bắc, sinh năm 1754, đậu Hoàng giáp khoa cuối đời Lê (Chiêu Thống năm đầu 1787), và làm phó sứ trong sứ bộ cuối cùng đi Thanh của Tây Sơn (1802) Đại Nam thực lục), cũng là tác giả bài mộ bi ghi lịch sử của hai anh em thúc bá họ Nguyễn, Quýnh và Trị, cùng giữ khí tiết trong mười sáu năm ở Yên Kinh, trước khi cùng được về làng. Để chấm dứt chuyện *Bắc hành* này, tôi sẽ dịch nguyên văn bài văn bia ấy mà nay còn thấy chép trong sách *Lê triều tiết nghĩa lục*, theo bản chép tay chắc còn mang một số sai sót. Văn rằng:

"CỐ LÊ TRIỀU TÙNG THẦN MỘ BI"

"Hầu họ Lê, người huyện Siêu Loại, xã Đại Mão; là con trưởng quan Hình bộ tả thị lang, tiến sĩ khoa Cảnh Hưng Quí hợi (1743 - khi đậu 29 tuổi), tước Đại nham hầu (tên là Lê Doãn Giản). Tên hầu là Quýnh.

"Đường đệ hầu, Lê Trị là con trai thứ năm quan Lạng Sơn tổng trấn, tiến sĩ khoa Cảnh hưng Mậu thìn (1748, khi đậu cũng 29 tuổi), tước Tú Xuyên hầu (tên là Lê Doãn Thân, em ruột Doãn Giản).

"Vì giữ chức thị vệ có công, Hầu được phong tước Trường phái hầu (bản sao viết Trường hà, chữ Hà là sông

viết thảo gần giống chữ Phái. Hoặc chăng thoại Trường hà là phải? Phải có bản dập bia mới chắc). Lê Trị có công chạy theo vua (lần đầu), được ban tước Siêu loại hầu.

"Năm đầu Chiêu Thống (1787), ngày sóc tháng chạp, Tây Sơn đem quân xâm phạm thành Thăng Long. Vua ngự giá lên Bắc trốn ở Lạng Giang. Hầu đem người nhà hộ vệ, đi từ xứ Bắc đến xứ Đông.

"Năm thứ hai là năm Mậu thân (1788) tháng hai, Hầu vâng mệnh đi theo tìm Thái hậu và Nguyên tử ở Cao Bằng. Bị quân Tây Sơn đuổi bức, bèn vâng mệnh đầu vào Nội địa tại phủ Nam Ninh. Việc tâu lên, Hoàng đế nước Đại Thanh sai Hầu đi đường Quảng Đông về thám thính trong nước. Khi Hầu trở lại, Hoàng đế bèn sai tổng đốc Lưỡng Quảng, Tôn Sĩ Nghị cầm quân đi cứu viện.

"Tháng mười một, đánh được lấy lại Kinh thành. Vua cưỡi xe về chính vị. Bấy giờ, của thiếu, binh ít. Hầu được giữ chức Bình chương sự, coi tất cả các việc binh và lương. Hầu Siêu lĩnh thị đi sứ đón Thái hậu và Nguyên tử từ Nam Ninh về.

"Năm thứ ba là năm Kỉ dậu (1789), tháng giêng, quân Tây Sơn ngầm đến. Binh của tổng đốc Tôn vỡ tan, tổng đốc lui chạy về Bắc. Vua cũng ngự giá sang Bắc. Khi gần đến Yên Kinh thì có lệnh bắt tất cả phải cắt tóc và chịu phong chức, không có ý trở lại cứu viện lần thứ hai.

"Hầu ở trong nước, mộ lính trữ lương; dự bị sắp đặt trước, hàng ngày ngóng viện binh trở lại. Hết hè qua đông,

cuối cùng không nghe tăm tích. Bèn cùng em là Lê Trị, với các bọn đồng chí Trịnh Hiến, Lí Bỉnh Đạo đi qua cửa quan mưu đồ khôi phục. Khi tới nơi thì đến cùng không cho gặp mặt vua, ép phải cắt tóc cải trang. Các người không chịu. Bị giam cấm tại ngục. Trong suốt mười ba năm, lấy oai hiếp, lấy lợi dỗ, cuối cùng không thắng nổi. Hầu thường có thơ rằng:

Thân khốn thập niên hoài tổ tiết
Mệnh tùy nhất phát biểu đan tâm
(Thân khổ mười năm ôm tiết trắng
Mệnh tùy một tóc tỏ lòng son)

Khí tiết hiện ra trên thi văn không phải chỉ một chỗ. Khi vua Lê cũ còn sống, đã sai ghi những lời ấy, đề là Tứ công thi tập (tập thơ của bốn ông). Bắc triều khen là Lê gia tứ nghĩa sĩ (bốn nghĩa sĩ nhà Lê)

"Đến năm đầu Gia Long, là năm Nhâm Tuất (1802), giặc Tây Sơn đã dẹp yên, con đầu Hầu, là Doãn Trác vâng mệnh theo sứ bộ sang thăm tin tức. Năm thứ ba là năm Giáp tí (1804), Bắc triều tư giao trả về nước. Bèn được giữ nguyên tóc mà về. Lại xin phép rước quan tài vua Lê cũ và hài cốt Thái hậu, Nguyên tử trở về táng ở Thanh Hoa. Lễ xong, lập tức tới chùa xã Đại Đồng trong huyện nhà mà ở. Thơ Hầu có câu:

Phật tổ di lai huấn tử đệ (1)

---

(1) QSDB đổi *di* và *huấn* ra *dung* và *sơ*

Hoàng thiên hứa tác cựu nhân dân
(Phật tổ dành lại dạy tử đệ
Hoàng thiên cho làm nhàn dân xưa).

"Tráng thay! Suốt khoảng mười bảy năm, thủy chung không đổi. Có bốn bầy tôi nhà Lê trung nghĩa mà anh em hầu chiếm hai ngôi. Thật là người xưa gọi là hiếm thấy vậy. Ôi! đọc sách thánh hiền, hành đạo thánh hiền, như Hầu đáng gọi là người như vậy. Hoàng đế triều ta khen là có chí tiết; nhiều năm ban ơn, nuôi cấp tuổi già. Hầu được toại nguyện.

"Năm Ất sửu (1805), ngày mười sáu tháng chín, hầu mất. Hầu Siêu lĩnh theo lời di chúc, đi vào Kinh yết kiến Hoàng đế, rồi lại xin về quê quán an dưỡng. Trong nhiều ngày, từng cùng người thân bạn cũ vui vẻ. Hầu Siêu lĩnh thường dán bốn chữ Tạ Thiên thành phúc (cảm ơn trời cho cái phúc trong trẻo) để tỏ chí mình. Năm Gia Long thứ mười là năm Tân vị (1811) ngày mồng tám tháng ba, Hầu mất tại nhà.

"Ôi! Hai hầu dòng dõi nhà xưa, di thần nước lớn. Trong tiến thoái, trung hiếu thì không quản. Tính kiên trì là như thế. Ý chừng, đã có Trường phái hầu làm anh, thì biết chí của Siêu Lĩnh hầu. Đã có Siêu Lĩnh hầu làm em, càng làm tỏ lòng trung của Trường phái hầu. Hai anh em một cửa, trung nghĩa gồm no, đủ làm sáng sử xưa, rệt đời sau, rạng rạng rực rực. Trông các quân tử trước thật không thẹn.

"Bèn ghi chuyện để lại lâu đời trên đá.

"Năm Gia Long thứ mười hai, là năm Quí dậu (1813) tháng sáu ngày lành.

"Chính tiến sĩ (Hoàng giáp) khoa Lê Chiêu Thống- Đinh vị (1787). Nguyễn Kiên phủ (Đăng Sơ) soạn".

Đối với những nhân thần trung nghĩa với nhà Lê, Gia Long trong khoảng đầu đối đãi khá hậu, vì bấy giờ đang dùng chính sách thu phục nhân tâm miền Bắc. Nhưng nhân dân vẫn nhớ nhà Lê, và cũng có kẻ muốn mưu đồ chống họ Nguyễn mới, cho nên lợi dụng danh Lê Duy Hoán, khiến Hoán và gia đình bị giết vào tháng 11 năm Bính thân (1816). Vì vậy dần dần những kẻ vong thần triều Lê cũng không ai dám nhắc tới.

Phải đợi đến năm Tự Đức thứ 10 (1857), viện Đô sát mới tâu xin biểu dương các bầy tôi tuẩn tiết triều Lê mạt. Vua bằng lòng nhưng dặn phải tra cứu cho cẩn thận và chỉ biểu dương tên những người có hành động đặc biệt mà thôi (lời dụ ngày 27 tháng 4). Vua lại bảo đình thần bàn cách biểu dương ấy. Đồng thời, vua được đọc một vài câu thơ của Lê Quýnh và các trung thần khác. Vua Tự Đức vốn thích văn thơ lại hay vịnh sử, cho nên sai bộ Lễ sưu tầm các thi văn của các nghĩa sĩ.

Đình thần xin ghi tên 25 người gồm những tòng vong đã không chịu khuất phục vua Thanh và những người đã chống lại Tây Sơn bằng tinh thần, như Trần Danh Án hoặc bằng vũ lực như Nguyễn Đình Viện. Trong đó lại có hai đàn bà: Lê Thị Kim là hoàng phi Chiêu Thống và Phan Thị

Thuấn là vợ Ngô Cảnh Hoàn đã tự trầm chết theo chồng khi chống quân Nguyễn Huệ ở bến đò Thúy Ái. Hai bà này đã có đền riêng và đã được phong thụy. Vậy vua sai lập đền ở Hà Nội để thờ 23 vị và đặt Lê Quýnh đứng đầu với tên thụy đặc biệt là Trung Nghị. Lê Doãn Trị cũng được thờ trong đền này, còn hai bạn đồng ngục kia Lê Hiến và Lí Bỉnh Đạo thì đã nhận làm quan triều Nguyễn nên không được vinh dự ấy.

"Thời cùng tiết nãi hiện (khi vận nước hết thì khí tiết nhân dân bèn tỏ rõ). Văn Thiên Tường đã bộc lộ một sự thật đời đời trong câu thơ bất hủ ấy. Ngày nay cũng như ngày xưa, dân ta đã tỏ cái khí tiết bất khuất đối với mọi lí tưởng vì nước, vì dân, vì tinh thần, vì tư tưởng. Sự Lê Quýnh không chịu cắt tóc, đành chịu ngục tù thật ra thì chỉ là việc mọn, nhưng nó tỏ tinh thần dân ta đời đời không chịu khuất nhục, không chịu mất dân tộc tính. Vậy đó là một giai thoại nên ghi và đáng được nhắc lại. Nếu độc giả cũng cảm thấy như thế thì chúng ta không phụ công Quýnh đã biên tập BẮC HÀNH TÙNG KÍ và tôi cũng không luống công trình bày và dịch tác phẩm ấy.

Paris hè năm 1969

BẮC HÀNH TÙNG KÝ

Chịu trách nhiệm xuất bản : VÕ NGUYÊN
Biên tập : LÊ DẦN
Bìa :
Chữa bản in : LÊ DUY

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19cm tại Xí nghiệp in II Bộ Nội vụ. Số đăng ký 28/VH-TH. Số quyết định xuất bản 522 XB/TH. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/1993

5556